

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MINH

**ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN
CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2020**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI – 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MINH

**ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN
CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2020**

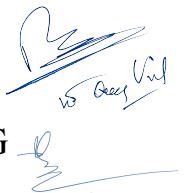
LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 9229015

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. VŨ QUANG VINH

TS. TRẦN THỊ MỸ HƯỜNG



HÀ NỘI – 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Minh', with a stylized flourish at the end.

Nguyễn Thị Minh

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	8
1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG NỘI DUNG LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU	27
Chương 2: QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2015	31
2.1. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	31
2.2. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH	48
2.3. QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	66
Chương 3: ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020	83
3.1. NHỮNG YÊU CẦU MỚI ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH	83
3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	89
3.3. ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH	92
Chương 4: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM	136
4.1. NHẬN XÉT	136
4.2. KINH NGHIỆM CHỦ YẾU	165
KẾT LUẬN	174
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	178
PHỤ LỤC	202

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCH	: Ban Chấp hành
CNH	: Công nghiệp hóa
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa
HĐH	: Hiện đại hóa
HTX	: Hợp tác xã
HĐND	: Hội đồng nhân dân
KT-XH	: Kinh tế-Xã hội
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
NTM	: Nông thôn mới
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn là vấn đề chiến lược vì gắn liền với phần lớn dân số Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định vị trí và vai trò của nông nghiệp, nông dân: “Việt Nam là một nước sống về nông nghiệp. Nền kinh tế của ta lấy canh nông làm gốc. Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh”[87, tr.246].

Xây dựng NTM là một chủ trương lớn, có tính chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước nhằm phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn một cách toàn diện, bền vững. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) của Đảng, đặc biệt từ Hội nghị Trung ương 7 khóa X (5-8-2008), Đảng ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW (khóa X) năm 2008 *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, chương trình xây dựng NTM đã trở thành cuộc vận động chính trị – xã hội rộng lớn, có tác động lớn tới nhiều vấn đề trong cuộc sống của người dân nông thôn Việt Nam, cải thiện các lĩnh vực vật chất, tinh thần của người nông dân, củng cố thêm niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Nghị quyết 26-NQ/TW lần đầu tiên đặt vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn vào vị trí mang tính chiến lược trong toàn bộ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, coi đây là vấn đề “chiến lược, cơ bản, lâu dài”, là khởi đầu công cuộc xây dựng NTM ở Việt Nam. Đó là cơ sở lý luận và là động lực thực tiễn, giúp nông nghiệp, nông dân và nông thôn chuyển biến mạnh trong giai đoạn cách mạng mới.

Tỉnh Nam Định – một địa phương có truyền thống cách mạng, dân cư đông, sản xuất nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công cuộc xây dựng NTM tại Nam Định giai đoạn 2008–2020 đã đạt nhiều thành tựu nổi bật: Nam Định trở thành địa phương đầu tiên trong nước hoàn

thành mục tiêu 100% xã đạt chuẩn NTM vào năm 2019; nhiều huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và kiểu mẫu; thu nhập và cuộc sống người dân nông thôn cải thiện rõ rệt, tạo cơ sở để nông thôn phát triển bền vững. Những thành tựu này không chỉ có giá trị thực tiễn mà còn là minh chứng sinh động cho hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh trong việc hiện thực hóa chủ trương của Đảng một cách sáng tạo phù hợp điều kiện thực tế địa phương.

Cùng những kết quả đạt được, thực tiễn vận dụng chủ trương xây dựng NTM của Đảng còn không ít khó khăn, trở ngại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và huy động nguồn lực, giữ vững kết quả đạt được... Đặc biệt, trong bối cảnh Đảng tiếp tục đẩy mạnh xây dựng NTM giai đoạn 2021–2025 với yêu cầu cao hơn, kinh nghiệm từ thực tiễn tại Nam Định cần được tổng kết nghiêm túc trên cơ sở khoa học, thực tiễn. Tuy nhiên, việc nghiên cứu hệ thống, toàn diện và khoa học về quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện chủ trương xây dựng NTM giai đoạn 2008–2020 vẫn còn hạn chế, nhất là việc đánh giá kinh nghiệm, phát hiện những nhân tố thành công để kế thừa, phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Do đó, việc lựa chọn đề tài **“Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng nông thôn mới từ năm 2008 đến năm 2020”** làm đề tài luận án Tiến sĩ Lịch sử, ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để nghiên cứu là một yêu cầu cấp thiết, góp phần tổng kết thực tiễn, bổ sung luận cứ khoa học cho việc lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng ở địa phương, góp phần làm rõ phương thức lãnh đạo và vai trò của tổ chức Đảng cấp tỉnh với một chủ trương chiến lược của Đảng trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM ở tỉnh Nam Định từ năm 2008 đến năm 2020; nhận xét ưu điểm và hạn chế trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, từ đó đúc

rút những kinh nghiệm chủ yếu, góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng NTM ở tỉnh Nam Định giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích, làm rõ các yếu tố tác động đến quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định từ năm 2008 đến năm 2020.

- Hệ thống hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng NTM từ năm 2008 đến năm 2020.

- Phân tích quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định từ 2008 đến 2020 trong thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM qua hai giai đoạn (2008-2015), (2015-2020).

- Đánh giá ưu điểm và hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chủ trương của Đảng về xây dựng NTM từ 2008 đến 2020 của Đảng bộ tỉnh Nam Định.

- Đúc kết những kinh nghiệm chủ yếu của Đảng bộ tỉnh Nam Định trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM từ năm 2008 đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là chủ trương của Đảng và quá trình lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai chủ trương của Đảng về xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định những năm từ 2008 đến 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án nghiên cứu chủ trương của Đảng về xây dựng NTM và quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chủ trương của Đảng về xây dựng NTM theo nhóm vấn đề thuộc 19 tiêu chí ở giai đoạn 2008-2015 và nhóm vấn đề cơ bản trong giai đoạn 2015-2020. Tỉnh Nam Định ngoài nhóm vấn đề thuộc 19 tiêu chí chung có bổ sung bộ tiêu chí xã NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2020.

- *Về không gian*: Luận án nghiên cứu về xây dựng NTM ở tỉnh Nam Định, gồm: thành phố Nam Định và 9 huyện.
- *Về thời gian*: Luận án nghiên cứu xây dựng NTM với thời gian 12 năm (2008-2020). (Sở dĩ Nghiên cứu sinh chọn mốc mở đầu là năm 2008 vì Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đề ra mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ”[52, tr.126]. Sau đó, Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP (28-10-2008) được Chính phủ ban hành, xác định “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới”. Năm 2020 là mốc kết thúc thời gian mà luận án nghiên cứu vì đây là năm kết thúc nhiệm kỳ Đại hội của Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XIX (2015-2020); đánh giá kết quả lãnh chỉ đạo của Đảng bộ trên nhiều lĩnh vực trong đó có vấn đề xây dựng NTM để chuẩn bị điều kiện cho công cuộc xây dựng NTM giai đoạn tiếp theo). Tuy nhiên, để vấn đề nghiên cứu có tính hệ thống, luận án nghiên cứu một số nội dung liên quan từ trước và sau 12 năm nói trên.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về xây dựng NTM.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, thống kê, điền dã... trong nghiên cứu những nội dung cụ thể của luận án.

4.3. Nguồn tư liệu

Nguồn tư liệu chính là: Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Đảng; Chương trình, Kế hoạch của Chính phủ về xây dựng NTM; kết luận, các tổng kết của Ban Chỉ đạo các cấp về xây dựng NTM, các sách, báo về xây dựng NTM của tỉnh Nam Định; các báo cáo, nghị quyết của Tỉnh ủy và UBND, MTTQ tỉnh Nam Định; những công trình nghiên cứu về Nam Định và công tác xây dựng NTM ở Nam Định.

5. Đóng góp mới của luận án

- Cung cấp tư liệu, nhất là tư liệu của Nam Định về việc lãnh đạo triển khai xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định, về thực hiện xây dựng NTM nâng cao và kiểu mẫu của tỉnh Nam Định.

- Góp phần làm sáng tỏ tính đúng đắn, sáng tạo trong vận dụng chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định.

- Góp phần tổng kết, đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chủ trương của Đảng về xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định. Từ đó đúc rút một số kinh nghiệm có giá trị lý luận, thực tiễn để Đảng bộ và chính quyền tỉnh Nam Định tiếp tục hoạch định chủ trương xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu trong giai đoạn tiếp theo.

- Làm sáng tỏ vai trò lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh mới, góp phần phục vụ Đảng bộ các địa phương nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu trong công cuộc phát triển nông nghiệp, nông thôn hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

** Ý nghĩa khoa học*

- Luận án góp phần làm rõ hơn chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng NTM trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, từ đó bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng bộ cấp tỉnh trong thực hiện các chủ trương lớn của Trung ương, góp phần cung cấp luận cứ khoa học để Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương và chính sách xây dựng NTM trong tình hình mới.

- Luận án góp phần tổng kết sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định trong thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM; nhận xét ưu điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo; đúc kết những kinh nghiệm chủ yếu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chủ trương của Đảng về xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định từ năm 2008 đến năm 2020.

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp thêm cơ sở khoa học cho quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định tiếp tục đẩy mạnh đổi mới sự lãnh đạo xây dựng NTM trong giai đoạn tiếp theo.

** Ý nghĩa thực tiễn*

- Trên cơ sở nghiên cứu Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo triển khai chủ trương xây dựng NTM của Đảng – một địa phương về đích sớm trong xây dựng NTM, luận án cung cấp những luận cứ khoa học giúp nhận diện rõ hơn phương thức, hiệu quả, thực chất lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ địa phương với một nhiệm vụ chính trị trọng tâm.

- Kết quả nghiên cứu góp phần tổng kết thực tiễn sinh động, tạo tiền đề cho các công trình nghiên cứu tiếp theo về xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền ở cấp tỉnh trong điều kiện phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới.

- Luận án cung cấp kết quả thực tiễn làm cơ sở để Đảng tổng kết các địa phương, đề ra chủ trương và chính sách xây dựng NTM sát, đúng tình hình khu vực.

- Luận án cung cấp cái nhìn hệ thống, đầy đủ về quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện xây dựng NTM, từ đó rút ra những kinh nghiệm thực tiễn sâu sắc cho các địa phương khác trong tổ chức thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới” trong thời gian tiếp theo.

- Các kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong hệ thống trường chính trị, học viện, cơ sở đào tạo về lý luận chính trị và hành chính.

- Luận án góp phần nâng cao nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình phát triển KT-XH ở nông thôn, đồng thời, từ thực tiễn lãnh đạo

triển khai chủ trương của Đảng trong xây dựng NTM để Đảng bộ tỉnh đưa ra phương hướng, giải pháp để phát huy vai trò của Đảng bộ cấp tỉnh trong quá trình đổi mới toàn diện nông thôn, phục vụ xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu

7. Kết cấu của luận án

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Phát triển nông nghiệp, nông thôn và vấn đề nông dân được nhiều nhà khoa học trong nước và nước ngoài quan tâm nghiên cứu, trong đó xây dựng NTM có nhiều sách, báo, công trình khoa học, luận án, hội thảo, tạp chí... nghiên cứu trên các lĩnh vực.

1.1.1. Những nghiên cứu về nông nghiệp, nông thôn, nông dân và xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới

Về vấn đề này có một số cuốn sách tiêu biểu ở từng giai đoạn lịch sử, đó là:

Cuốn sách của Nguyễn Điền “*Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*” [61] nghiên cứu vấn đề lý luận trong CNH nông nghiệp, nông thôn, tổng kết một vài nội dung về nông thôn, CNH nông thôn: đưa ra khái niệm về nông thôn, về phát triển nông thôn, CNH nông nghiệp, nông thôn một số nước châu Á và Việt Nam. Theo tác giả, định hướng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn Việt Nam do Đại hội VIII của Đảng đưa ra với 3 nhóm vấn đề: *một là*, phát triển nông nghiệp; *hai là*, phát triển công nghiệp theo hướng CNH, HĐH; *ba là*, cải tạo, xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng KT - XH nông thôn. Trong tiến hành CNH nông nghiệp, nông thôn, các nội dung đó có quan hệ hữu cơ với nhau, cụ thể: phát triển ngành nghề công nghiệp nông thôn, phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, xây dựng, cải tạo, phát triển cơ sở hạ tầng KT- XH nông thôn...góp phần phục vụ công tác xây dựng NTM.

Trung tâm phát triển nông thôn, Dự án MISPA 2006 đưa ra vấn đề “*Lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa*” của dịch giả Cù Ngọc Hương [126] nghiên cứu vấn đề xây dựng NTM XHCN ở Trung Quốc trên một số vấn đề. Đó là khái niệm, bối cảnh và ý nghĩa thực tiễn, nội hàm của

công cuộc xây dựng NTM XHCN, khái quát ý kiến đa chiều của các nhà khoa học trong nước về những vấn đề lý luận cần nghiên cứu tiếp như hệ thống lý luận xây dựng NTM XHCN; tiêu chuẩn, mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá công cuộc xây dựng NTM XHCN và lựa chọn các chỉ tiêu cho từng khu vực; phạm vi, trọng điểm, phương án xây dựng; lý thuyết, nguyên tắc, phương pháp, sự đảm bảo thực hiện kế hoạch xây dựng NTM; thể chế quản lý, cơ chế trao vốn, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế, cơ chế giám sát, cơ chế đảm bảo thành công sự nghiệp xây dựng NTM... Kết quả nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài có giá trị tham khảo thiết thực trong lãnh đạo xây dựng NTM tại Việt Nam.

Cuốn sách *“Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam”* của Benedict J. Kerrkvliet, Jamesscott do Nguyễn Ngọc, Đỗ Đức Định [78] giới thiệu. Cuốn sách nghiên cứu vai trò và đặc điểm của nông dân, thiết chế xây dựng nông thôn ở một số nước có giá trị tham khảo và kết quả bước đầu về nghiên cứu làng truyền thống ở Việt Nam. Cuốn sách này có những điểm có thể tham khảo về những vấn đề xây dựng nông thôn Việt Nam hiện nay, đó là: Tương lai của các trang trại nhỏ, giai cấp nông dân với việc áp dụng khoa học, về hệ tư tưởng của giai cấp nông dân, mô hình nông thôn thuộc các nước nông nghiệp trồng lúa và các cách thức sở hữu đất đai.

Cuốn sách của Đỗ Tiến Sâm *“Vấn đề tam nông ở Trung Quốc thực trạng và giải pháp”* [106] với nội dung chính: Khái niệm, quan điểm về tam nông; về hiện thực nông thôn Trung Quốc với những thuận lợi, khó khăn trong xử lý vấn đề nông thôn, phương hướng, giải pháp phát triển NTM XHCN. Đồng thời, phân tích tình hình, đề xuất một số chính sách và biện pháp căn cơ với người dân nông thôn Trung Quốc, từ đó rút ra kinh nghiệm để Việt Nam tham khảo.

Đặng Kim Sơn với cuốn sách *“Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa”* [110] từ việc phân tích và khái quát vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong CNH ở một vài nước trên thế giới, tác giả đề cập một số vấn đề mang tính lý

luận, thực tiễn ở Việt Nam như: Vai trò của nông nghiệp trong CNH, về cơ cấu sản xuất, lao động, môi trường và đất đai,... trong quá trình CNH đất nước. Đó cũng chính là vấn đề mà Việt Nam nghiên cứu trong công cuộc đẩy mạnh CNH, HDH.

Cuốn sách của Trần Ngọc Ngoạn “*Phát triển nông thôn bền vững những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*” [93] đề cập vấn đề lý luận và kinh nghiệm xây dựng, phát triển nông thôn bền vững ở một số nước trên thế giới. Cuốn sách làm rõ việc phát triển bền vững nông thôn, một nhu cầu phát triển của từng quốc gia trên thế giới; lý thuyết phát triển bền vững nông thôn, kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng phương pháp phát triển bền vững. Phát triển bền vững nông thôn được đề cập với 3 khía cạnh: *thứ nhất là*, kinh tế nông thôn phát triển bền vững; *thứ hai là*, phát triển bền vững xã hội nông thôn; *thứ ba là*, quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên.

Cuốn sách của Nguyễn Xuân Cường “*Quá trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn ở Trung Quốc*” [27] đề cập tiến trình phát triển nông thôn Trung Quốc. Tác giả đi sâu nghiên cứu vấn đề KT - XH ở nông thôn Trung Quốc trước khi tiến hành cải cách, mở cửa (những năm 1949 - 1978) đến cải cách, phát triển nông thôn (1978 - 1991); nghiên cứu sâu việc chuyển đổi thể chế kinh tế nông nghiệp, nông thôn (những năm 1978 - 1984), phát triển nền công nghiệp nông thôn (những năm 1985 - 1991); giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn. Ngoài ra, cuốn sách nghiên cứu những giải pháp đẩy mạnh phát triển nông thôn (1992 - 2003) từ xây dựng thị trường nông thôn đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn; quá trình phát triển các xí nghiệp Hương trấn được điều chỉnh; thể chế kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được đổi mới; giải quyết vấn đề xã hội ở nông thôn và đô thị hóa nông thôn,... Những vấn đề của xã hội như: xóa đói giảm nghèo, việc làm và chuyển dịch lao động, giáo dục, hệ thống an sinh xã hội...và vấn đề xây dựng NTM XHCN trong những năm 2003 đến năm 2008 qua các kết quả cải cách, phát triển và chuyển biến xã hội nông thôn,

khó khăn nảy sinh trong cải cách và phát triển nông thôn... Tổng thể hiện trạng xây dựng và phát triển KT - XH nông thôn ở Trung Quốc trong những năm đầu cải cách, mở cửa (từ năm 1978 đến năm 2008) được trình bày khá đầy đủ, rõ nét.

Ngoài ra, còn có những nghiên cứu đăng trên các tạp chí, hội thảo như:

Bài viết của Lê Thế Cương “*Thực tiễn hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam*” [26] làm rõ các nội dung cơ bản trong “hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc”, qua đó đúc kết kinh nghiệm tham khảo để xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam. Tác giả đúc kết kinh nghiệm về thúc đẩy việc tuyên truyền tạo chuyển biến về nhận thức vai trò và ý nghĩa của CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn của hệ thống chính trị, nhất là về nông dân - chủ thể của lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; thúc đẩy đổi mới, dần hoàn thiện các cơ chế chính sách và cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn, về chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được ban hành; chất lượng nguồn nhân lực, viện nghiên cứu, nguồn lực kỹ thuật trong nhà trường, trung tâm nghiên cứu nông nghiệp được chú trọng nâng cao; khoa học ứng dụng được tập trung nghiên cứu; xây dựng, đầu tư các hình thức tổ chức kinh tế nông nghiệp và nông thôn, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp.

Bài viết của Đào Thế Tuấn “*Chính sách nông thôn, nông dân và nông nghiệp mới ở Trung Quốc*” [128] tổng kết thực trạng nông thôn Trung Quốc (1978 – 2005), chính sách xây dựng NTM XHCN để giảm khoảng cách đô thị và nông thôn, tạo sự bền vững trong phát triển. Chính sách chính của Trung Quốc lúc đó là sức mạnh kinh tế tăng, chuyển từ “lấy nhiều cho ít” sang “lấy ít cho nhiều”. Năm 2004 là bước đột phá trong cải cách nông thôn Trung Quốc thể hiện bằng các văn kiện điều chỉnh chính sách nông nghiệp và thúc đẩy xây dựng NTM; chỉ ra yêu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ của công cuộc xây dựng NTM...

Bài viết của Trịnh Cường “*Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới*” [114, tr. 472-473], trong Hội thảo “*Xây dựng nông thôn mới- những vấn đề lý luận và thực tiễn*” [114] của Tỉnh ủy Nam Định phối hợp với Tạp chí Cộng sản-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề cập một vài kinh nghiệm trong xây dựng NTM ở Thái Lan. Bài viết cho thấy: Thái Lan vốn là một nước nông nghiệp truyền thống với dân số nông thôn chiếm khoảng 80% dân số. Trong hàng thập kỷ, nông nghiệp Thái Lan giữ vị trí quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo đảm chất lượng cuộc sống nhân dân. Để thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp bền vững, Thái Lan thực hiện một số chiến lược: Tăng cường vai trò của cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; đẩy mạnh phong trào học tập, nâng cao trình độ từng cá nhân và tập thể bằng cách mở các lớp học và hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; tăng cường bảo hiểm xã hội cho nông dân, giải quyết tốt nợ trong nông nghiệp; giảm nguy cơ rủi ro và thiết lập hệ thống đảm bảo rủi ro cho nông dân. Đối với sản phẩm nông nghiệp, Nhà nước hỗ trợ để tăng sức cạnh tranh như: Tổ chức hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp, đẩy mạnh tiếp thị... Ngoài ra, nhà nước Thái Lan còn phân bổ khai thác tài nguyên thiên nhiên khoa học và hợp lý, góp phần ngăn chặn khai thác tài nguyên bừa bãi và kịp thời phục hồi những khu vực tài nguyên bị suy thoái; Giải quyết tốt mâu thuẫn về tư tưởng trong nông dân liên quan đến việc dùng tài nguyên lâm, thủy hải sản, đất đai, đa dạng sinh học, phân bổ đất canh tác. Nhà nước có chiến lược xây dựng và phân bổ hợp lý công trình thủy lợi lớn, phục vụ nông nghiệp trong phát triển cơ sở hạ tầng. Hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu hầu hết đất canh tác trong toàn quốc, góp phần nâng cao năng suất lúa và các loại cây trồng khác trong sản xuất nông nghiệp. Xây dựng các trạm thủy điện vừa và nhỏ khắp cả nước trong chương trình điện khí hóa nông thôn.

Về lĩnh vực công nghiệp phục vụ nông nghiệp, chính phủ Thái Lan tập trung: Cơ cấu lại các ngành nghề phục vụ phát triển công nghiệp nông thôn, có xem xét đến các nguồn tài nguyên, những kỹ năng truyền thống, nội lực, tiềm năng trong sản xuất và tiếp thị cùng với việc cân đối nhu cầu tiêu dùng nội địa và nhập khẩu.

Cụ thể, Thái Lan tập trung phát triển các ngành sản xuất mũi nhọn như hàng nông, thủy hải sản phục vụ xuất khẩu, thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp chế biến nông sản tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, nhất là các nước công nghiệp phát triển, yêu cầu cao. Đây là những yếu tố chính thúc đẩy nông nghiệp Thái Lan cất cánh.

Một số cuộc hội thảo chuyên đề góp phần làm rõ thêm vấn đề xây dựng NTM, tiêu biểu:

Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc với cuộc Hội thảo lần thứ tư về *“Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn: kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc”* [58] luận giải vấn đề lý luận, thực tiễn của Việt Nam, Trung Quốc về nông nghiệp, nông dân và nông thôn thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Những kinh nghiệm quý từ thực tế Việt Nam và Trung Quốc được phân tích, đúc rút trong thực hiện chính sách nông nghiệp, nông dân và nông thôn của mỗi nước. Trong lộ trình phát triển theo hướng hiện đại hóa ở Việt Nam, công cuộc xây dựng NTM được phân tích trên nhiều vấn đề liên quan dưới các góc độ như vai trò, quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn; kinh tế thị trường nông thôn được chú trọng phát triển; xóa đói giảm nghèo, môi trường sinh thái nông thôn được bảo vệ, xây dựng NTM ở Việt Nam – những vấn đề đặt ra, giải pháp thực hiện...

Hội thảo của Tạp chí Cộng sản-Tỉnh ủy Hà Nam *“Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa - đột phá phát triển nông nghiệp bền vững và xây dựng nông thôn mới, gắn với nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị - nhìn từ*

thực tiễn Hà Nam” [115]. Kỷ yếu hội thảo có nhiều bài về kinh nghiệm phát triển nông thôn ở Pháp, Ixraen, Niu Dilân, Thái Lan, Hàn Quốc, Hà Lan, Ấn Độ, Trung Quốc...đáng chú ý bài viết của Nguyễn Đức Thắng: “Một số vấn đề xây dựng nông thôn mới nhìn từ kinh nghiệm của Trung Quốc”. Bài viết khái quát: Sau hơn 30 năm tiến hành cải cách, mở cửa, bộ mặt nông nghiệp, nông thôn Trung Quốc đã có nhiều thay đổi và đạt được những bước tiến mang tính lịch sử, từ nghèo đói lên no ấm, rồi tiến tới khá giả tổng thể và đang trong thời kỳ mới xây dựng một xã hội khá giả toàn diện, vấn đề công nghiệp nông thôn luôn được Đảng và Nhà nước Trung Quốc khẳng định là một nhiệm vụ trọng tâm để triển khai thành công công cuộc xây dựng NTM XHCN. Bài viết tập trung làm rõ ba yếu tố: Vì sao Trung Quốc lại thực hiện chính sách “tam nông”?; Một số chính sách “tam nông” trong phát triển NTM ở Trung Quốc; Một số biện pháp căn cốt của Chính phủ Trung Quốc trong công cuộc xây dựng NTM.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về chủ trương của Đảng đối với nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

Có nhiều cuốn sách nghiên cứu về nhiều lĩnh vực xây dựng NTM ở Việt Nam, tiêu biểu:

Võ Chí Công với cuốn sách “*Những vấn đề cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta*” [24] chỉ rõ quá trình đổi mới tổ chức quản lý xí nghiệp thuộc công nghiệp quốc doanh, tình hình quản lý kinh tế với yêu cầu đổi mới tổ chức quản lý kinh tế và đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp... vấn đề xây dựng NTM XHCN liên quan tới đổi mới tổ chức quản lý kinh tế. Theo tác giả xây dựng NTM XHCN là sự nghiệp to lớn với nhiều khó khăn, là đòi hỏi cấp thiết; phải được giải quyết thống nhất nhiều mặt. Đổi mới quản lý kinh tế sản xuất nông nghiệp trong giải quyết những vấn đề xã hội đặt ra phải gắn với xây dựng NTM XHCN: thực hiện có chất lượng trong quy hoạch KT- XH huyện, xã, thống nhất, hài hòa trong quy hoạch sản xuất nông - công nghiệp, xây dựng kết

cấu hạ tầng..., có kế hoạch, tổ chức thực hiện xây dựng NTM XHCN, công khai hóa, dân chủ hóa gắn với coi trọng kỷ luật, pháp luật quản lý kinh tế...

Cuốn sách của Chu Hữu Quý “*Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn, nông nghiệp Việt Nam*” [104] nhận xét tình hình nông thôn Việt Nam trên hai lĩnh vực: vị trí, vai trò của nông nghiệp và nông thôn; sự phát triển các ngành, lĩnh vực với thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn. Từ đó, tác giả nhận xét một số nội dung về phát triển nông nghiệp và nông thôn, về phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam; chủ trương và chính sách phát triển KT-XH ở nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu chỉ đến năm 1995.

Công trình của Phạm Xuân Nam “*Phát triển nông thôn*” [90] nghiên cứu sự phát triển nông thôn và phân tích một vài nội dung phát triển KT-XH nông thôn Việt Nam như dân số, việc làm, lao động, sử dụng và quản lý nguồn tài nguyên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch, phân tầng xã hội và xóa đói giảm nghèo. Phân tích một số thành tựu, yếu kém, thách thức trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, tác giả nêu yêu cầu hoàn thiện hệ thống chính sách, cách thức chỉ đạo của Nhà nước đối với sự chuyển biến nông thôn.

Cuốn sách của Đặng Kim Sơn “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*” [111] nêu những vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn lúc đó; những thuận lợi, khó khăn, tồn đọng. Từ hiện trạng, tác giả nêu ra các định hướng và kiến nghị chính sách để có thể góp phần đưa nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam tiếp tục phát triển.

Đặng Kim Sơn với cuốn sách “*Công nghiệp hóa từ nông nghiệp - Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*” [109] nhắc lại một số thuyết kinh tế về nông nghiệp như lý thuyết các giai đoạn phát triển nông nghiệp, liên kết giữa kinh tế, lý thuyết về vai trò Nhà nước trong kinh tế thị trường... thành tựu, hạn chế của nền kinh tế Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc trong thực hiện CNH và phát triển nông nghiệp, sau đó khái lược một số kinh nghiệm, lý luận phát triển đúc kết từ CNH. Khảo sát quá trình phát triển kinh tế nông

ng nghiệp Việt Nam (1945 đến những năm đầu đổi mới), chỉ rõ cách thức thực hiện, những thời cơ, thách thức nhằm phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn mới.

Cuốn sách của Nguyễn Văn Bích *“Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới - Quá khứ và hiện tại”* [16] xem xét toàn diện quá trình lịch sử phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam ở thế kỷ XX, đặc biệt là sau 20 năm đổi mới. Nội dung nghiên cứu theo bốn giai đoạn: 1) Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam dưới chế độ do Pháp cai trị (1901-1945); 2) Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau khi nước Việt Nam mới ra đời đến khi đất nước thống nhất (1945-1975); 3) Nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam từ khi thống nhất đất nước, xây dựng nền tảng vật chất, kỹ thuật cho CNXH (1976-1986); 4) Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau 20 năm thực hiện đổi mới (1986-2006). Cuốn sách làm rõ quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý và nhiều vấn đề thực tiễn, lý luận về nông nghiệp và nông thôn. Cuốn sách còn nêu bật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam và vấn đề nông nghiệp, nông thôn.

Cuốn sách của Phạm Ngọc Dũng *“Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay”* [29] nhận xét những thành công về KT - XH trong triển khai CNH, HĐH nông thôn. Tác giả chỉ ra các nhân tố chủ đạo trong phát triển KT - XH ở nông thôn. Các nhà nghiên cứu chỉ rõ: bình đẳng trong phân phối thu nhập, cơ chế chất lượng cao quan trọng hơn cả, là nhân tố bền vững chi phối phát triển KT - XH ở Việt Nam, vì các hoạt động kinh tế thị trường thường đi liền với rủi ro; phân công xã hội cao, hội nhập sâu vào khu vực và thế giới sẽ dẫn đến chi phí giao dịch giữa các khâu tăng cao.

Hội đồng Lý luận Trung ương với cuốn sách *“Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”* [72]. Công trình được hình thành trên cơ sở tuyển chọn các bài viết trong Hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X

về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” do Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức vào tháng 12-2022. Cuốn sách nêu rõ: Nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn quan trọng với sự ổn định và phát triển KT-XH; là một vấn đề có tính chiến lược trong quá trình CNH, HĐH đất nước và tiến trình cách mạng của Đảng. Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết đề ra chiến lược tổng thể, toàn diện về nông nghiệp, nông dân và nông thôn với các quan điểm, chủ trương sát đúng, hợp lòng người dân, được Nhân dân đồng tình và ủng hộ tích cực. Trên cơ sở Nghị quyết số 26-NQ/TW, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tích cực ban hành, triển khai thực hiện nhiều cơ chế và chính sách, chương trình, đề án để đẩy mạnh nông nghiệp phát triển, nâng cao chất lượng sống cho người dân nông thôn, để xây dựng NTM. Các bài viết trong cuốn sách làm rõ thực tiễn phát triển “tam nông” và những vấn đề lý luận ở Việt Nam sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26 - NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa X, đề xuất các giải pháp đột phá trong xây dựng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” theo chủ trương đề ra tại Đại hội XIII của Đảng.

Cuốn sách của Nguyễn Ngọc Hà *“Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)”* [63] thể hiện rõ hơn điều kiện lịch sử, quá trình hình thành quan điểm và chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn Việt Nam hiện đại, văn minh. Cuốn sách nghiên cứu nền kinh tế nông nghiệp và sự biến đổi xã hội nông thôn thời kỳ đổi mới một cách toàn diện; quá trình thực hiện đường lối, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp và những thành tựu đạt được. Trong đó với trọng tâm Đảng lãnh đạo đổi mới quản lý ruộng đất, cơ chế quản lý nông nghiệp, phát huy sự sáng tạo của nông dân, giải phóng sức lao động,...

Cuốn sách của Nguyễn Thị Tô Quyên *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011 – 2020”* [105]

ngiên cứu vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam về thách thức và cơ hội trong xây dựng mô hình phát triển kinh tế. Lý giải về nông nghiệp, nông thôn theo ba quan điểm: *thứ nhất là*, nông nghiệp có vai trò là cơ sở cho sự nghiệp CNH; *thứ hai là*, đi thẳng vào CNH, đô thị hóa; *thứ ba là*, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, nông thôn với đô thị trong tiến trình phát triển. Cuốn sách phân tích một số luận điểm về nông nghiệp, nông thôn và nông dân (2000 - 2012) trên các lĩnh vực thành công và hạn chế chủ yếu là mô hình phát triển nền kinh tế lúc đó.

Lê Quốc Lý với cuốn sách “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn - Vấn đề và giải pháp*” [84] cho rằng ngoài những thành công có được, công cuộc CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn còn không ít vấn đề như bất cập trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, đô thị hóa với phát triển, xây dựng nông thôn; công nghiệp chưa chung lợi ích với nông nghiệp; giữa thành thị với nông thôn, trong quá trình xây dựng NTM; mâu thuẫn giữa nông nghiệp sử dụng công nghệ cao với bảo vệ giá trị nông nghiệp mang tính truyền thống, giữa sản phẩm nông nghiệp sản xuất bởi tiến bộ khoa học - kỹ thuật giá trị chênh lệch cao với những hàng hóa nông nghiệp của vùng, miền. Cuốn sách nghiên cứu quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam với những yếu tố chủ đạo hình thành hình ảnh NTM.

Cuốn sách của Vũ Văn Phúc “*Xây dựng nông thôn mới những vấn đề lý luận và thực tiễn*” [100] với những bài viết của các nhà nghiên cứu khoa học, lãnh đạo ở Trung ương, các địa phương, các ngành và các cấp trong xây dựng NTM, gồm: lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng NTM, thực tiễn xây dựng NTM ở Việt Nam trình bày trong quá trình thực hiện xây dựng NTM ở các tỉnh Lào Cai, Ninh Bình, Thái Nguyên, Nghệ An, Phú Thọ, Lai Châu...

Ngoài ra, còn có một số bài viết đăng trên các tạp chí như:

Bài viết của Hồ Xuân Hùng “*Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta*” [76] nêu các nội dung xây dựng nông

thôn và NTM XHCN ở Việt Nam với ba chức năng là sản xuất nông nghiệp; bảo đảm môi trường; giữ gìn bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc. Tác giả đưa ra một số biện pháp để thực hiện thành công 19 tiêu chí Quốc gia trong xây dựng NTM.

Bài viết của Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh “*Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay*” [113] đã phân tích 3 vấn đề: *thứ nhất*, yêu cầu mới với nông thôn Việt Nam; *thứ hai*, phác họa những tiêu chí về mô hình NTM; *thứ ba*, mô hình NTM với những nhân tố chính: chính trị, kinh tế và văn hóa, môi trường, con người,... mối liên hệ chặt chẽ những nội dung trong cấu trúc mô hình NTM. Trong đó, giữ vai trò chỉ đạo, tổ chức, hoạch định, điều hành, xây dựng đề án, cơ chế, thực thi chính sách, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, tạo hành lang pháp lý, nguồn lực, động viên tinh thần là Nhà nước. Nhân dân chủ động, tự nguyện tham gia hoạch định, thực thi chính sách.

Trang <http://htu.edu.vn> có bài viết “*Quan điểm của Đảng về xây dựng nông thôn mới*” [103] cho rằng mô hình NTM được quy định: đáp ứng nhu cầu phát triển; vận hành và cảnh quan môi trường, đổi mới về tổ chức; đạt hiệu quả cao về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội; tiến bộ hơn hẳn mô hình cũ; chứa đựng các đặc điểm phổ biến được sử dụng trong toàn quốc. Cấu trúc NTM được xác định bởi các tiêu chí: đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa, mở rộng và trực tiếp dân chủ ở nông thôn; có nền văn hóa nông thôn phát triển... Các nội dung thuộc mô hình NTM liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhà nước đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành hoạch định, thực thi chính sách, tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, nguồn lực, xây dựng đề án, cơ chế, tạo điều kiện, động viên tinh thần. Nhân dân chủ động thực thi, tham gia hoạch định chính sách và thụ hưởng. Chính sách về KT- XH tạo ra hiệu ứng chung để hình thành mô hình NTM.

Bài viết của Đoàn Phạm Hà Trang “*Xây dựng nông thôn mới: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính*” [124] cho rằng, xây dựng NTM phải được quy hoạch tính tổng thể từ trên xuống, làng xã nằm trong quy hoạch

chính thể toàn quốc, khu vực, địa phương có quan hệ với kinh tế, xã hội, quốc phòng, khí hậu, thổ nhưỡng, môi trường, sinh thái, ... từ dân cư, kiến trúc, hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, bền vững, đa dạng trong sự phát triển của toàn quốc. Nguồn vốn cần huy động bằng nhiều cách để thực hiện tốt chương trình: Nhà nước, nhân dân, các ngân hàng hỗ trợ vốn, các nguồn tài trợ,... với phát huy nội lực là phương châm chính. Chính phủ khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trong, ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn thêm nguồn lực để giải quyết tốt khâu chế biến, tạo việc làm cho nông dân trong xây dựng NTM.

Bài viết của Phạm Quốc Trung và Tường Mạnh Dũng: *“Phát triển kinh tế vùng trong tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay”* [68] chỉ rõ ba hạn chế căn bản trong nông nghiệp cần khắc phục như ở giai đoạn 1986-2006 nông nghiệp ở nước ta chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng qua việc tăng diện tích, tăng vụ và dựa trên yếu tố thâm dụng yếu tố đầu vào cho sản xuất... Đầu tư cho nông nghiệp ngày càng giảm, không tương xứng với đóng góp của nông nghiệp cho nền kinh tế quốc dân; Việc quy hoạch khu vực sản xuất nông nghiệp (đặc biệt với cây ăn quả và cây công nghiệp)... Các tác giả nêu ba giải pháp phát triển kinh tế vùng gắn với tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng công nghệ cao: Chính phủ cần sớm xây dựng tốt quy hoạch tổng thể quốc gia dựa trên ưu thế vùng kinh tế... Trong điều kiện các động lực khác phục vụ phát triển ngành nông nghiệp như đất đai, lao động đều bị giới hạn thì công nghệ cao là hướng đi duy nhất để giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa được nâng cao ... Phát huy vai trò cầu nối và vai trò cầu nối của chính quyền địa phương trong đảm bảo điều kiện cho sự kết nối giữa các nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà nông...

Hoàng Thị Bích Loan trong cuốn sách *“Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: thời cơ và thách thức đối với Việt Nam”* có bài viết *“Giải pháp ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển nông nghiệp ở*

Việt Nam” [67], đề cập thực trạng nông nghiệp hiện nay ở Việt Nam; một vài giải pháp đẩy mạnh ứng dụng thành tựu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển nông nghiệp Việt Nam...

Lê Văn Lợi với bài viết *“Một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta hiện nay* [82]. Tác giả khái quát những thành tựu nổi bật, những vấn đề cấp thiết tồn tại trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa X. Từ đó, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách; đầu tư, phát triển hạ tầng KT-XH nông thôn; chất lượng nguồn nhân lực,... nhằm tiếp tục thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

Đặng Kim Oanh với bài viết *“Quá trình phát triển tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn qua 35 năm thực hiện đổi mới (1986-2021)”*[99]. Tác giả khẳng định đổi mới kinh tế nông nghiệp trở thành đột phá trong đổi mới toàn diện đất nước và sau 35 năm đổi mới đất nước cho thấy tư duy của Đảng về “tam nông” ngày càng được định hình, phát triển phù hợp thực tiễn. Hiện nay, để đưa nông nghiệp, nông dân, nông thôn phát triển, cần tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng trong cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn.

Nguyễn Ngọc Hà với bài viết *“Vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ phát triển mới của đất nước”*[64]. Tác giả trình bày những vấn đề cơ bản về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong xã hội “trọng nông”, trong CNH nông nghiệp, nông thôn và sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. Giai cấp nông dân và kinh tế nông nghiệp, nông thôn có vai trò quan trọng trong thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước. Trong CNH, HĐH đất nước, kinh tế nông nghiệp, nông thôn là “trụ đỡ” cho nền kinh tế và là “tiền đề” cho CNH, HĐH trong các lĩnh vực khác

thành công. Trong đó, giai cấp nông dân là lực lượng chủ lực của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, là chủ thể, nòng cốt của công cuộc xây dựng NTM. Không có NTM thì không có CNXH ở nông thôn và không có CNXH ở nông thôn thì CNXH ở nước ta mới thành công một nửa. Ngày nay, trước tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, KH-CN thông minh, trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vị trí, vai trò của giai cấp nông dân vẫn quan trọng trong đời sống chính trị-xã hội và sự phát triển bền vững của kinh tế đất nước. Giai cấp nông dân Việt Nam có vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng cuộc sống toàn xã hội và chất lượng nguồn nhân lực lao động ở Việt Nam. Đa số lương thực, thực phẩm tiêu dùng được cung cấp từ người nông dân và chất lượng cuộc sống của cư dân trong xã hội được quyết định phần lớn bởi nông dân. Nông dân là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM.

Đoàn Minh Huân với bài viết *“Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn”*[73]. Tác giả đề cập sự biến đổi to lớn của nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hiện nay và khẳng định để đảm bảo thành công chuyển đổi quan niệm “tam nông” truyền thống sang tư duy phát triển “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” thì đột phá phải từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị gắn liền với phát huy dân chủ ở nông thôn.

1.1.3. Những nghiên cứu về quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về nông nghiệp, nông thôn, nông dân và xây dựng nông thôn mới

Nam Định là một tỉnh nằm ở phía Nam của châu thổ sông Hồng. Tỉnh Nam Định rất hấp dẫn các nhà nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định, “*Đảng bộ tỉnh Nam Định những thành tựu nổi bật trong 5 năm 2011-2015*”[5], nêu nên những đặc điểm tự nhiên, xã hội, dân cư, truyền thống văn hóa, lịch sử, những yếu tố tác động đến phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM ở Nam Định. Đặc biệt là công trình đã làm rõ quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng NTM, nêu bật những thành tựu đạt được và những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo thực hiện sự nghiệp đổi mới và trong xây dựng NTM.

Cuốn sách của Hoàng Đình Trung, Vũ Ngọc Hoàng, Hoàng Thị Châu Yên (đồng chủ biên), “*Thành tựu và kinh nghiệm 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) tại tỉnh Nam Định*” [125], tiếp cận việc thực hiện những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tại tỉnh Nam Định trong 10 năm (2011-2021). Các bài viết tập trung làm rõ 3 nhóm vấn đề: Lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ Cương lĩnh năm 1991 đến Cương lĩnh năm 2011. Thực hiện định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tại Nam Định theo tinh thần Cương lĩnh 2011. Tỉnh Nam Định khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị theo tinh thần Cương lĩnh 2011. Các bài viết là những công trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc, phản ánh sâu sắc 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển 2011) ở tỉnh Nam Định; làm sâu sắc hơn giá trị lý luận, thực tiễn của Cương lĩnh và quá trình vận dụng những bài học kinh nghiệm trong đổi mới trên phạm vi cả nước và tỉnh Nam Định.

* Một số bài viết đăng trên tạp chí, hội thảo, tiêu biểu là:

Phạm Gia Túc với bài viết “*Dấu ấn nổi bật trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định: Kết quả, bài học và định hướng cho giai đoạn mới*” [129], thể hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg (4-6-2010), về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng

NTM giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Nam Định tập trung nguồn lực thực hiện Quyết định. Sau gần 9 năm, Nam Định đạt được những thành tựu to lớn về xây dựng NTM. Đến ngày 31-7-2019, toàn tỉnh Nam Định có 100% số xã, thị trấn và 10/10 huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn NTM, là một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước hoàn thành xây dựng NTM, về đích sớm hơn 1,5 năm so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XIX đề ra với ba nội dung chính: Đóng góp quan trọng vào sự phát triển KT-XH, Quốc phòng, An ninh của tỉnh; Tiếp tục khơi dậy và phát huy giá trị truyền thống, phấn đấu xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu; Một số kinh nghiệm và định hướng cho giai đoạn mới.

Đoàn Hồng Phong với bài viết “*Nam Định - Điểm sáng trong xây dựng nông thôn mới*” [101] chỉ rõ những thành tựu: *Thứ nhất*, phát triển kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, phát triển nhanh và đa dạng ngành, nghề nông thôn; *Thứ hai*, kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư cải tạo, nâng cấp khá đồng bộ; *Thứ ba*, phát huy vai trò của người dân, lấy dân làm chủ thể, dựa vào sức dân; *Thứ tư*, diện mạo nông thôn khởi sắc rõ nét, đời sống vật chất, tinh thần của người dân dần được nâng cao; *Thứ năm*, “công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội” với 5 đột phá: *Một là*, “đồn điền, đổi thửa”; *Hai là*, vận động nhân dân hiến đất, góp đất, tháo dỡ các công trình, bàn giao mặt bằng để thi công các công trình kết cấu hạ tầng; *Ba là*, đẩy mạnh công tác xã hội hóa các nguồn lực cho xây dựng NTM; *Bốn là*, xây dựng hệ môi trường sinh thái ở nông thôn; *Năm là*, chú trọng tạo ra việc làm, tăng cao thu nhập cho nông dân nông thôn”...

Trong giai đoạn khởi đầu xây dựng NTM, Tỉnh ủy Nam Định phối hợp với Tạp chí Cộng sản-Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức cuộc Hội thảo: “*Xây dựng nông thôn mới- những vấn đề lý luận và thực tiễn*” [114]

đề cập lý luận và thực tiễn trong xây dựng NTM với nhiều chiều cạnh khác nhau, ở nhiều địa phương với nhiều điều kiện khác nhau, từ tỉnh đến xã, cả trong nước và quốc tế, ở một số nước và vùng lãnh thổ, đặc biệt là những nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam... Hội thảo tập trung làm rõ bốn nội dung lớn: Làm thế nào để tiếp tục quán triệt Nghị quyết của Đảng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, nhân dân từ Trung ương tới địa phương, tạo ra sự thống nhất trong toàn Đảng, đồng thuận, hưởng ứng mạnh mẽ, sâu rộng của toàn xã hội tới sự nghiệp xây dựng NTM trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH hiện nay; hiện nay việc triển khai Chương trình xây dựng NTM ở địa phương cách làm đã phù hợp chưa? Đã đạt được thành tựu nổi bật nào? đang đặt ra vấn đề gì mới? Những vướng mắc gì xuất hiện gây cản trở? nguyên nhân của những vấn đề đó; Làm sao đẩy nhanh ban hành và hướng dẫn thực hiện chính sách để tháo gỡ vướng mắc trong triển khai thực hiện?; Đề xuất những giải pháp đột phá, khả thi cơ bản lâu dài và cấp bách nhằm nỗ lực triển khai hiệu quả các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 26 của Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Chương trình xây dựng NTM của Chính phủ với nội dung: Xây dựng nông nghiệp trên các lĩnh vực theo xu hướng hiện đại, phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ trong nông thôn; Xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn đồng bằng, miền núi và ven biển; Đẩy mạnh triển khai Chương trình xây dựng NTM nhằm nâng cao nhanh, rõ rệt cuộc sống vật chất tinh thần của cư dân nông thôn, thu hẹp khoảng cách nông thôn-thành thị; Nỗ lực xóa đói giảm nghèo nhanh, bền vững; Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng chú trọng phát triển HTX kiểu mới trong nông nghiệp và nông thôn; Tăng nhanh nguồn lực phát triển cho nông nghiệp, nông thôn, bảo đảm đầu tư tăng gấp đôi từ ngân sách Nhà nước sau 5 năm theo mục tiêu Chương trình đề ra; Phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao, đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học, công nghệ, tạo đột phá trong HĐH, CNH nông thôn; Tiếp tục đẩy

mạnh sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, phát huy vai trò đoàn thể chính trị-xã hội, đặc biệt là Hội Nông dân ở nông thôn. Hội thảo có nhiều bài viết từ thực tế tỉnh Nam Định, có bài *“Một số kết quả bước đầu của Nam Định trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới”* cho thấy: Cấp ủy đảng và chính quyền trong tỉnh đã nhận thức rõ chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng NTM, kịp thời ban hành các nghị quyết và chương trình hành động sát với đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương. Trong chỉ đạo, tổ chức điều hành xây dựng NTM, các cấp ủy đảng và chính quyền tỉnh Nam Định có nhiều sáng kiến, được nhân dân nhiệt tình ủng hộ. Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM, Đảng bộ tỉnh Nam Định không tránh khỏi những hạn chế: Nhận thức về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chương trình xây dựng NTM còn một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ, toàn diện; việc thực hiện pháp lệnh dân chủ cơ sở trong quá trình xây dựng NTM ở một số địa phương chưa thực sự nghiêm túc; công tác tuyên truyền và vận động quần chúng xây dựng NTM còn mang tính hình thức... Những hạn chế đó làm ảnh hưởng lớn đến kết quả và tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng NTM của tỉnh.

Từ thực tiễn ưu điểm và nhược điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định, nhiều kinh nghiệm quý được Hội thảo đúc kết góp phần để Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo xây dựng NTM trong thời gian tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, *“Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”* [215] Quy hoạch tỉnh Nam Định được nghiên cứu, xây dựng từ tình hình mọi mặt của tỉnh đến năm 2020 trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, các huyện, thành phố có tính tới yếu tố liên vùng và hội nhập kinh tế thế giới trong đó các yếu tố như: Vị trí địa lý; Điều kiện tự nhiên; Tài nguyên thiên nhiên; Đánh giá về điều kiện tự nhiên tỉnh Nam Định;

Điều kiện xã hội tỉnh Nam Định; Môi trường... trực tiếp tác động đến xu hướng phát triển của tỉnh trong những năm tiếp theo, trong đó có vấn đề xây dựng NTM.

** Luận án:*

Luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh Trần Thị Thái, “*Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ năm 1997 đến năm 2005*”[116]; ... bước đầu khảo sát, nghiên cứu, đánh giá, nhận xét, đúc rút một số kinh nghiệm kinh tế, trong đó có nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng NTM ở tỉnh Nam Định. Luận án đã trình bày một cách hệ thống quan điểm, chủ trương và đường lối, quá trình lãnh đạo, tổ chức triển khai chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng CNH, HĐH từ năm 1997 đến 2007 của Đảng bộ tỉnh Nam Định. Từ đó tác giả đưa ra những nhận xét khách quan tổng kết những thành công, hạn chế, đúc rút kinh nghiệm chủ yếu trong quá trình lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế những năm 1997 - 2007. Luận án là tài liệu giúp các cán bộ lãnh đạo tỉnh rút ra một số kinh nghiệm góp phần xây dựng, phát triển tỉnh Nam Định ngày càng vững mạnh.

Những nghiên cứu trên đây đã cung cấp thêm những luận cứ, cũng như những tư liệu quý để tác giả luận án có thể hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG NỘI DUNG LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án

Các học giả nghiên cứu nền kinh tế nông nghiệp của các nước đang phát triển trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hóa phù hợp với nền thương mại nông nghiệp thế giới, thành tựu và hạn chế trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân; vai trò, những đặc điểm của người nông dân, thiết chế xã hội ở nông thôn một số nước có đặc điểm tương đồng trên thế giới và Việt Nam;

về công cuộc xây dựng NTM ở Trung Quốc, những vấn đề về lý luận chưa thống nhất... Những công trình này có thể tham khảo để giải quyết chính sách xây dựng, phát triển nông thôn Việt Nam hiện tại cũng như sự phát triển các trang trại nhỏ trong tương lai, về hệ tư tưởng của người nông dân, nông dân với khoa học, cách thức sở hữu đất đai và mô hình phát triển nông thôn trong các nước nông nghiệp trồng nhiều lúa. Các tác giả chỉ ra một số giải pháp có tính tham khảo như tăng cường tuyên truyền; đổi mới thường xuyên, hoàn thiện các cơ chế chính sách và cơ chế kinh tế nông nghiệp, nông thôn, thực hiện quyết liệt, đồng bộ chính sách, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân... để tổ chức thực hiện xây dựng NTM trong tỉnh Nam Định.

Những công trình nghiên cứu của các nhà khoa học khái quát những đặc điểm tình hình và quá trình tổ chức thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn của Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ. Kết quả các công trình nghiên cứu cho thấy những nhận định, đánh giá rất xác đáng, nhất là về những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện chính sách nông nghiệp, nông dân và nông thôn có giá trị gợi ý những hướng đi, giải pháp để thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam giai đoạn hiện nay, tập trung ở các nội dung:

Một là, với những nghiên cứu khái quát, các công trình đã thể hiện khá đầy đủ và toàn diện với số liệu thống kê các thời kỳ lịch sử trong xây dựng, phát triển nền kinh tế nông nghiệp Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã làm rõ nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn về nông nghiệp và nông thôn, về cơ chế quản lý, quan hệ sản xuất. Đặc biệt, nêu được bối cảnh để kinh tế Việt Nam phát triển, về nông nghiệp và nông thôn. Đó là những cơ sở lý luận và thực tiễn khẳng định vai trò của nông thôn trong quá trình phát triển KT - XH đất nước, đề xuất các yêu cầu thiết thực để thực hiện xây dựng NTM.

Hai là, các công trình khái quát tình hình sản xuất nông nghiệp, cuộc sống của người nông dân và tình hình KT - XH nông thôn Việt Nam những năm gần đây, chỉ rõ khó khăn, thuận lợi và xu hướng phát triển. Đó là những

gợi ý bước đầu giúp luận án có thể tiếp cận khu vực nông thôn Việt Nam trong những điều kiện lịch sử mới.

Ba là, một số công trình bước đầu tổng kết lý luận và thực tiễn cơ chế quản lý, chính sách ruộng đất... cung cấp nhiều dữ liệu giá trị để tác giả định hướng và đặt ra những vấn đề ở khu vực nông thôn Việt Nam hiện tại.

Bốn là, một số công trình đúc kết kinh nghiệm CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - một yếu tố quan trọng góp phần nhận diện NTM. Kinh nghiệm cho thấy, trong CNH, phải gắn kết việc phát triển công nghiệp và đô thị với phát triển nông nghiệp, nông thôn. Lấy thị trường nông thôn nuôi công nghiệp phát triển, công nghiệp phải phục vụ nông nghiệp và nông thôn, từng bước thu hẹp khoảng cách thu nhập của người nông thôn và người thành thị...

Năm là, một số công trình nghiên cứu trực tiếp vấn đề xây dựng NTM, dù không nhiều nhưng đã đề cập đến những khía cạnh như khái niệm, đặc trưng NTM, những kinh nghiệm xây dựng NTM trong một số nước thuộc châu Á, kinh nghiệm thực hiện xây dựng NTM ở một số tỉnh gần đây: thành công, những khó khăn, hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện tiêu chí NTM ở một số địa phương. Đây là những tài liệu tham khảo có ích khi phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng NTM.

1.2.2. Những nội dung luận án tập trung nghiên cứu

Nghiên cứu những khía cạnh về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn hoặc thực tiễn xây dựng NTM khi Nghị quyết số 26-NQ/TW ban hành, nhưng thực tế kết quả nghiên cứu các vấn đề này chưa thật đầy đủ, trong khi lý luận và thực tiễn xây dựng NTM đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Trong giới hạn và phạm vi nghiên cứu đã nêu, luận án tiếp tục nghiên cứu:

Thứ nhất, phân tích những yếu tố quan trọng tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM, như: đặc điểm tự nhiên, KT-XH tỉnh Nam Định; những chủ trương,

chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM; tình hình nông nghiệp và nông thôn Nam Định trước năm 2008 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Thứ hai, phân tích sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định thực hiện chủ trương xây dựng NTM của Đảng từ năm 2008 đến 2020. Qua đó, đánh giá sự phát triển về nhận thức và chủ trương của Đảng bộ tỉnh Nam Định trong xây dựng NTM giai đoạn 2015 - 2020 so với giai đoạn 2008 - 2015.

Thứ ba, phân tích quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM qua 2 giai đoạn 2008 - 2015 và 2015 - 2020 theo các vấn đề cơ bản: xây dựng cơ chế, chính sách; xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; phát triển KT - XH nông thôn và sản xuất nông nghiệp;...

Thứ tư, từ thực tiễn Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM (2008-2020), nêu những nhận xét về thành tựu, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo, phân tích nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế, đúc rút một số kinh nghiệm phục vụ nâng cao chất lượng và hiệu quả xây dựng NTM giai đoạn kế tiếp, phấn đấu xây dựng NTM nâng cao và kiểu mẫu sớm thành công ở tỉnh Nam Định.

Từ góc độ chuyên ngành Lịch sử Đảng cho thấy chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về vấn đề **“Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng nông thôn mới từ năm 2008 đến năm 2020”**. Kế thừa các nguồn tư liệu, các công trình nghiên cứu, các đề tài, luận án tập trung tổng kết vấn đề lý luận, thực tiễn về vận dụng chủ trương của Đảng, đề ra chủ trương, tổ chức chỉ đạo triển khai xây dựng NTM, đánh giá kết quả, đúc kết một số kinh nghiệm chủ yếu trong quá trình xây dựng NTM từ năm 2008 đến năm 2020 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định.

Chương 2

QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2008 ĐẾN NĂM 2015

2.1. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1.1. Bối cảnh lịch sử

Bối cảnh quốc tế và khu vực. Trước năm 2010, “trên thế giới hoà bình, hợp tác, phát triển là một xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực phục hồi, phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất trắc, khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng bao hàm nhiều yếu tố không bình đẳng, gây ra khó khăn, thách thức to lớn cho các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển. Bên cạnh đó, cạnh tranh kinh tế thương mại, tranh giành tài nguyên, năng lượng, vốn, thị trường, công nghệ ngày càng gay gắt giữa các nước. Khoa học - công nghệ phát triển nhảy vọt và có đột phá lớn. Cùng với xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển, các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, can thiệp, lật đổ, ly khai, khủng bố, tranh chấp biên giới, biển đảo, lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên diễn ra ngày càng phức tạp ở nhiều nơi. Các mâu thuẫn lớn của thời đại tiếp tục diễn biến gay gắt. Nhiều vấn đề mang tính toàn cầu cấp bách yêu cầu các quốc gia, các tổ chức quốc tế cần phải cùng nhau giải quyết; ngày càng dẫn cách chệnh lệch giữa các nhóm nước giàu và nghèo; sự gia tăng dân số và các luồng di dân; khan hiếm nguồn năng lượng, tài nguyên cạn kiệt, huỷ hoại môi trường tự nhiên; biến đổi khí hậu kèm những thiên tai, dịch bệnh lớn diễn biến phức tạp; tội phạm xuyên quốc gia ngày càng tăng”.

Trong những năm 2010-2015, tình hình thế giới chuyển biến nhanh chóng. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn; cục diện thế giới đa

cực ngày càng hiện hữu, trong quan hệ quốc tế xu thế dân chủ hoá tiếp tục phát triển, quan hệ quốc tế vẫn bị chi phối bởi các nước lớn. Toàn cầu hóa và cách mạng KH - CN tiếp tục phát triển mạnh hình thành xã hội thông tin, kinh tế tri thức. Kinh tế thế giới có biểu hiện phục hồi sau khủng hoảng; chủ nghĩa bảo hộ phát triển; cơ cấu lại ngành, lĩnh vực kinh tế, thể chế diễn ra mạnh ở các nước. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển gia tăng, tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định: Tranh chấp ảnh hưởng, quyền lực, lãnh thổ, biển đảo, biên giới, tài nguyên giữa các nước; bất ổn về chính trị, kinh tế và xã hội trong một số nước đe dọa hoà bình, an ninh khu vực.

Bối cảnh trong nước. Những kết quả của 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001-2005) tạo ra thế và lực cho nước ta. Đặc biệt, qua 20 năm triển khai đường lối đổi mới, công cuộc đổi mới ở nước ta do sự cố gắng phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nên đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng KT-XH, thay đổi cơ bản trên mọi lĩnh vực. Tăng trưởng kinh tế khá nhanh. Tiến bộ về nhiều mặt văn hoá-xã hội. Đạt kết quả tốt về xoá đói giảm nghèo. củng cố và tăng cường hệ thống chính trị cùng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Có tiến bộ trong công tác dân tộc, tôn giáo, vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Giữ vững Quốc phòng, an ninh. Đảng có những đổi mới quan trọng trong nhận thức về xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đối ngoại nhân dân góp phần giữ vững hoà bình, KT-XH phát triển, uy tín Việt Nam trong khu vực và thế giới được nâng cao. Trong những năm đầu đổi mới (1986-2011) những thành tựu, kinh nghiệm tạo cho Việt Nam thế và lực với sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều trước đó. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo tiền đề quan trọng để đẩy nhanh CNH, HĐH và chất lượng cuộc sống của nhân dân được nâng cao.

Đất nước thoát khỏi khủng hoảng KT-XH, trở thành nước thu nhập trung bình (thấp), vượt qua tình trạng kém phát triển [53, tr.93-94].

Những kết quả đạt được làm cho đất nước, đời sống của người dân có nhiều thay đổi; sức mạnh về mọi mặt được tăng cường; độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia và chế độ XHCN được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo tiền đề để Đảng lãnh đạo đất nước phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuy nhiên, kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có một số mặt yếu kém chậm được khắc phục, nhất là về giáo dục và đào tạo, y tế; đạo đức, lối sống trong một bộ phận xã hội xuống cấp. Môi trường nhiều nơi bị ô nhiễm nặng; tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả. Chưa hình thành đầy đủ nền tảng để Việt Nam phát triển thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định chính trị-xã hội, đe dọa chủ quyền quốc gia.

2.1.2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

***Một số vấn đề chung về nông thôn và xây dựng nông thôn mới**

Quan niệm về nông thôn: Không thể có một nước công nghiệp nếu nông nghiệp, nông thôn lạc hậu; nông dân có đời sống văn hoá và vật chất thấp. Theo thông tư số “54” ngày 21-8-2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thì “Nông thôn là phần lãnh thổ không thuộc nội thành, nội thị các thành phố, thị xã, thị trấn được quản lý bởi cấp hành chính cơ sở là ủy ban nhân dân xã”. Như vậy, NTM trước tiên phải là nông thôn, không phải là thị tứ, thị trấn, thị

xã, thành phố và khác với nông thôn truyền thống hiện nay, có thể khái quát theo năm nội dung cơ bản sau: *Thứ nhất*, đó là làng xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại; *Thứ hai*, sản xuất phải phát triển bền vững theo hướng kinh tế hàng hoá; *Thứ ba*, đời sống về vật chất và tinh thần của dân nông thôn ngày càng được nâng cao; *Thứ tư*, bản sắc văn hoá dân tộc được giữ gìn và phát triển; *Thứ năm*, xã hội nông thôn an ninh tốt, quản lý dân chủ.

Những điểm khác là: hạ tầng hiện đại, làng xã văn minh, sạch đẹp; kinh tế hàng hoá phát triển bền vững; ngày càng được nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn; bảo tồn, phát triển giá trị văn hoá truyền thống; an ninh, quản lý dân chủ xã hội nông thôn.

Quan niệm về nông thôn mới: Nông thôn mới là nông thôn có kinh tế phát triển, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của người dân nông thôn không ngừng nâng cao, sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị giảm dần. Nông dân có bản lĩnh chính trị, làm chủ và được đào tạo, tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật. Nông thôn mới có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, theo quy hoạch, gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị, kinh tế phát triển toàn diện, bền vững. Nông thôn giàu bản sắc văn hoá dân tộc, ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ. Hệ thống chính trị được hoàn thiện, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Như vậy, NTM là khu vực nông thôn có hạ tầng KT-XH hiện đại; cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất hợp lý, phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ với gắn nông nghiệp; gắn quy hoạch phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn ổn định, dân chủ, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn và phát triển môi trường sinh thái; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng XHCN.

Quan niệm về xây dựng nông thôn mới: Thực tiễn phát triển của thế giới chứng minh rằng, sẽ không có một nước công nghiệp nếu nông nghiệp và nông thôn nghèo nàn, lạc hậu; cư dân nông thôn có đời sống vật chất và tinh thần thấp kém. Lịch sử hình thành các cộng đồng tộc người ở tất cả các quốc gia trên thế giới đều bắt đầu từ nông thôn. Hồn cốt văn hoá làng quê là bản sắc văn hóa của dân tộc, vừa đa dạng, vừa mang bản sắc riêng của mỗi quốc gia dân tộc. Đó chính là chức năng văn hóa của nông thôn. Nếu quá trình xây dựng NTM phá vỡ chức năng này là đi ngược lại với lòng dân, làm xói mòn truyền thống văn hoá dân tộc.

Trước đây, có quan niệm khi nói đến nông thôn người ta thường đồng nghĩa với làng, xóm, thôn... Trong tâm thức người Việt, đó là một môi trường sản xuất kinh tế với nghề trồng lúa nước cổ truyền, không gian sinh tồn, không gian xã hội, cảnh quan văn hóa vun đắp nên nền tảng tinh thần, tạo thành lối sống, cốt cách và bản lĩnh của người Việt.

Xây dựng nông thôn là quá trình lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam, từ đó góp phần xây dựng, tạo lập nên Tổ quốc Việt Nam XHCN ngày nay. Chương trình xây dựng NTM bước đầu đáp ứng mong ước của nhân dân và từng bước đáp ứng yêu cầu, mục tiêu là xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong lịch sử Việt Nam, làng, xã là đơn vị hành chính cơ sở. Làng Việt là đơn vị cơ bản ở nông thôn Việt Nam. Làng, xã đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển đất nước, là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa, nuôi dưỡng nguyên khí dân tộc trước nguy cơ đồng hóa, nô dịch. Nông thôn vô cùng quan trọng với sự phát triển của dân tộc Việt Nam, thể hiện trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh.

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đề ra mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế

và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường”[52. tr.126].

Vai trò của nông thôn trong công cuộc phát triển đất nước: Trước hết, nông thôn sản xuất, cung cấp các loại lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng của xã hội. Nhân dân nông thôn sản xuất lương thực, thực phẩm cho họ và gia đình họ, ngoài ra còn cung cấp cho nhân dân cả nước. Gia tăng dân số trước đây là sức ép to lớn với sản xuất nông nghiệp trong cung ứng đủ lương thực và thực phẩm cho xã hội. Vì vậy, sự phát triển bền vững của nông thôn sẽ đáp ứng cơ bản nhu cầu lương thực, thực phẩm tiêu dùng của xã hội, nâng cao năng lực xuất khẩu các loại hàng này cho đất nước.

Với 65% số dân sống bằng nghề nông [223], nông thôn là nguồn nhân lực dồi dào cho công nghiệp và thành thị. Sự du nhập lao động nông thôn vào thành thị và sự gia tăng dân thành thị không đủ đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của kinh tế quốc gia. Nếu sự di chuyển lao động nông nghiệp sang ngành khác bị hạn chế thì ảnh hưởng tới tăng trưởng, kinh tế sẽ phiến diện. Phát triển bền vững nông thôn góp phần ổn định kinh tế quốc gia.

Nông thôn là thị trường quan trọng tiêu thụ sản phẩm của thành thị. Nếu thị trường nông thôn được khai thông, thu nhập của cư dân nông thôn được nâng cao, tăng sức mua của người dân, công nghiệp sẽ thuận lợi trong tiêu thụ sản phẩm của ngành, không chỉ hàng tiêu dùng mà cả sản phẩm đầu vào của nông nghiệp. Nếu nông thôn phát triển, công nghiệp và các ngành sản xuất khác trong xã hội sẽ phát triển.

Nông thôn phát triển bền vững ảnh hưởng to lớn đến bảo vệ môi trường vì nông thôn chiếm phần lớn tài nguyên, đất đai, động thực vật, rừng, biển; việc

khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khu vực nông thôn bảo đảm sự phát triển lâu dài, bền vững của đất nước.

Vai trò của nông thôn còn hiện diện trong giữ gìn, tô điểm môi trường sinh thái của dân cư, tạo sự hài hoà giữa con người và thiên nhiên, hình thành những điểm nghỉ dưỡng đẹp đẽ, trong lành, vùng du lịch sinh thái phong phú, thanh bình, nâng cao cuộc sống tinh thần cho người dân.

Thực tiễn các nước phát triển cho thấy chú trọng phát triển đô thị sẽ dẫn đến sự lạc hậu của nông thôn. Sự lạc hậu này sẽ là một nguyên nhân suy thoái kinh tế, đã, đang và sẽ làm chậm tốc độ phát triển của đô thị, của kinh tế. Có chính sách thích hợp phát triển nông thôn nếu Việt Nam muốn phát triển.

Giá trị của làng, xã luôn cần thiết cho phát triển đất nước, cần và sẽ tiếp tục trong xây dựng NTM. Nhưng, do tính khép kín, tính tự cung, tự cấp của mô hình nông thôn “cũ” chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước hiện nay nên phải xây dựng NTM.

*** Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới**

Trước đổi mới, Đảng quan tâm nghiên cứu vấn đề xây dựng NTM được vì nông nghiệp, nông thôn và nông dân là 3 nhân tố góp phần quan trọng đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng KT-XH trong thập niên 1980. Ngay khi bắt đầu tiến hành hợp tác hoá trên miền Bắc đã xuất hiện những tìm tòi cách thức làm ăn mới trong nông nghiệp, từ phía Nhà nước, từ thực tiễn năng động của xã viên và một số địa phương. Các cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật vòng 1 (1963-1965), vòng 2 (1965-1966), ba khoán (1966) đã phần nào khắc phục được một số khó khăn của HTX nông nghiệp. Hiện tượng khoán hộ ở Kiến An (1961-1962), Vĩnh Phúc, Vĩnh Phú (1964-1968), khoán chui mầu cho hộ (1966),... cho thấy sự phản ứng từ thực tiễn đối với những bất cập của cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, đòi hỏi phải đưa nông nghiệp về với qui luật kinh tế của nó. Tuy vậy, nhìn chung những biện pháp này vẫn bị bó buộc trong

khuôn khổ cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, bao cấp và chậm được tổng kết. Từ năm 1975 trở về sau, khi mô hình tập trung hoá, chuyên môn hoá nông nghiệp được đẩy lên rất cao và những khuyết tật của nó lộ ra rõ ràng hơn, cộng thêm thúc bách từ khó khăn trong cuộc sống đã dẫn đến hiện tượng “xé rào” ngày càng phổ biến, là cơ sở thực tiễn để Đảng tổng kết, ban hành những chính sách đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp.

Tháng 9-1979, Hội nghị Trung ương 6 (khoá IV) đã điều chỉnh một số chính sách kinh tế, làm cho “sản xuất bung ra”. Nghị quyết đưa đến một loạt điều chỉnh trong quản lý kinh tế nông nghiệp: hộ xã viên được mượn đất của HTX để sản xuất; cơ chế quản lý của HTX nông nghiệp nói lỏng dần với hộ gia đình, sự thúc ép về số lượng ngày công lao động của xã viên trong HTX không căng thẳng như trước; kinh tế phụ gia đình được thừa nhận, tự do phát triển, sản phẩm được lưu thông trên thị trường... Ngày 20-10-1980, sau một thời gian nghiên cứu, tổng kết hình thức khoán ở một số địa phương, tiêu biểu là Hải Phòng, Ban Bí thư Trung ương ra Thông báo 22, cho phép các địa phương khoán đến hộ xã viên đối với diện tích màu và thực hiện thí điểm khoán cây lúa.

Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị 100-CT/TW, thực hiện “khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động”. Đối với cây trồng, quy trình sản xuất chia làm 8 khâu; tập thể làm 5 khâu, xã viên làm 3 khâu. Trong chăn nuôi có hai hình thức: giao khoán con giống, thức ăn cho gia đình xã viên; giao đất sản xuất tới hộ nhận chăn nuôi cho tập thể.

Đại hội V của Đảng (1982) xác định: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, *coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*, đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn XHCN, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng, kết hợp nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý. Đại hội chủ trương: “...trong 5 năm 1981-1985 và những

năm 80, cần tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng lưu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý. Đó là những nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt”[45, tr. 62-63].

Tính đúng đắn của cơ chế “Khoán 100” được Đại hội V của Đảng khẳng định. Từ năm 1983 đến năm 1985, nhiều Chỉ thị của Trung ương tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế khoán mới: Chỉ thị 29 (11-1983) hướng dẫn mở rộng hình thức khoán sản phẩm kết hợp với giao đất tới hộ nông nghiệp ở miền núi và trung du, thực hiện cơ chế khoán gọn cho hộ nông nghiệp ở miền Bắc; Nghị quyết 183/HĐBT (14-12-1983) “về việc hoàn chỉnh công tác khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động”; Chỉ thị 35 (1-1984) về phát triển kinh tế gia đình; Chỉ thị 38 (1-1984) cho phép hộ nông nghiệp tận dụng đất đai sản xuất nông nghiệp và không đánh thuế sản xuất, kinh doanh, được quyền tiêu thụ sản phẩm làm ra, miễn thuế 5 năm đối với đất phục hồi; Chỉ thị 50 (10-1984) thực hiện hợp đồng dịch vụ đến hộ nhận khoán;...

Các Chỉ thị, Nghị quyết trên đánh dấu sự dừng lại của quá trình hợp tác tập thể hoá, mở rộng qui mô HTX, tăng cường tập trung, kế hoạch hoá, mô phỏng cách quản lý theo kiểu các xí nghiệp công nghiệp, đồng thời bắt đầu quá trình tái lập vai trò chủ đạo của kinh tế hộ nông nghiệp, khuyến khích lợi ích chính đáng của người lao động, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. *Bước chuyển quan trọng, có tính đột phá trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp dần chuyển sang cơ chế tự chủ của từng hộ gia đình đã bắt đầu.* Nhưng đây mới chỉ cải tiến hình thức khoán, chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm cuối cùng, từ khoán cho đội sản xuất đến khoán cho hộ xã viên giới hạn trong một số việc nhưng

quyền sử dụng đất của nông dân chưa được khẳng định. Khoản 100 vẫn ràng buộc hộ xã viên với HTX ở nhiều khâu trong quy trình sản xuất như làm đất, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu... vì liên quan đến chủng loại hàng hoá do Nhà nước quản lý. Trong khi đó, các khâu do tập thể đảm nhận, quản lý theo chế độ khoán việc, không gắn trách nhiệm lao động với hiệu quả sản xuất nên ảnh hưởng xấu đến chất lượng lao động và tính chủ động, sáng tạo của hộ nhận khoán. Ruộng khoán và mức khoán không ổn định, thường xuyên tùy tiện thay đổi. Có HTX chia lại ruộng theo từng vụ; nhiều HTX tăng mức khoán, làm xã viên kém phần khởi, không tích cực đầu tư cải tạo đồng ruộng. Nguồn vật tư nông nghiệp do trên cấp hạn chế, không kịp thời vụ, không hợp chủng loại. Những chuyển biến tích cực của nông nghiệp, nông thôn nhờ chính sách Khoản 100 và cả những hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách ấy cùng với đòi hỏi ngày càng gay gắt phải gỡ bỏ cơ chế tập trung bao cấp trong nông nghiệp, tái lập kinh tế hộ nông dân trong “nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo những quy luật của thị trường”. Từ năm 1983 đến năm 1985, nhiều Chỉ thị của Trung ương tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế khoán mới. Công cuộc đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp chỉ dừng lại ở việc cải tiến hình thức khoán... quyền sử dụng đất của nông dân chưa được khẳng định, tình trạng rong công, phóng điểm khá phổ biến, cùng nhiều khoản đóng góp và nạn chuyên quyền mất dân chủ, tham ô, làm cho giá trị ngày công và thu nhập của xã viên ngày càng thấp...đòi hỏi cần có một cơ chế mới để giải phóng sức sản xuất nông nghiệp mà chủ trương xây dựng NTM từ năm 2008 của Đảng cơ bản đáp ứng được những yêu cầu đó.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đại hội VI của Đảng (12-1986) mở đầu thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong “chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ” lên CNXH, Đại hội đề ra chủ trương đổi mới cơ chế quản lý và phát triển nông nghiệp, tạo sự phát triển mới về chất với ngành nông nghiệp, làm thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam. Đại hội X của

Đảng (4-2006), xác định: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân” [50, tr.88], tạo bước chuyển quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp thời kỳ đầu đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn từng bước được cải thiện, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Trong quá trình đổi mới, Đảng đã ra nhiều văn bản, nghị quyết về vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn, nhất là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa VII (10-6-1993) “Về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn” và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 -2010”.

Tại Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW (5-8-2008) “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Đây là nghị quyết chuyên đề cụ thể hóa chủ trương về phát triển nông nghiệp nông thôn được đề ra tại Đại hội X của Đảng. Lần đầu tiên Trung ương Đảng đã ra một nghị quyết giải quyết đồng bộ 3 vấn đề: “vấn đề nông nghiệp”; “vấn đề nông dân” và “vấn đề nông thôn” trong Nghị quyết “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”. Đồng thời đề ra những nội dung cơ bản về xây dựng NTM với mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường” [52]. Trên cơ sở đó, xác định mục tiêu cụ thể, đến 2015: 20% số xã đạt chuẩn NTM và đến 2020: 50% số xã đạt chuẩn NTM (theo 19 tiêu chí được Thủ tướng Chính phủ cụ thể hóa tại Quyết định số 491/QĐ-TTg (ngày 16-4-2009) trên tổng số 9.121 xã của cả nước [52].

Xây dựng nông thôn là lịch sử hàng ngàn năm nay của người Việt, nhưng xây dựng NTM như mục tiêu của Nghị quyết 26-NQ/TW, theo bộ tiêu chí do

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành thì là lần đầu tiên đặt ra ở nước ta. Nó đáp ứng được mong muốn của nhân dân ta và chiến lược xây dựng nước ta “cơ bản thành nước công nghiệp vào năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng”.

Nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW (5-8-2008) “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” thể hiện tập trung ở những vấn đề:

Về những thành tựu đạt được, Nghị quyết chỉ rõ nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn được chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi. Đời sống vật chất, tinh thần của dân cư hầu hết các vùng nông thôn được cải thiện. Xóa đói, giảm nghèo đạt thành tựu to lớn. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố, tăng cường. Dân chủ cơ sở được phát huy, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Vị thế chính trị của nông dân ngày càng nâng cao.

Tuy nhiên, những yếu kém, khuyết điểm thể hiện trên các lĩnh vực: “Những thành tựu đạt được chưa đều giữa các vùng, chưa tương xứng với tiềm năng. Nông nghiệp phát triển kém bền vững, sức cạnh tranh thấp, tốc độ tăng trưởng giảm dần, chưa phát huy tốt nguồn lực phát triển sản xuất; nghiên cứu, hạn chế chuyển giao KH-CN và đào tạo nguồn nhân lực. Việc chuyển dịch cơ cấu, đổi mới cách sản xuất nông nghiệp còn chậm, phổ biến là sản xuất nhỏ, phân tán; chất lượng giá trị gia tăng, năng suất nhiều mặt hàng còn thấp. Công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề phát triển chậm, chưa thúc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông thôn. Chậm đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh sản xuất hàng hoá. Nông

ng nghiệp và nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng KT-XH yếu kém, môi trường ngày càng ô nhiễm; năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn hạn chế. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn còn thấp, tỉ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng lớn, còn nhiều vấn đề xã hội bức xúc phát sinh”.

Nghị quyết nêu 4 quan điểm trong giai đoạn phát triển mới: “1) Khẳng định vị trí quan trọng, chiến lược lâu dài của vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. 2) Nói rõ mối quan hệ và yêu cầu giải quyết đồng bộ vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình CNH, HĐH đất nước. 3) Nhấn mạnh các điều kiện và phương hướng giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. 4) Xác định trách nhiệm của hệ thống chính trị, của toàn xã hội và vai trò của nông dân trong giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Bốn quan điểm chỉ đạo nêu trong Nghị quyết thể hiện nhận thức nhất quán của Đảng về chiến lược nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong quá trình CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN, nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn có vị trí chiến lược lâu dài” [52, tr. 15-17].

Điểm mới trong chỉ đạo giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn thể hiện là “xác định rõ quan hệ hữu cơ giữa CNH, HĐH đất nước với CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; quan hệ khăng khít giữa 3 thành tố nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xác định vị trí, vai trò, của mỗi thành tố... Điểm mới nữa về chỉ đạo trong Nghị quyết là xác định rõ trách nhiệm giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đó là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và của nông dân” [52, tr.17].

Nghị quyết xác định nông dân là chủ thể, xây dựng NTM là căn bản, then chốt là hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển toàn diện. Nghị quyết đưa ra 4 quan điểm phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng để phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ gìn ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước” [52, tr.3]; gắn giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn với đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân dựa trên nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, theo từng lĩnh vực, từng vùng; nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội là giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết đề ra mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý” [52, tr.3]; trong đó: *Một là*, phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại. *Hai là*, “phát triển đô thị gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn” [52, tr.18-20]; xã hội nông thôn ổn định, đậm bản sắc văn hoá dân tộc; nâng cao dân trí; tăng cường hệ thống chính trị ở nông thôn. Liên minh công nhân-nông dân-trí thức được củng cố vững mạnh, tạo nền tảng KT-XH, chính trị vững chắc cho sự nghiệp CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Nghị quyết xác định đến năm 2020: “tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3,5 - 4%/năm”; “Nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 2,5 lần so với hiện nay. Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% lao động xã hội, tỉ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%; số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%” [52, tr.4]. Phát triển kết cấu hạ tầng KT - XH nông thôn, đầu tiên là hệ thống thủy lợi đồng bộ. Cư dân nông thôn được nâng cao chất lượng cuộc sống; thực hiện bền vững, có hiệu quả công cuộc xóa đói, giảm nghèo; trình độ giác ngộ và vị thế chính trị của giai cấp nông dân được nâng cao, nông dân được tạo điều kiện tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong thực hiện CNH, HĐH đất nước. Nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên

tai, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, biển và rừng phòng hộ ven biển. Chất lượng môi trường nông thôn được nâng cao.

Nhằm đạt mục tiêu đó, Nghị quyết xác định nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng NTM và xây dựng kết cấu hạ tầng trước một bước. Cần phải triển khai những nội dung: “*Một là*, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện, hiện đại, phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn. *Hai là*, phát triển đô thị gắn với xây dựng hạ tầng KT-XH nông thôn; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, nhất là vùng khó khăn. *Ba là*, đổi mới, xây dựng có hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ ở nông thôn. *Bốn là*, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo phát triển nhanh nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn. *Năm là*, đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông dân. *Sáu là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị ở nông thôn, nhất là Hội Nông dân” [52, tr. 20-22].

Đại hội XI của Đảng thông qua Cương lĩnh phát triển đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011); thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng NTM: “Quy hoạch phát triển nông thôn gắn với đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm” [53, tr. 197-198].

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, Chính phủ cụ thể hóa với việc ra Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP (28-10-2008), Chương trình hành động của Chính phủ được ban hành để thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy (khóa X) của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quyết định số 491- QĐ/TTg (16-4-2009) của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Theo đó, xã NTM phải đạt 19 tiêu chí trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở nông thôn và các mặt đời sống nông dân. Có thể cụ thể thành 5 nhóm tiêu chí: Quy hoạch; hạ tầng kinh tế-xã hội; kinh tế và tổ chức sản xuất; hệ thống chính trị; văn hóa-xã hội-môi trường.

Từ thực tiễn phát triển kinh tế từng vùng, Quyết định 491-QĐ/CP đề ra chỉ tiêu thực hiện 19 tiêu chí mỗi vùng: Trung du miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Duyên hải Nam Trung bộ; Bắc Trung bộ; Tây Nguyên; Đồng bằng sông Cửu Long; Đông Nam bộ. Huyện NTM phải là huyện có 75% số xã đạt NTM. Tỉnh NTM phải có 80% số huyện đạt NTM.

Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM cụ thể hóa đặc điểm của xã hội NTM thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, cơ sở hình thành nội dung “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới”, là chuẩn mực để từng xã xây dựng kế hoạch phân đấu thực hiện 19 tiêu chí NTM. Đó là cơ sở để chỉ đạo, đánh giá thành quả xây dựng NTM của mỗi địa phương trong từng thời kỳ; đánh giá công nhận xã, huyện, tỉnh đạt tiêu chí NTM; Xem xét trách nhiệm của từng cấp ủy Đảng và chính quyền mỗi xã và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM.

Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010 “phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” gồm 11 nội dung, gồm 19 tiêu chí theo bộ tiêu chí quốc gia, nhằm xây dựng NTM với kết cấu hạ tầng KT-XH dần hiện đại; cơ cấu kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn “giàu bản sắc văn hóa dân tộc”, dân chủ, ổn định; bảo vệ môi trường sinh

thái; giữ vững an ninh chính trị; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao với mục tiêu chung: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [164, tr.1]. Quyết định đề ra mục tiêu phải đạt là: “Đến năm 2015: 20% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới” [164, tr.1]. “Đến năm 2020, số xã đạt tiêu chuẩn NTM tăng lên 50%” [164, tr.1].

Chương trình mang tính tổng thể phát triển KT - XH, chính trị, an ninh quốc phòng với 11 vấn đề: Quy hoạch xây dựng NTM; chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập; phát triển hạ tầng KT - XH; giảm nghèo và an sinh xã hội; các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn được đổi mới, phát triển; phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn; phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn; xây dựng văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn; cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội tại địa bàn; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nông thôn.

Quá trình xây dựng NTM là xây dựng nông nghiệp, nông dân và nông thôn theo hướng người nông dân làm chủ. Nông dân là chủ thể và là đối tượng hướng tới xây dựng NTM thời kỳ CNH, HĐH. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, ngày 8-11-2011 Quốc hội ban hành Nghị quyết số 10/2011/QH13 “về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015”, trong đó có đề cập đến việc xây dựng NTM. Nghị quyết là một phần những năm 2011-2015, với mục tiêu đưa các nghị quyết của Đảng gắn với cuộc sống. Nghị quyết nhấn mạnh việc “cơ cấu lại nền kinh tế, coi đó là những nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt”. Nghị quyết 10/2011/QH13 đề cập việc phát huy nhân tố con người, đổi

mới tư duy, cơ chế và chính sách tạo môi trường thuận lợi để phát triển nhanh, bền vững, khơi dậy mọi tiềm năng của đất nước và huy động mọi nguồn lực. Xây dựng NTM được coi là một phần quan trọng trong quá trình đó, để nâng cao đời sống của người dân nông thôn, góp phần phát triển đất nước

Ngày 12-4-2012, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 431/QĐ-TTg “Về phê duyệt chiến lược phát triển bền vững đất nước giai đoạn 2011-2020”...

Có thể thấy rằng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng NTM thể hiện một cách cụ thể, chi tiết. Các quan điểm và sự chỉ đạo đó là đường lối chung để Đảng bộ tỉnh Nam Định vận dụng, phát triển sáng tạo chủ trương của Đảng trong điều kiện địa phương, lãnh đạo xây dựng NTM từng bước thu nhiều thắng lợi to lớn.

2.2. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH

2.2.1. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Nam Định

Đặc điểm tự nhiên

Tỉnh Nam Định thuộc ven biển Đông Nam đồng bằng sông Hồng. Tỉnh Nam Định phía Đông giáp tỉnh Thái Bình, giáp tỉnh Ninh Bình về phía Tây, phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông Nam và phía Nam giáp biển Đông, có 3 huyện nằm ở ven biển là Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Giao Thủy.

Tỉnh Nam Định chia thành hai vùng tự nhiên. Phía Bắc là vùng bị bào mòn, bồi tụ phù sa cổ, đất thấp, có những dải võng tạo thành ô trũng (Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc). Đất đai ngập nước lâu ngày nên độ phì kém, độ PH cao, sau dần tiếp nhận phù sa sông Hồng, sông Đáy nên có đất màu nâu tươi, độ phì cao hơn. Ở những vùng lòng chảo trũng nằm sâu trong đất liền, biển lùi nhanh, đồi núi xung quanh và đê chắn kín sóng, ít có phù sa tràn vào nên những vùng này thường xuyên úng ngập, gây nhiều vất vả khó khăn cho dân cư.

Phía Nam tỉnh do phù sa sông Hồng và sông Đáy bồi tụ nên địa hình tương đối bằng phẳng, đất đai màu mỡ gồm đất trong và ngoài đê biển mặn trung bình và ít, nằm sâu trong đất liền đất phèn hoặc mặn chua có thể trồng cây nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản... Ở cửa sông đất mặn nhiều dùng làm muối hoặc nuôi thủy sản. Đất mặn sú vẹt (chủ yếu ở cửa Ba Lạt) chủ yếu nuôi thủy sản, trồng sú vẹt và bảo tồn thiên nhiên. Các bãi, cồn, đụn cát ven biển là đất nghèo dinh dưỡng sử dụng trồng cây chắn sóng hoặc dùng để nghỉ mát.

“Với vị trí Đông Nam giáp biển, nằm giữa sông Hồng và sông Đáy nên tỉnh Nam Định là một bộ phận châu thổ trẻ của đồng bằng sông Hồng, có một số núi đồi đất đan xen với những cánh đồng hai huyện Vụ Bản và Ý Yên. Thuộc châu thổ sông Hồng, Nam Định nằm ở phần tiến nhanh ra biển, nhất là từ cửa Trà Lý đến cửa Hà Lạn, tập trung ở tả, hữu ngạn cửa Ba Lạt. Khu vực tiến nhanh thứ hai là cửa Đáy, ở đó nước và phù sa chủ yếu từ sông Hồng chảy vào sông Đáy, do vậy huyện Giao Thủy hằng năm được bồi đắp khoảng 90 ha và huyện Nghĩa Hưng khoảng 31 ha. Như vậy, toàn tỉnh Nam Định tăng khoảng 120 ha/năm” [159], là điều kiện thuận lợi để mở rộng diện tích cây trồng với đất đai trù phú.

Giữa hai khu vực ấy là khoảng bờ biển bị xói lở từ cửa Hà Lạn đến cửa Lạch Giang. Tốc độ bào mòn có thể đạt 15 m/năm ở bờ biển Văn Lý (khoảng 12 ha/năm) và 5-15m/năm ở cửa Lạch Giang.

Diện tích tự nhiên Nam Định là 1.671km² [215, tr.28], bằng khoảng 0,5% diện tích tự nhiên cả nước, đứng thứ 40 trong 63 tỉnh, thành toàn quốc [160, tr.5]. Với hệ đất trồng phong phú, giàu dưỡng chất, thích hợp cho trồng cây, tạo cơ sở vật chất tốt để nông nghiệp nhiệt đới phát triển.

Nam Định có bờ biển trải dài 72 km từ cửa Ba Lạt đến cửa Đáy. Đây là vùng có tiềm năng kinh tế, thuận lợi để nuôi và đánh bắt hải sản; là một trong những cửa ngõ quốc gia, một phần phen dậu của đất nước, là vị trí tiền tiêu, thuộc biên phòng bờ biển của tỉnh. Đặc biệt cửa Ba Lạt có một bãi tạm trú của

chim di cư từ Bắc bán cầu đến Nam bán cầu và ngược lại. Trong số đó có một số loài quý hiếm được ghi trong sách đỏ của Tổ chức bảo vệ chim quốc tế (bồ nông chân hồng, cò thìa, choi choi mỏ thìa, mòng biển đầu đen,...). Ngày 20-9-1988, vùng đất đầu tiên của Việt Nam là vùng đất ngập mặn Xuân Thủy được ghi vào Công ước quốc tế bảo vệ đất ngập nước (RAMSAR).

Có thể nói, tỉnh Nam Định là một vùng đất đông dân và trù phú nhất ở Bắc Việt Nam, là một trong ba đỉnh của tam giác phát triển châu thổ sông Hồng. Với vị trí thuận lợi, Nam Định ngày càng quan trọng trong trao đổi nội địa châu thổ sông Hồng và khu vực duyên hải.

Về khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng

Do vị trí giáp biển, chịu tác động của vịnh Bắc Bộ với đặc trưng nhiệt ẩm trung bình năm và diễn biến theo mùa nên khí hậu Nam Định thuộc khí hậu chí tuyến gió mùa ẩm, mùa Đông lạnh với hai tháng dưới 18°C, mùa khô kéo dài hai tháng. Riêng ven biển có mùa khô kéo dài bốn tháng, số giờ nắng trong toàn tỉnh cao, mùa hạ tới 5 tháng (tháng 5 đến tháng 9). “Sự đa dạng của khí hậu nhiệt đới tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều loại cây trồng phát triển, trong sản xuất nông nghiệp có sự phong phú về chọn lựa vật nuôi, cây trồng”. Tuy nhiên, sự thiếu hụt nước hoặc lượng mưa lớn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng và chất lượng nông sản. Do đó, nhiều nông dân sử dụng hệ thống tưới tiêu để đảm bảo cây trồng đủ nước để phát triển mạnh mẽ, mang lại lợi nhuận cao. Hằng năm, 72 km bờ biển của Nam Định nhận được 72 tỷ m³ nước từ sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ, khiến cho vùng nước biển ven bờ lợ vào mùa mưa lũ, nhưng lại nhận được khoảng 165 triệu tấn phù sa màu mỡ từ cửa Đáy và cửa Ba Lạt. Điều này là cơ sở cho 2 cửa sông trên tiến nhanh ra biển.

Là phần ven biển Đông Nam châu thổ sông Hồng, Nam Định có nguồn nước rất phong phú, nhưng biến đổi theo mùa và chịu ảnh hưởng thủy triều.

Như vậy, với khí hậu nhiệt - ẩm, với số giờ nắng cao, tổng nhiệt độ, cân bằng nước dương cho phép Nam Định có đủ điều kiện thâm canh, tăng vụ, một

năm có thể làm 2 vụ lúa và 3-4 vụ rau màu. Do vậy, Nam Định không những đảm bảo được an toàn lương thực và nông-hải sản cho người dân trong tỉnh mà còn dùng chế biến xuất cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Nam Định là tỉnh nghèo khoáng sản (về chủng loại và trữ lượng). Thăm dò, khảo sát trên địa bàn tỉnh có một số loại khoáng sản chủ yếu: thềm rạn có đất sét dùng sản xuất vật liệu xây dựng, trữ lượng khoảng 25-30 triệu tấn, phân bố ở ven sông Hồng, sông Đào, sông Ninh Cơ. Thềm lũng có nước khoáng Hải Sơn-Hải Hậu, Hồng Thuận-Giao Thủy và núi Gôi-Vụ Bản. Nguồn nước khoáng đó có thể làm nước giải khát và chữa bệnh. Khoáng sản thể khí đã tìm thấy trữ lượng nhỏ ở một số xã thuộc huyện Giao Thủy.

Đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội

Về kinh tế, ngành kinh tế chủ yếu ở Nam Định là nông nghiệp. Ở Nam Định trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và ngư nghiệp thuộc kinh tế nông nghiệp. Yếu tố truyền thống ở Nam Định trong sản xuất nông nghiệp thể hiện rõ kỹ thuật canh tác, hệ thống thủy lợi, vật nuôi đặc trưng và giống cây trồng, trong khi làng nghề tiểu thủ công nghiệp đa dạng, kỹ năng thủ công tinh xảo nổi tiếng, các sản phẩm mang tính biểu tượng cao, thể hiện nét đặc trưng văn hóa và kinh tế của nông thôn như các làng nghề đúc đồng, chạm khắc gỗ, dệt lụa, làm kèn đồng, nặn tò he... Nam Định nổi tiếng mỗi làng nghề chuyên sâu một sản phẩm chuyên môn hóa cao độ với hàng trăm làng nghề. Đặc trưng là làng đúc đồng Tống Xá nổi tiếng với sản phẩm lư hương, đỉnh trầm, tượng phật giá trị nghệ thuật cao. Làng nghề dệt lụa Cổ Chất lưu giữ và phát triển nghề dệt tơ lụa truyền thống. Làng nghề duy nhất làm kèn đồng trong nước còn gọi là “kèn tây” là làng nghề kèn đồng Phạm Pháo. Tạo ra những kiệt tác từ chất liệu gỗ là làng nghề chạm khắc gỗ La Xuyên. Tạo ra những con tò he rất ngộ nghĩnh là làng nghề nặn tò he Hà Dương. Ngoài ra còn nghề nón lá Nghĩa Châu, khăn xếp Giáp Nhất, mây tre đan Thạch Cầu, đèn ông sao Báo Đáp và sơn mài Cát Đằng. Các làng nghề là nơi sản xuất và là tinh hoa văn hóa, thể hiện tài năng, sự khéo

léo của người thợ thủ công Nam Định, là thành tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn.

Do điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho nông nghiệp phát triển, lại “chú trọng phát triển nông nghiệp”, Nam Định là vùng nông nghiệp phát triển với sản lượng, năng suất cao, phong phú, đa dạng ngành nghề và kỹ thuật canh tác, kinh nghiệm thâm canh, chủ động chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng với những sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng: gạo tám xoan Nghĩa Hưng, Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thủy, nước mắm Sa Châu, muối Bạch Long (Giao Thủy), muối Văn Lý (Hải Hậu), khoai lang tím chợ Chùa-Nam Giang,...Tuy nhiên, ở mỗi vùng kinh tế nông nghiệp Nam Định có những đặc điểm riêng, trong đó sự khác nhau khá rõ nét giữa vùng làng, xã cổ phía Bắc với vùng làng, xã trẻ phía Nam được hình thành do các cuộc khai hoang trong những thế kỷ gần đây. Trong mỗi vùng dần hình thành các tiểu vùng kinh tế như chuyên trồng lúa, chăn nuôi, lâm, ngư nghiệp, thủy hải sản, các tiểu vùng công nghiệp-xây dựng, các làng nghề truyền thống kết hợp với hiện đại... Quy mô và phương hướng sản xuất của các tiểu vùng chịu sự tác động thường xuyên của sản xuất hàng hóa. Thủ công nghiệp Nam Định mở ra đa ngành, đa nghề với hầu hết ngành, nghề gắn chặt với nông nghiệp, nông thôn.

Như vậy, trong tình hình thế giới và trong nước biến động khó lường, Đảng bộ tỉnh Nam Định xác định phải chủ động nắm thời cơ, khai thác lợi thế, vượt qua mọi khó khăn và thách thức đưa Nam Định phát triển nhanh, bền vững.

Về văn hóa-xã hội, Nam Định là vùng văn hóa đặc sắc, tiêu biểu. Ăn, mặc, ở, đi lại của người Nam Định là sự thích nghi, hòa đồng của con người với tự nhiên, vừa tận dụng và khai thác của con người với môi trường thiên nhiên ven sông, gần biển với đặc trưng của miền “giao thủy”.

Nam Định là vùng quê văn hiến, là môi trường văn hóa tổng hợp, hòa quyện và đan xen văn hóa biển với văn hóa châu thổ, văn hóa bác học với văn hóa dân gian, văn minh đô thị với văn minh thôn dã, hòa quyện giá trị tinh thần

truyền thống với tác phong công nghiệp hiện đại. Là một vùng đất học với nhiều trường học nổi tiếng, người Nam Định lấy tri thức làm trọng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định, xứng danh là đất học nên hơn 90 năm qua, “sự nghiệp văn hoá - xã hội, giáo dục và đào tạo” ở Nam Định có nhiều đổi mới, phát triển. 25 năm liền đứng top đầu cả nước, phong trào “dạy tốt, học tốt” ở Nam Định luôn phát huy truyền thống, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, chuyển sang phát triển năng lực và phẩm chất người học từ trang bị kiến thức, kỹ năng, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục phổ thông.

“Nam Định có khoảng 1.350 di tích lịch sử - văn hoá (trong đó 2 di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt, 83 di tích được xếp hạng quốc gia, 299 di tích được xếp hạng cấp tỉnh), Nam Định có 9 di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh Di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia” [159, tr. 13].

Nam Định là nơi hợp cư của nhiều bộ phận cư dân, chủ yếu là vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ gắn với phát triển nền nông nghiệp thâm canh trên vùng đất phù sa màu mỡ. Dân số ở khu vực có mật độ khá cao so với cả nước và đồng bằng Bắc Bộ. Quá trình hình thành cộng đồng cư dân Nam Định gắn với hiện tượng di cư nội vùng, nội tỉnh. Trong lịch sử người dân Nam Định đến vùng khác như tham gia khẩn hoang ở Kim Sơn, Tiền Hải. Cư dân Nam Định có hiện tượng di cư nội tỉnh theo hướng mở rộng, khai hoang các vùng đất mới, vùng duyên hải thời cổ, trung đại. Thời cận, hiện đại trong đô thị hóa một bộ phận dân cư hội tụ về thành phố Nam Định và bộ phận khác rời quê hương lập nghiệp ở đô thị lớn như Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo điều tra dân số (1-4-2019), dân số Nam Định là 1.780.393 người, trong đó dân số thành thị chiếm 18,18%, nông thôn chiếm 81,82% [160, tr.15]. Nam Định đông dân thứ 5 trong vùng Đồng bằng Sông Hồng (sau Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương và Thái Bình) và thứ 13 toàn quốc. So với tổng điều tra dân số năm 1999 (1.890.240) và năm 2009 (1.828.111), dân số của tỉnh liên tục

giảm. Sau 10 năm quy mô dân số của tỉnh giảm 47.718 người, bình quân mỗi năm giảm 4,7 nghìn người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân những năm 2009-2019 là -0,26%/năm (tỷ lệ này bình quân của 10 năm trước là -0,33%/năm) [159, tr.15].

Tổng điều tra dân số năm 2019 cho thấy lượng dân số Nam Định từ 15-64 tuổi chiếm 63,5% (giảm 4,4% so với năm 2009), tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên chiếm 24,5% và 12%. Như vậy, tỉnh Nam Định đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”, khi mà một người phụ thuộc được “gánh” bởi hai người đang trong tuổi lao động. Tuy nhiên, dân số từ 65 tuổi trở lên những năm 2009-2019 có dấu hiệu tăng mạnh so với những năm 1999-2009 (dân số từ 65 tuổi trở lên năm 2019 tăng 3,4% so với năm 2009; năm 2009 tăng 1,1% so với năm 1999). Nam Định có chỉ số già hóa cao hơn nhiều so với cả nước và đồng bằng sông Hồng. Do đó, cùng với chính sách nâng cao chất lượng dân số, tận dụng “cơ cấu dân số vàng” để tạo cơ hội để kinh tế-xã hội phát triển, Nam Định phải có các chính sách thiết thực đảm bảo an sinh xã hội cho người cao tuổi trong tương lai.

Là tỉnh có nguồn lao động trẻ và dồi dào nhưng trình độ tay nghề, chuyên môn kỹ thuật còn thấp: “Năm 2019, số dân từ 15 tuổi trở lên tham gia lao động được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật từ sơ cấp trở lên là 20,3%, tăng 8,1% so với năm 2009 (12,2%); trong đó, thành thị cao gần gấp 2 lần nông thôn (34,1% và 17,6%). Sau 10 năm, tăng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nhưng còn 79,7% người tham gia lao động chưa được đào tạo chuyên môn, kỹ thuật” [160, tr. 16].

Các ngành kinh tế của Nam Định có nhiều đổi thay theo hướng giảm nông, lâm nghiệp, thủy sản và tăng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ (năm 1999: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 77,92%, năm 2009 là: 65,54% và năm 2019 là: 33,23%) so với trung bình chung của cả nước (13%) cơ cấu ngành kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản ở Nam Định vẫn chiếm

tỷ lệ cao [160, tr.17], chứng tỏ chuyển đổi cơ cấu lao động ở Nam Định vẫn chưa đáp ứng nhu cầu CNH, HĐH.

Là nơi có “Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân theo người” (GRDP) ở mức 45 triệu đồng/người [161, tr.17], so với 68,18 triệu đồng/người của cả nước nhưng Nam Định lại có tỷ lệ người biết chữ và tuổi thọ trung bình cao hơn cả nước. Theo Tổng điều tra dân số (2019), tỷ lệ biết chữ của người dân đạt 98,7%, cao hơn trung bình trong cả nước (95,8%) và tương đương với vùng đồng bằng sông Hồng. Tuổi thọ trung bình của người dân là 74,5%, trong khi cả nước là 73,6 tuổi [160, tr.17].

Như vậy, nguồn nhân lực để xây dựng NTM ở Nam Định đang ở giai đoạn thuận lợi với “cơ cấu dân số vàng” nhưng tiềm ẩn khó khăn, đặc biệt lao động chưa được đào tạo còn cao, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh Nam Định phải có chính sách thích hợp để phát huy lợi thế và tiềm năng thực hiện thành công chủ trương của Đảng và Đảng bộ tỉnh trong xây dựng NTM.

Có thể nói, điều kiện tự nhiên và KT-XH Nam Định có nhiều thuận lợi trong thực hiện “chủ trương của Đảng về xây dựng nông thôn mới” như truyền thống canh tác lúa nước lâu đời, những ưu đãi của thiên nhiên, của văn hóa thuần nông tiêu biểu vùng đồng bằng sông Hồng, lực lượng lao động trẻ ngày càng được đào tạo bài bản..., nhưng cũng đối mặt với những khăn như bão dữ, bờ biển bị xói lở... cũng như những biến động khó lường của KT-XH thế giới.

2.2.2. Thực trạng xây dựng nông thôn mới ở Nam Định trước năm 2008

Kinh tế nông thôn

Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, từ năm 1986 đến năm 1996, Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh tiến hành 2 kỳ Đại hội: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh lần thứ IV (10-1986), lần thứ V (4-1991); Ngày 1-4-1992, tỉnh Nam Hà tái lập sau nghị quyết Quốc hội khoá VIII.

Từ năm 1986, triển khai đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế và quản lý, trước hết

là đổi mới cách quản lý HTX nông nghiệp. Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết 08-NQ/TU “bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh” của các HTX (23-5-1987); Nghị quyết số 18-NQ/TU về việc tiếp tục đổi mới cách thức quản lý kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp (29-8-1988). Tỉnh ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thí điểm giao ruộng đất lâu dài cho nhân dân. Ngày 18-2-1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 35-NQ/TU về cải tiến cơ chế quản lý, kiên quyết xóa bỏ cơ chế cũ chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Tỉnh tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo phương hướng CNH, HĐH, chú trọng phát triển ba vùng kinh tế nòng cốt với các ngành kinh tế chủ lực trong hai năm 1994-1995: khu vực sản xuất vật liệu xây dựng và dịch vụ phía Bắc tỉnh; khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thành phố Nam Định và vùng phụ cận (chủ yếu là công nghiệp dệt may); khu vực kinh tế vùng ven biển (các ngành nghề phục vụ đánh bắt hải sản, sửa chữa tàu thuyền và vận tải...)

Sau 10 năm triển khai đường lối đổi mới đất nước (1986 - 1996), trong hoàn cảnh hết sức phức tạp và khó khăn, kinh tế của tỉnh có những chuyển biến quan trọng. “GDP bình quân mỗi năm tăng 5,9% (riêng thời kỳ 1991 -1995 tăng 7,4%). Bước đầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng tăng. Tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 46,3% năm 1985 xuống 41,5% năm 1996. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thời kỳ 1986 -1990 tăng 4,7 %, thời kỳ 1991 - 1995 tăng 2,8%, giá trị Dịch vụ tăng từ 53,7% năm 1985 lên 58,5% 1996. Hàng xuất khẩu năm 1996 đạt 37,3 triệu USD. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện (năm 1996, hộ nghèo còn 12,57%)” [160, tr.41-42].

Năm 1996, tách tỉnh Nam Hà để tái lập 2 tỉnh mới là Nam Định và Hà Nam; chuyển 7 xã của huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam về thành phố Nam Định. Tỉnh Nam Định có 7 đơn vị hành chính là thành phố Nam Định với 6 huyện: Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Nam Ninh, Vụ Bản, Xuân Thủy và Ý Yên [160].

Ngày 1-1-1997 tỉnh Nam Định được tái lập theo Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX. Thành phố Nam Định và huyện Nam Ninh được điều chỉnh địa giới hành chính (1997). Cùng năm, điều chỉnh địa giới huyện Nam Ninh và huyện Hải Hậu; tái lập huyện Mỹ Lộc, các huyện Nam Ninh, Xuân Thủy được chia lại thành các huyện như cũ; thành lập thị trấn Thịnh Long thuộc huyện Hải Hậu. Sáp nhập một phần huyện Nam Ninh (xã Nam Phong và Nam Vân) vào thành phố Nam Định. Thành lập huyện Mỹ Lộc trên cơ sở một phần thành phố Nam Định. Trên cơ sở toàn bộ huyện Xuân Thủy thành lập huyện Xuân Trường và huyện Giao Thủy. Giải thể huyện Nam Ninh. Thành lập huyện Nam Trực trên cơ sở một phần huyện Nam Ninh. Thành lập huyện Trực Ninh trên cơ sở phần còn lại huyện Nam Ninh và một phần huyện Hải Hậu (toàn bộ các xã Trực Thắng, Trực Đại, Trực Thái, Trực Cường, Trực Phú, Trực Hùng). Trên cơ sở toàn bộ xã Thịnh Long thành lập thị trấn Thịnh Long (Hải Hậu). Thị trấn Thịnh Long có 1.568 ha diện tích tự nhiên và 13.730 nhân khẩu [160].

Việc chia tách và thành lập mới thị trấn Thịnh Long giúp Nam Định thúc đẩy đô thị hóa nông thôn vì thị trấn Thịnh Long phát triển kinh tế hỗn hợp (nông nghiệp, ngư nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, du lịch, ...) góp phần đẩy nhanh quá trình tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Trong những năm 1996-2000, kinh tế của tỉnh giữ tốc độ tăng trưởng bình quân 6,85%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo xu hướng tăng tỷ trọng công nghiệp. Năm 2000, tỷ trọng giữa công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 58,4%, nông nghiệp còn 41,6%. GDP bình quân theo người đến năm 2000 đạt được 3.060.000 đồng, tăng hơn 2 lần so với năm 1990. Lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp đạt và vượt kế hoạch. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên 1 ha canh tác đạt 28 triệu đồng. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 11,1%/năm.

Trong 5 năm (2001-2005), kinh tế Nam Định tăng trưởng khá: Nông nghiệp tiếp tục chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá; công nghiệp, nhất là công nghiệp địa phương phát triển nhanh; tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong giá trị toàn ngành. Các ngành dịch vụ liên tục phát

triển. Nhiều công trình lớn trọng điểm được triển khai, hoàn thành và sử dụng tạo điều kiện cho sự phát triển KT-XH, diện mạo đô thị và nông thôn thay đổi nhanh theo hướng văn minh, hiện đại. Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh tốc độ tăng còn thấp so với tiềm năng; hiệu quả, sức cạnh tranh chưa cao; chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế chậm...

Quan hệ sản xuất XHCN tiếp tục được củng cố. Các HTX nông nghiệp chuyển đổi hoạt động. Việc hướng dẫn, tổ chức sản xuất, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân được thực hiện ngày càng tốt hơn. Kinh doanh, dịch vụ đặc biệt là dịch vụ thiết yếu có nhiều cố gắng: thủy lợi, bảo vệ thực vật, phòng, chống dịch bệnh... góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi xóa đói giảm nghèo, xây dựng NTM.

Trang trại nuôi thủy sản và chăn nuôi quy mô nhỏ phát triển. Năm 2006 toàn tỉnh có 927 trang trại, năm 2007 có 997 trang trại (có 673 trang trại thủy sản, 300 trang trại chăn nuôi và 24 trang trại trồng trọt) [12, tr.11]. Cơ cấu ngành nghề của hộ, lao động nông thôn giảm dần số lượng và tỷ trọng hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng số lượng hộ công nghiệp và dịch vụ. Kinh tế hộ gia đình phát triển.

“Chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2006 – 2010” “được các cấp uỷ đảng, chính quyền chỉ đạo, tổ chức thực hiện được 2 năm. Phần lớn mục tiêu của chương trình đều đạt kết quả khá: Phát triển lúa thâm canh đảm bảo an ninh lương thực và phát triển lúa hàng hoá giá trị cao; phát triển cây lạc; phát triển rau màu, nấm phục vụ chế biến xuất khẩu; phát triển chăn nuôi lợn; chăn nuôi bò. Chương trình tạo động lực thu hút, khuyến khích các HTX, hộ nông dân, doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; góp phần duy trì tăng trưởng kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2008 đạt 5,2%/năm, vượt 2,21%” [12, tr.12] so với kế hoạch, Cụ thể:

“Sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá giá trị cao trên đơn vị diện tích. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển đổi theo hướng giảm giá trị trồng trọt, tăng giá trị chăn nuôi, dịch vụ.

Giá trị nông nghiệp liên tục tăng. Năm 2006, giá trị sản xuất theo giá cố định đạt 3.388.398 triệu đồng, năm 2008 đạt 3.452.775 triệu đồng. Giá trị thu nhập 1 ha canh tác tăng từ 38,0 triệu đồng/ha năm 2006 lên 39,6 triệu đồng/ha năm 2007 và đạt 50 triệu đồng/ha năm 2008” [12, tr.12] (vượt mục tiêu của Chương trình đề ra đến 2010 đạt 42 triệu đồng/ha, tuy nhiên việc đạt 50 triệu đồng/ha còn do giá tăng cao trong năm 2008).

“Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển theo hướng trồng trọt giảm từ 68,1% năm 2006 xuống 64,6% năm 2008. Chăn nuôi và dịch vụ tăng nhanh từ 31,9% năm 2006 lên 35,4% năm 2008” [12, tr.12].

Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp và nông thôn phù hợp với lực lượng sản xuất hoàn thiện từng bước. Bước đầu thực hiện dồn điền và đổi thửa tạo thuận lợi cho quá trình tích tụ ruộng đất để hình thành các vùng bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với sản xuất hàng hoá tập trung. Nhiều kỹ thuật mới về giống cây, giống con, biện pháp thâm canh tổng hợp được sớm đưa vào sản xuất, nhất là sản xuất cây vụ đông. Trong chăn nuôi chuyển dịch cơ cấu có nhiều chuyển biến, số trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng nhanh, số hộ chăn nuôi nhỏ lẻ giảm đáng kể. Mặc dù trên đàn gia súc, gia cầm dịch bệnh diễn biến phức tạp, dịch cúm gia cầm, dịch lợn tai xanh bùng phát trở lại, song được khống chế và dập tắt.

Phát huy tác dụng tốt những công trình phục vụ sản xuất, đời sống, hệ thống đê biển được củng cố và nâng cấp, xóa dần những trọng điểm nguy cấp, góp phần bảo vệ sản xuất, nâng cao đời sống của người dân.

Đầu tư những dự án phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn góp phần thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, là cơ sở để các thành phần kinh tế sản xuất kinh doanh hiệu quả để nâng cao cuộc sống của nhân dân, giải quyết việc làm, từng bước đổi mới bộ mặt xã hội nông thôn.

“Qua 23 năm đổi mới (1986-2008), kinh tế tỉnh có bước phát triển mới về quy mô, hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng bình quân 10,2%/năm, cao hơn mức

bình quân của thời kỳ 2001-2005 là 7,3%. Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch phù hợp với phát triển kinh tế nhiều thành phần và quá trình CNH, HĐH. Ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm gần 70%; nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 31,9% năm 2005 xuống 29,5%; công nghiệp và xây dựng tăng từ 31,1% lên 36,5%. Kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đô thị thành phố Nam Định và các thị trấn huyện từng bước được cải tạo, nâng cấp. Toàn vùng có 4 cụm công nghiệp và khu công nghiệp tàu thủy. Vùng kinh tế biển chiếm 21,5% GDP và 9,4% giá trị ngành công nghiệp của tỉnh” [142, tr. 12].

“Vùng nông thôn có những bước phát triển, từng bước tạo nên diện mạo mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính quyền tỉnh, các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng giai cấp nông dân đạt được những kết quả quan trọng” [142, tr. 1].

“Cơ cấu nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Giá trị nông, lâm, thủy sản tăng hơn 3%/năm. Năng suất lúa hàng năm ổn định ở mức cao, đạt 120 tạ/ha/năm, “Sản lượng lương thực hàng năm đạt gần 1 triệu tấn, trong đó có từ 350.000 - 400.000 tấn lúa hàng hóa” [145, tr. 1]. Chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch sang chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại. Duy trì, phát triển sản xuất muối, nuôi và khai thác thủy sản, ngành nghề nông thôn.

Kết cấu hạ tầng KT - XH nông thôn như giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, môi trường nông thôn được đầu tư, góp phần đáp ứng tốt sản xuất và đời sống. Kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển từng bước giải quyết các vấn đề an sinh xã hội như việc làm, tăng thu nhập, “nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho dân cư nông thôn”, góp phần thúc đẩy tăng trưởng KT - XH của tỉnh. Tuy nhiên, trong những năm trước năm 2008, nông nghiệp và nông thôn tỉnh Nam Định còn những hạn chế:

Còn nhiều địa phương trong tỉnh chưa quy hoạch chi tiết phát triển trồng trọt và chăn nuôi; chưa quan tâm đúng mức việc quản lý, thực hiện quy hoạch.

Sản xuất còn phân tán, manh mún chưa tạo ra nhiều vùng nguyên liệu lớn, tập trung. Có địa phương chưa phát huy được lợi thế và tiềm năng trong phát triển khoai tây Đức, Hà Lan vụ Đông nên diện tích chưa đạt mục tiêu chương trình đề ra; nhiều vùng chưa triển khai dù có điều kiện sản xuất cây rau, màu, nấm phục vụ cho chế biến và xuất khẩu. Chăn nuôi gia súc, gia cầm nhiều địa phương còn hạn chế...Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch chậm, tỷ trọng trồng trọt còn cao, dịch vụ và chăn nuôi còn thấp. Việc tiếp nhận và nhân rộng giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và còn chậm đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Các dự án phát triển khoai tây Đức - Hà Lan, cây rau màu phục vụ chế biến xuất khẩu, cây lạc... nông dân chưa tích cực sử dụng giống mới. Năng lực tài chính của hợp tác xã, chủ trang trại, hộ nông dân còn khó khăn nên chưa có điều kiện đầu tư cơ sở vật chất thâm canh cây trồng, chăn nuôi gia súc theo cách thức sản xuất hàng hoá. Liên kết 4 nhà chưa thực hiện chặt chẽ, hiệu quả đạt chưa cao. Xóa đói giảm nghèo thực hiện chưa bền vững, có xu hướng chậm lại.

Xã hội nông thôn

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định, sự cố gắng của các địa phương, đến năm 2008 xây dựng NTM có bước phát triển khá, đời sống nhân dân dần cải thiện. Nông thôn từng bước hoàn thiện hạ tầng KT-XH, góp phần phát triển sản xuất, đổi mới xã hội nông thôn.

Các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo quy hoạch và thực hiện quy hoạch hạ tầng nông thôn. “Trong hai năm (2007, 2008) ngân sách tỉnh đầu tư hơn 7 tỷ đồng hỗ trợ các xã, thị trấn thực hiện xây dựng quy hoạch đô thị và nông thôn giai đoạn 2006 - 2010. Đến năm 2008, hoàn thành lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, kế hoạch dùng đất 5 năm (2006- 2010) cho 15 thị trấn và 189 xã. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực nông thôn và thành phố Nam Định đạt khoảng 90% số hộ sử dụng đất của tỉnh. Hệ thống điện tiếp tục được đầu tư nâng cấp, đảm bảo cung cấp điện sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống nhân dân”.

“Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, từ năm 2006 đến tháng 6 - 2008 hệ thống giao thông nông thôn được đầu tư: hạ tầng kỹ thuật giao thông được nâng cấp 387 km đường các loại, xây dựng, khôi phục 32 cầu và 48 cống các loại với tổng đầu tư là 2.451,4 tỷ đồng (vốn ngân sách đầu tư là 2.146,8 tỷ đồng, còn lại là vốn của địa phương). Phát triển 3 tuyến xe buýt đi các huyện phía Nam tỉnh” [12, tr.10].

“Mạng lưới thông tin, văn hoá nông thôn phát triển rất mạnh mẽ, đến năm 2008 đạt 100% xã trong tỉnh có điện thoại về trung tâm xã, máy điện thoại đạt 40,8 máy/100 dân, 99% số xã có bưu điện văn hoá xã và 100% xã có có hệ thống loa truyền thanh đến thôn góp nhằm cao đời sống tinh thần cho cư dân”[12, tr.10].

Các mục tiêu giáo dục - đào tạo được giữ vững. Các tầng lớp nhân dân “ổn định, từng bước cải thiện đời sống”. Số hộ nghèo còn 7%, không còn hộ đói. Tạo ra nhiều “chuyển biến quan trọng trong công tác xây dựng Đảng”. Sự nghiệp giáo dục đào tạo và “xây dựng đời sống văn hóa có bước phát triển” mới. Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội có sự chuyển biến tích cực. Công tác “xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội” được chú trọng, có nhiều tiến bộ. Những thành tựu đó là những tiền đề rất quan trọng giúp tỉnh Nam Định đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH trong nhiệm kỳ tiếp theo.

“Hệ thống trường học, giáo dục mầm non liên tục phát triển, cơ sở vật chất từng bước được tăng cường. 100% số xã trong tỉnh có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Đến hết tháng 6-2008 có 390 trường đạt chuẩn Quốc gia (66 trường mầm non, 270 trường tiểu học, 55 trường trung học cơ sở và 5 trường trung học phổ thông). Các huyện trong tỉnh (Nam Trực, Xuân Trường, Giao Thủy, Vụ Bản, Mỹ Lộc, Trực Ninh) có 100% số trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia” [12, tr.10].

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và môi trường có nhiều cố gắng, 80% trạm y tế xã được xây dựng kiên cố, hơn 92% số thôn có cán bộ y tế đã qua đào tạo, mạng lưới y tế khu vực nông thôn được quan tâm mở rộng.

“Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường đạt kết quả khá. Đến năm 2008, số dân dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 74,9%. Có 32% số xã xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Đến tháng 6 - 2008, 60,8 % hộ có nhà vệ sinh. Từng bước quan tâm xử lý ô nhiễm môi trường. Ủy ban Nhân dân tỉnh hỗ trợ xây dựng 26 bãi chôn lấp rác thải tại các thị trấn, làng nghề và khu du lịch. Có 140 xã đã thu gom rác thải. Mở rộng hệ thống chợ nông thôn, 74,4% số xã có chợ phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân” [12, tr.10].

Năm 2007 - 2008 với sự hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn, mô hình NTM cấp làng đã triển khai xây dựng tại làng Hoành Đồn (Hải Đường - Hải Hậu) và làng Hạ (Minh Tân - Vụ Bản). Mô hình NTM “bước đầu góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội” ở địa phương với việc nâng cấp đường và công trình phục vụ dân sinh.

Đồng thời, đổi mới hệ thống chính trị được Đảng bộ chú trọng. Phát động toàn Đảng bộ thực hiện cuộc vận động: “Tổ chức đảng, bộ máy nhà nước được làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu”. Khi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu sụp đổ và Liên Xô tan rã, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 27-NQ/TU về tăng cường công tác tư tưởng trong tình hình hiện nay (30-8-1990). Năm 1992, Thường vụ Tỉnh ủy đưa ra hai đề án lớn: Đề án “Đổi mới chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng” và Đề án “Đổi mới công tác cán bộ”.

Trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm, phát triển nghề nông thôn có nhiều cố gắng. Năm 2007 số lao động có việc làm là 37.700 người, năm 2008 đạt khoảng 38.500 người. Toàn tỉnh có 90 làng nghề truyền thống: cơ khí, dệt, nhuộm, thủ công mỹ nghệ, mây tre đan... đóng góp rất lớn trong nâng cao thu nhập, giải quyết việc làm và đời sống nông dân [12, tr.10].

Việc khuyến nông, khuyến ngư được quan tâm với 100% xã có cán bộ khuyến nông và khuyến ngư. Trung tâm khuyến nông, khuyến ngư tỉnh cùng Hội nông dân và các đoàn thể tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật thường xuyên, xây dựng mô hình hướng dẫn để nông dân áp dụng. Trước năm 2008, Đảng bộ lãnh đạo còn một số hạn chế như: “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. Đầu tư xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật. Tiềm năng về kinh tế biển chưa được khai thác triệt để. Cần phải giải quyết nhiều vấn đề xã hội”. Diễn biến phức tạp trật tự, an toàn xã hội, tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định an ninh nông thôn.

“Hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm từ 11,2% xuống còn 9,2% năm 2007, đến hết năm 2008 giảm còn 7,7% (mục tiêu của chương trình phấn đấu đến 2010 còn 6,0%)” [12, tr.11].

Như vậy, trước năm 2008, sau một thời gian quan tâm xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn, xã hội nông thôn Nam Định có chuyển biến:

Đời sống vật chất ngày càng được cải thiện: “Sản xuất phát triển nên năm 2006 thu nhập bình quân khẩu/tháng đạt 492.000 đồng, tăng 1,8 lần so với năm 2001; Phần lớn hộ nông thôn có tích lũy bình quân 4,9 triệu đồng/năm. Điều kiện ăn, ở ngày càng tiến bộ, 39,4% số hộ có nhà kiên cố, 55,3% số hộ có nhà bán kiên cố, bình quân 2 hộ có 1 xe máy, 83% số hộ có tivi, 60,5% số hộ có nhà tắm xây cơ bản, 73,1% số hộ có nhà vệ sinh đạt yêu cầu” [184, tr.4].

Đời sống tinh thần ngày càng phong phú: “Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” trở thành phong trào sôi động trong tỉnh. Thiết chế văn hoá cơ sở được xã hội hoá sâu rộng. Phong trào thể dục thể thao, văn nghệ, đọc sách góp phần tích cực đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Xuất hiện ngày càng nhiều điển hình tiên tiến tiêu biểu là huyện Hải Hậu-đơn vị dẫn đầu phong trào văn hoá cấp huyện toàn quốc trong 30 năm liên tục (30 năm liền là huyện văn hóa). Có 1.154 làng văn hoá (31,3%); Gia đình văn hóa đạt 67%; 48.2% số xã có nhà văn hoá, 38,5% số thôn có nhà văn hoá” [184, tr.4].

Tuy nhiên, trước năm 2008 xã hội nông thôn Nam Định vẫn còn những hạn chế:

Một là, cơ cấu sản xuất chuyển dịch chậm. Nông nghiệp vẫn chủ yếu là trồng trọt, các ngành nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, chế biến nông, thủy sản phát triển chưa ổn định và vững chắc, tốc độ chậm. Hai là, chậm đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất. Hoạt động của ban nông nghiệp xã, HTX nông nghiệp ở một số địa phương hiệu quả còn hạn chế. Ba là, kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp, song chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hóa. Hư hỏng, xuống cấp hệ thống giao thông nông thôn vì xây dựng đã lâu. Vấn đề việc làm, đời sống, vệ sinh môi trường nông thôn và cung cấp nước sạch còn nhiều bất cập, ô nhiễm môi trường tăng. Bốn là, thiếu đầu tư sản xuất nông nghiệp, phần lớn lao động nông thôn chưa gắn bó với đồng ruộng. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân cải thiện đáng kể, song tỉ lệ hộ nghèo cao. Thu nhập, mức sống ngày càng chênh lệch giữa dân cư nông thôn và thành thị.

Bên cạnh đó, nguy cơ tái nghèo của một bộ phận nông dân còn cao. Tình trạng thiếu việc làm diễn ra gay gắt. Tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. “Kết cấu hạ tầng nông thôn còn một số việc cần được xem xét: Chất lượng đường giao thông nhiều nơi xuống cấp, môi trường nông thôn nhất là các làng nghề ngày càng ô nhiễm”. Quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước thải tập trung, thu gom, xử lý rác thải nông thôn còn khó khăn.

Nhìn lại tình hình thế giới, trong nước, tình hình tỉnh Nam Định trước năm 2008, đặc biệt chủ trương đúng đắn, nhất là chủ trương xây dựng NTM của Đảng, những ưu điểm và hạn chế về xây dựng nông thôn ở tỉnh Nam Định tác động hết sức mạnh mẽ đến việc đưa ra những “quyết sách xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định từ năm 2008 sau khi có Nghị quyết số 26-NQ/TW”, ngày 5-8-2008 *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn* của Đảng.

Thực trạng trên đòi hỏi Đảng bộ tỉnh Nam Định phải có chủ trương, chỉ đạo sát với điều kiện địa phương nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, đẩy mạnh quá trình xây dựng NTM, giảm dần chênh lệch giữa thành thị với nông thôn, thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng NTM theo “tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TU ngày 5-8-2008 *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn* của Đảng”.

2.3. QUÁ TRÌNH ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.3.1. Đảng bộ tỉnh Nam Định vận dụng đường lối của Đảng, đề ra chủ trương xây dựng nông thôn mới

Đường lối của Đảng về xây dựng NTM được thực hiện từ rất sớm tại Nam Định, được quan tâm nhiều hơn từ Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh, đặc biệt từ năm 2008 với Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5-8-2008 *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn* của Đảng. Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh Nam Định (ngày 22 đến 25-9-2010), nhiệm kỳ 2010-2015 xác định mục tiêu lớn cho 5 năm (2010-2015) là: “Đẩy mạnh CNH, HĐH, trọng tâm là CNH, HĐH nông nghiệp và xây dựng NTM. Sớm xây dựng thành phố Nam Định trở thành đô thị loại I, Trung tâm của Nam đồng bằng sông Hồng” [143, tr.5]. Đại hội đề ra mục tiêu đến năm 2015 sẽ có 30-40% xã đạt NTM; Đại hội chỉ rõ: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị. Tích cực huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, coi trọng phát huy nội lực văn hoá, giáo dục và lợi thế về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, kinh tế biển để tạo bước phát triển mới, nhanh, mạnh và vững chắc về kinh tế-xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trọng tâm là công nghiệp hoá-hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tham gia hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất. Phát triển kinh tế hài hoà, gắn kết với phát triển văn hoá, xã hội và bảo vệ môi trường. Thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Chăm lo nâng cao hơn nữa đời sống của nhân dân. Củng cố khối đại đoàn kết

và đồng thuận xã hội. Tăng cường tiềm lực quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự-an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh tổng hợp của Đảng bộ và nhân dân, chủ động nắm bắt và tạo dựng thời cơ, phấn đấu rút ngắn khoảng cách về phát triển kinh tế so với tốc độ, trình độ chung của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Sớm xây dựng thành phố Nam Định trở thành đô thị loại I, trung tâm của vùng Nam đồng bằng sông Hồng”[143, tr. 105-106].

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; “Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 8-11-2010 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015”. Chỉ thị nêu rõ, để thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương và Nghị quyết Đại hội XVIII của Đảng bộ tỉnh về xây dựng NTM (giai đoạn 2010 – 2015), Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu hệ thống chính trị và các đoàn thể tập trung quán triệt, thực hiện một số nội dung: “Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh Kế hoạch triển khai xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2010-2015 ... tập trung chỉ đạo và đầu tư để 73 xã trong tỉnh cơ bản đạt các tiêu chí NTM vào năm 2015; Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền và phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị để xây dựng NTM, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt; Thực hiện tốt tuyên truyền xây dựng NTM... kịp thời phản ánh các mô hình, điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay để phổ biến và nhân ra diện rộng; mở chuyên mục xây dựng NTM trên Báo Nam Định, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh và Bản tin thông báo nội bộ; Khơi dậy và phát huy vai trò nhân dân là chủ thể, của cộng đồng dân cư trên tinh thần tự chủ, tự làm, năng động và sáng tạo. Trước mắt thực hiện tốt các giải pháp: Tuyên truyền đến từng hộ nông dân; tổ chức cho nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện đề án NTM của xã theo phương châm “nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”. Giao cho thôn, xóm triển khai thực hiện nội dung xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý môi trường, bảo vệ an ninh

trật tự...; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phối hợp lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của Trung ương và địa phương, xác định rõ nội dung chi và kế hoạch hoá nguồn vốn cho từng năm theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Làm tốt quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng NTM, đảm bảo đồng bộ, phù hợp với quy hoạch chung phát triển KT-XH của địa phương, quy hoạch phát triển ngành, phù hợp Bộ tiêu chí quốc gia về NTM” [144, tr.2-3].

Triển khai chủ trương của Đảng, với cơ cấu kinh tế phổ biến là nông nghiệp, Nam Định tích cực chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, Quyết định 800/QĐ-TTg “Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Thường vụ Tỉnh ủy “Về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015” trong bối cảnh địa phương “gặp nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới”, song dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ban ngành Trung ương; sự chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự cố gắng của hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân trong tỉnh nhất là nông dân, việc “xây dựng nông thôn mới của tỉnh được tiến hành đồng bộ, đạt được kết quả đáng kể trên nhiều lĩnh vực”.

2.3.2. Đảng bộ tỉnh Nam Định chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25-7-2011 về “Nâng cao chất lượng cán bộ xã, phường, thị trấn từ năm 2011-2015 và những năm tiếp theo”. Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 25-7-2011, “Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề ở nông thôn”; Nghị quyết số 07-NQ/TU, (25-7-2011) “Về phát triển kinh tế trang trại, gia trại xa khu dân cư tập trung”; Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 25-7-2011 “Về phát

triển giao thông nông thôn”. Ngày 22-9- 2011, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kết luận số 15-KL/TU “về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVII về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý từ năm 2007 đến năm 2015 và những năm tiếp theo”.

Xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định kiện toàn “Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới”, lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt thực hiện các giải pháp xây dựng NTM. “Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành 9 Nghị quyết chuyên đề, ban hành các chỉ thị, kết luận tập trung lãnh đạo xây dựng nông thôn mới”. Hội đồng Nhân dân tỉnh ra 11 Nghị quyết chỉ đạo xây dựng NTM, trong đó các xã xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015 được ngân sách tỉnh hỗ trợ. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai thực hiện 25 Kế hoạch về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, có Kế hoạch số 36/KH-UBND (12-11-2010) “Về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015”. Ban hành 78 quyết định với nhiều cơ chế, chính sách xây dựng NTM; thẩm định xét công nhận các địa phương đạt chuẩn NTM theo quy chuẩn.

2.3.2.1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Triển khai Nghị quyết Đại hội XVIII và toàn bộ chương trình công tác của Đảng bộ tỉnh Nam Định, “UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND” (12-11-2010) “Về triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định giai đoạn 2010-2015”. Kế hoạch chỉ rõ nội dung xây dựng quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch, trong đó “Chỉ đạo tập trung rà soát bổ sung quy hoạch phát triển nông nghiệp, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030” [188, tr.3]. “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp gắn kết với quy hoạch sử dụng đất đai, đảm bảo quản lý chặt chẽ trồng lúa theo quy định của Chính phủ”; chỉnh trang các khu dân cư, kiến trúc đã xây dựng tại địa phương gắn với quy hoạch xây dựng NTM. “Hoàn thành quy hoạch phát

triển sản xuất nông nghiệp trong năm 2010, quản lý sử dụng đất trước 31-3-2011, quy hoạch xây dựng nông thôn mới: 73 xã (đợt 1) trước 31-3-2011, các xã còn lại trước 31-6-2011” [187, tr.3]. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thành phố đánh giá tình hình nông thôn trên cơ sở Bộ tiêu chí Quốc gia NTM; xây dựng và tổ chức thực hiện “Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện, thành phố giai đoạn 2010 – 2015”; phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan “xây dựng cơ chế, chính sách; hướng dẫn xây dựng đề án, dự án” và chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra quá trình xây dựng, thực hiện, quản lý quy hoạch cấp cơ sở. Sở Tài chính cùng các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn cơ chế tài chính thích hợp với những đề án, dự án của Chương trình. Sở Xây dựng hướng dẫn, giúp đỡ địa phương hoàn thành quy hoạch xây dựng NTM ở các xã, thị trấn trên cơ sở Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM; hoàn chỉnh trụ sở xã, thị trấn và công trình phụ trợ theo tiêu chí NTM. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng Sở, ban, ngành liên quan “hướng dẫn thực hiện quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng để sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cấp xã, thị trấn; xây dựng các công trình góp phần bảo vệ môi trường ở nông thôn” theo quy hoạch NTM.

Các cấp, ngành trong tỉnh thực hiện các đề án, chương trình, dự án gắn với nông nghiệp, nông dân và nông thôn đã được HĐND tỉnh phê duyệt. Tiếp tục xây dựng đề án, dự án, chương trình mới “về phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM nhằm giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội nông thôn”. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành triển khai, nghiên cứu xây dựng chương trình, đề án, dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng các sở, ngành liên quan triển khai “Đề án phát triển kinh tế trang trại, gia trại giai đoạn 2011-2015”; “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Nam Định đến năm 2020”; “Chương trình kiên cố hóa kênh mương, nuôi trồng thủy sản tỉnh Nam Định (2011-2015)”. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì,

cùng với các sở triển khai “Đề án Phát triển giáo dục mầm non khu vực nông thôn tỉnh Nam Định (2010 – 2015)”. Sở Công thương triển khai “Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nam Định (2010-2015), có xét đến 2020”. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục thực hiện Chương trình an sinh xã hội và giảm nghèo gắn với xây dựng NTM.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể còn lại rà soát, bổ sung các chương trình, đề án đã có cho thích hợp, tiếp tục đề xuất, hoàn thiện các chương trình, đề án mới phục vụ Chương trình xây dựng NTM, thường xuyên báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và UBND tỉnh theo quy định.

Để các xã có đủ kinh phí nghiên cứu xây dựng quy hoạch xây dựng NTM, UBND tỉnh ra quy chế hỗ trợ, theo đó “Mức hỗ trợ kinh phí cho các xã, thị trấn xây dựng nông thôn mới là 100 triệu đồng/xã, thị trấn, trong đó: Quy hoạch nông nghiệp là 20 triệu đồng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới là 80 triệu đồng [198, tr.1]”. Ngoài ra “Hỗ trợ xã Hải Đường 9 tỷ đồng; hỗ trợ 10 xã điểm của tỉnh 2 tỷ đồng/xã; hỗ trợ 85 xã giai đoạn 2011-2015 là 1,040 tỷ đồng/xã” [186, tr.2] để lập quy hoạch. Đến cuối năm 2011 “Hoàn thành lập Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp và Quy hoạch xây dựng NTM ở 100% số xã sản xuất nông nghiệp”; hoàn thành lập Đề án xây dựng NTM ở 96 xã xây dựng NTM những năm 2010-2015. Đến 12-2013: Hoàn thành “kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015, lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 ở 100% số xã. Công tác quản lý quy hoạch cấp xã được chú trọng. 100% số xã công khai các quy hoạch, cắm mốc chỉ giới và quản lý các quy hoạch theo quy chế” được UBND huyện, thành phố phê duyệt.

Khâu đột phá trong xây dựng NTM được xác định là dồn điền đổi thửa, Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đề ra chỉ thị, kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ này nhằm “Khắc phục tình trạng ruộng đất manh mún, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung phù hợp với điều kiện đất đai, lợi thế canh tác từng địa phương” [190, tr.1]; hoàn thiện kênh mương nội đồng và hệ thống giao thông nông thôn;

tạo thuận lợi để các hộ nông dân ứng dụng công nghệ tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và có điều kiện cơ giới hóa; tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp; “đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; tăng thu nhập để cải thiện đời sống nông dân, góp phần thực hiện tiêu chí xây dựng NTM. Đồ án quy hoạch xây dựng NTM gắn với dồn điền, đổi thửa trên cơ sở quy hoạch phát triển nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch” liên quan tại địa phương. Trong dồn điền, đổi thửa “Phải đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, đoàn kết, có sự đồng thuận cao của nhân dân” [190, tr.3].

Đến hết tháng 12-2015, “Toàn tỉnh có 184 xã, thị trấn (92%), với 98% số thôn đội đã hoàn thành dồn điền đổi thửa” [197, tr.5], tiêu biểu là các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Trực Ninh. Thông qua việc dồn điền đổi thửa, người dân trong tỉnh góp được 2.897 ha đất nông nghiệp, tạo thêm nguồn lực quan trọng để xây dựng NTM; đồng ruộng, giao thông nội đồng, kênh mương, được chỉnh trang, kiến thiết, “đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển sản xuất. Thực hiện quy gọn quỹ đất công, giảm số thửa bình quân (từ 3,27 thửa/hộ xuống còn 1 - 2 thửa/hộ, có nhiều xã đạt 75 - 80% hộ chỉ còn 1 thửa/hộ)”; hình thành những vùng sản xuất tập trung.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo lập Ban Chỉ đạo xây dựng NTM ở mỗi cấp, quy định cụ thể nhiệm vụ thành viên từng cấp để Chương trình xây dựng NTM hiệu quả, đồng bộ và thống nhất. Riêng cấp xã, ngoài Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM, Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo lập Ban Quản lý xây dựng NTM từng thôn, xóm. Ban Chỉ đạo ban hành quy chế làm việc, quy định: “Trưởng ban và Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh sử dụng con dấu của UBND tỉnh; Thường trực Ban Chỉ đạo và các Ủy viên Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của sở, ban, ngành mình trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi trách nhiệm được giao”.

2.3.2.2. Xây dựng kết hạ tầng kinh tế, xã hội nông nghiệp-nông thôn

Phát triển giao thông nông thôn: Phát triển giao thông nông thôn là một trong các tiêu chí quan trọng xây dựng NTM nhằm nâng cao đời sống cho dân cư nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông và chuyên chở hàng hóa, để thúc đẩy sản xuất tăng trưởng. Để giao thông nông thôn phát triển, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định ra Nghị quyết “Về hỗ trợ phát triển đường giao thông nội đồng giai đoạn 2011-2015”, trong đó tỉnh xây dựng cơ chế và chính sách hỗ trợ nhân dân mỗi xã góp đất làm đường giao thông nội đồng trên địa phương, phấn đấu đến năm 2015: “Có 35% số xã, thị trấn đạt chuẩn (các trục đường xã, thị trấn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, các trục đường thôn, xóm cơ bản được cứng hóa)” [187, tr.3], tập trung hoàn thành kiên cố hóa 5.000 km đường nông thôn. Đến cuối năm 2015: “Đã xây dựng mới và cải tạo nâng cấp được 5.661 km đường giao thông nông thôn, trong đó có 460 km đường trục xã, 2.060 km đường trục thôn xóm, 2.120 km đường dong ngõ, 1.504 km đường trục chính nội đồng; cải tạo nâng cấp 6.183 cầu, cống dân sinh” [197, tr.5 - 6].

Về xây dựng thủy lợi: Để đẩy mạnh CNH, HĐH, sớm đưa “Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, đòi hỏi nông nghiệp và nông thôn phát triển lên trình độ mới với việc thường xuyên đổi mới cơ cấu cây trồng và vật nuôi, đồng thời tăng giá trị đạt được trong một đơn vị diện tích, ứng dụng KH-CN; chú trọng phát triển công nghiệp, dịch vụ, các làng nghề khu vực nông thôn tạo việc làm mới. Để thực hiện được những giải pháp đó, xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển nông - lâm - ngư - diêm nghiệp và kinh tế nông thôn phải được đầu tư sớm và đúng mức. Nhận thức rõ vấn đề này, Đảng bộ tỉnh Nam Định quan tâm chỉ đạo phát triển thủy lợi. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tỉnh đã “Hỗ trợ 200 triệu đồng/km với những công trình áp dụng đúng quy mô, yêu cầu kỹ thuật theo quy định của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” [66, tr.1]. Phần còn lại, huy động người dân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác. UBND các huyện và thành phố

chỉ đạo lên kế hoạch, tiến hành sửa chữa, nạo vét hệ các mương nội đồng. Mục tiêu đến hết năm 2013 kiên cố hóa 167 km kênh cấp III. Sau 5 năm xây dựng (đến cuối năm 2015), “Toàn tỉnh đã đầu tư kiên cố hóa được 351,6 km kênh cấp III; Cải tạo nâng cấp 2.474 công trình thủy lợi, nạo vét trên 8,76 triệu m³ kênh mương cấp III” [197, tr.6].

Về phát triển điện: Điện có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của nhân dân và trong sản xuất, là 1 trong 19 tiêu chí NTM. Vì vậy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh duyệt “Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nam Định giai đoạn 2010 đến 2015 có xét đến 2020”, giao Sở Công thương cùng với Sở Điện lực tích cực thực hiện mục tiêu “Giai đoạn 2010 - 2015 phấn đấu xây mới, cải tạo, nâng cấp 350 trạm biến áp, 1.400 km đường dây hạ thế, 2.000 bộ điện chiếu sáng, 100% các xã đều có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%”. Kết quả đến cuối năm 2015 là: “Đã xây mới và cải tạo, nâng cấp 356 trạm biến áp, 1.443 km đường dây hạ thế, 2.000 bộ điện chiếu sáng. 100% số xã đều có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn; tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%” [197, tr.6].

Về xây dựng trường học: Là một tỉnh thường xuyên “trong tốp đầu cả nước về giáo dục - đào tạo”, Đảng bộ tỉnh Nam Định chỉ đạo kịp thời, tập trung “hoàn thiện các công trình chuẩn hóa trường, lớp học các cấp ở nông thôn. Tỉnh ủy, UBND tỉnh chú trọng đầu tư thỏa đáng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học trong các trường học, cấp học ở nông thôn”. Những năm 2010 – 2015, Tỉnh đầu tư cải tạo, xây mới hệ thống trường học ở các cấp học: “Đến tháng 12-2015 trên địa bàn nông thôn có 209/236 (88%) trường Mầm non đạt chuẩn, 278/278 (100%) trường Tiểu học đạt chuẩn, 235/235 (100%) trường Trung học cơ sở đạt chuẩn” [197, tr.6].

Về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa: Cơ sở này gồm Nhà văn hóa và khu thể thao cấp xã. Đó là những công trình “nâng cao chất lượng cuộc sống, phục vụ nhu cầu văn hóa của dân cư nông thôn”. Trong những năm 2008-2015, Tỉnh

ủy, UBND tỉnh Nam Định chỉ đạo cải tạo và xây mới nhà văn hóa xã, nhà văn hóa và khu thể thao xã, thôn, xóm; chỉ đạo đầu tư sửa chữa, bổ sung đầu sách, báo, ấn phẩm, thiết bị kết nối internet cho các điểm bưu điện văn hóa xã đáp ứng nhu cầu của người dân. Tháng 12-2015, tỉnh cải tạo, xây mới 93 nhà văn hóa xã, 74 khu thể thao xã, 658 khu thể thao thôn, xóm và nhà văn hóa. Năm 2015, trong tỉnh Nam Định “Có 201 nhà văn hóa xã (96%), 85 khu trung tâm thể thao xã (41%); 1.990 nhà văn hóa thôn/xóm (64%) đạt chuẩn nông thôn mới; 100% số xã có điểm bưu điện văn hóa; 20% số hộ dân nông thôn sử dụng internet. Các di tích lịch sử được quan tâm bảo tồn, tôn tạo” [197, tr.6].

Phát triển chợ nông thôn: Chợ rất quan trọng trong cuộc sống của người dân Việt Nam, không chỉ ở nông thôn và cả thành thị. Đối với nông thôn chợ là nơi tiêu thụ nông sản hàng hoá, thu gom các sản phẩm, hàng hóa nhỏ lẻ, phân tán để cung ứng cho các thị trường trong và ngoài nước, vừa là nơi cung ứng hàng công nghiệp tiêu dùng cho nông dân và vật tư cho sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Nhận thức rõ và để thực hiện tiêu chí này, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Công thương và các đơn vị liên quan trích kinh phí hỗ trợ các xã xây dựng, cải tạo chợ theo tờ trình từng địa phương. Và: “Đối với chợ đầu mối, chợ loại I: Với những công trình xây mới hỗ trợ 2 tỷ đồng; công trình nâng cấp, cải tạo hỗ trợ 1 tỷ đồng. Đối với chợ loại II: Công trình xây mới hỗ trợ 1,2 tỷ đồng; công trình nâng cấp, cải tạo hỗ trợ 700 triệu đồng. Đối với chợ loại III: Công trình xây mới hỗ trợ 600 triệu đồng; công trình cải tạo, sửa chữa hỗ trợ 300 triệu đồng” [192, tr.1]. Nhờ chính sách thiết thực đó, sau 5 năm, “Tỉnh đã xây mới và cải tạo, nâng cấp 100 chợ trên địa bàn nông thôn, trong đó có 142/182 chợ (78%) đạt chuẩn” [197, tr.6]. Hệ thống chợ nông thôn góp phần lưu thông hàng hóa, đáp ứng yêu cầu của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn nét văn hóa phiên chợ vùng quê Nam Định.

Về phát triển bưu điện: Nhằm để nông dân tiếp cận những công nghệ tiên tiến, UBND tỉnh Quyết định duyệt “Quy hoạch phát triển ngành Bưu chính

Viễn thông tỉnh Nam Định giai đoạn 2008 - 2015, định hướng đến năm 2020”. Mục tiêu Quy hoạch: “Đến năm 2015 đạt mức độ phục vụ bình quân dưới 4.000 người/điểm phục vụ; bán kính bình quân dưới 1km/điểm. Phát triển mạng lưới Bưu chính dưới nhiều hình thức: Điểm bưu điện văn hóa xã, đại lý bưu điện đa dịch vụ, ki ốt...” [185, tr.2]. Quy hoạch phát triển Viễn thông “đến năm 2010: Mật độ thuê bao cố định: 21,52 thuê bao/100 dân; mật độ thuê bao di động: 50 thuê bao/100 dân; mật độ thuê bao internet: 4,0 thuê bao/100 dân. Đến năm 2015: Mật độ thuê bao cố định: 35,00 thuê bao/100 dân; mật độ thuê bao di động: 70 thuê bao/100 dân; mật độ thuê bao internet: 12,5 thuê bao/100 dân” [185, tr.4]. UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông triển khai, theo dõi, nhất là vùng nông thôn, đôn đốc thực hiện Quy hoạch, phấn đấu đến năm 2015 đạt 100% xã có điểm bưu điện văn hóa; 20% số hộ nông dân được dùng internet.

Về phát triển nhà ở dân cư. UBND tỉnh chỉ đạo các nơi trong tỉnh vận động nhân dân chỉnh trang vườn, nhà cửa gọn gàng, xanh, sạch, đẹp, để ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình. Ưu tiên cải tạo 3 công trình dân sinh thiết yếu (nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước) hợp vệ sinh, tiện ích và văn minh trong hộ gia đình nông thôn; chỉ đạo tiếp tục triển khai Quyết định số 1097/QĐ-UBND “Về phê duyệt Đề án Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg” (12-12-2008) của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Nam Định ra Quyết định số 322/2012/QĐ-UBND “Về Phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020”. Mục tiêu xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp gắn với xây dựng NTM, ưu tiên làm trước ở các xã đang xây dựng NTM. Tập trung hỗ trợ hộ nghèo cải tạo, nâng cấp nhà ở và xây mới, năm 2012 hoàn thành giúp xây nhà ở cho 3.358 hộ nghèo; đến năm 2015 có hơn 90%, năm 2020 có 100% số nhà ở nông thôn đạt tiêu chuẩn theo quy định (bình quân 14 m²/người, thời hạn sử dụng trên 20 năm, có các công trình sinh hoạt tiện ích, hợp vệ sinh và bảo vệ môi trường).

Về xây dựng trụ sở đạt chuẩn. Ngày 11-12-2014 HĐND ban hành Nghị quyết số 16/2014/NQ-HĐND, “Về phê chuẩn đề án xây dựng các khu đô thị tại thị trấn trung tâm các huyện”, trong đó, trụ sở xã được đánh giá có vai trò rất quan trọng. Hướng tới mục tiêu xã chuẩn NTM là phải có trụ sở xã đạt chuẩn, UBND tỉnh Nam Định chỉ đạo sử dụng ngân sách địa phương nâng cấp, cải tạo, xây dựng trụ sở của các xã, phường, thị trấn trong địa phương. Ngoài ra, tỉnh hỗ trợ kinh phí giúp các xã chưa hoặc có trụ sở nhưng xuống cấp nghiêm trọng, không an toàn cho người sử dụng hoặc diện tích dưới 70% tiêu chuẩn quy định. vIPhấn đấu đến năm 2015 có 100% trụ sở xã đạt chuẩn. Mức hỗ trợ là: “Không quá 2 tỷ đồng đối với công trình xây mới và không quá 0,7 tỷ đồng đối với công trình nâng cấp, cải tạo” [191, tr.2].

2.3.2.3. Phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở phát huy thế mạnh của địa phương

Chỉ đạo phát triển kinh tế, tổ chức sản xuất nông nghiệp. Để từng bước nâng cao chất lượng sống cho nông dân, UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương chú trọng thực hiện “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*”; “thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp”; tăng cường khuyến nông, khuyến công; ứng dụng công nghệ cao và sinh học trong quá trình phát triển giống cây và con chất lượng cao, hình thành giống cây, con, “dịch vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến của khu vực và vùng kinh tế trọng điểm; khuyến khích các thành phần kinh tế tích cực đầu tư vào nông nghiệp, phát triển doanh nghiệp phục vụ nông nghiệp vừa và nhỏ thân thiện với môi trường để tăng việc làm và thu nhập cho nông dân; bảo tồn và phát triển ngành, nghề truyền thống” với mục tiêu “mỗi làng một sản phẩm”, “mỗi nhà có thêm một nghề”, theo thế mạnh của từng nơi. Đến hết năm 2015, “Toàn tỉnh có 130 làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn (tăng 51 làng nghề so với năm 2010), với trên 52.000 hộ sản

xuất kinh doanh, hằng năm thu hút trên 130.000 lao động” [197, tr.8]. Các địa phương tích cực đào tạo nghề, truyền nghề mới cho lao động nông thôn. Nhiều xã phát triển mây tre đan, thêu tranh XQ Đà Lạt, mộc mỹ nghệ, may công nghiệp,... Hàng của làng nghề Nam Định có trong sạp hàng các tỉnh, thành phố cả nước, có một số xuất khẩu ra các nước. Hầu hết thợ thủ công có thu nhập khá. Bình quân đầu người dân nông thôn đạt hơn 30 triệu đồng/năm (tăng hơn 1,5 lần so với năm 2011). Mục tiêu đến năm 2020 đạt hơn 40 triệu đồng/năm (so với năm 2011 tăng hơn 2 lần).

Về giảm hộ nghèo, lao động trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và tăng đào tạo lao động nông thôn: Chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo giai đoạn 2010 - 2015 là một trọng tâm của Đảng bộ tỉnh khoá XVIII, nhiệm kỳ 2010-2015. Hằng năm, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đề ra chủ trương và chỉ đạo tập trung nguồn lực để xã nghèo, hộ nghèo, người nghèo được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, phấn đấu tự mình vươn lên, từng bước thoát nghèo. Một cơ chế chính sách mới là tỉnh mở lớp học nghề ngắn hạn, hỗ trợ chi phí cho học viên là nông dân. Do đó, lao động được đào tạo nghề tăng lên 40%, có việc làm thường xuyên tăng lên 91%, lao động ngành nông, lâm, thủy sản giảm còn 60,8%. “Đến 31-12-2015 có 156 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 10 (thu nhập), 132 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 (hộ nghèo), 197 xã (94% số xã) đạt chuẩn tiêu chí số 12 (tỷ lệ lao động thường xuyên có việc làm)” [197, tr.9].

Về củng cố và đổi mới hình thức tổ chức sản xuất: triển khai chủ trương của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Nam Định chỉ đạo các cơ sở tích cực phát triển các ngành nghề để tăng thu ngân sách của các xã; tăng thu nhập, giải quyết việc làm cho người dân nông thôn; tiếp tục phát triển kinh tế gia trại và trang trại, HTX; “liên kết hộ nông dân sản xuất, tập trung phát triển tổ hợp tác, HTX; phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn”, mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản. “Đến hết năm 2015, toàn tỉnh có 674 trang trại đạt tiêu chí mới; 3.324 gia trại, trong đó có 43,9% số gia trại trong vùng quy hoạch” [209, tr.8]. Thực

hiện chính sách liên kết các loại hình kinh tế nông thôn: Liên hiệp HTX cùng ngành nghề, HTX với liên tổ hợp tác, liên kết doanh nghiệp, tổ hợp tác. UBND tỉnh ra Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND “Về quy định cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào các điểm công nghiệp trên địa bàn nông thôn tỉnh Nam Định” để doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển, thu hút vốn đầu tư, thúc đẩy quá trình thay đổi cách thức tổ chức sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. “Toàn Tỉnh có 94 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm khoảng 2,4% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh” [197, tr.8]. Một số mô hình sản xuất xuất hiện sáng tạo trong liên kết với các nhóm hộ hoặc HTX. Tiêu biểu là mô hình Công ty cổ phần Nam Dược, Công ty trách nhiệm hữu hạn Cường Tân, Công ty cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu Nam Định, Công ty Đầu tư thương mại Tuệ Hương...

2.3.2.4. Xây dựng hệ thống chính trị, củng cố quốc phòng-an ninh

Về xây dựng hệ thống chính trị: Xác định nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong nhiệm kỳ là xây dựng NTM, Tỉnh ủy, UBND tỉnh “chú trọng lãnh đạo và chỉ đạo các cơ sở đảng thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cơ sở để nâng cao năng lực lãnh đạo. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nội vụ, cấp ủy và chính quyền huyện, thành phố chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh và vị trí việc làm”. Để xây dựng cán bộ cấp xã đạt chuẩn phục vụ nhiệm vụ xây dựng NTM, Tỉnh ủy chỉ đạo Sở Tài chính triển khai tập huấn “về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn” xây dựng NTM cho cán bộ cấp xã; Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn triển khai tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng tri thức xây dựng NTM nâng cao trình độ cán bộ HTX nông nghiệp, diêm nghiệp và Ban nông nghiệp xã, thị trấn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tập huấn cho nhân viên “Ban Giám sát đầu tư cộng đồng và Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn về giám sát đầu tư” của cộng đồng. “Đến năm 2015, 100% số xã có đội ngũ cán bộ xã đạt chuẩn; 80 - 85% số xã

có đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh và chính quyền đạt danh hiệu vững mạnh toàn diện; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt tiên tiến trở lên; 95% số xã, thị trấn đạt tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh” [197, tr.2].

Về “*đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội*”: Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương xây dựng và ban hành nội quy, quy ước về trật tự, an ninh; phòng chống tệ nạn xã hội và hủ tục “nâng cao chất lượng hoạt động các Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Các đoàn thể tăng cường vận động hội viên, đoàn viên làm nòng cốt cho phong trào xây dựng NTM. Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách theo tiêu chí xây dựng NTM để lực lượng an ninh xã, thôn, xóm đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn. Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở, tăng cường vai trò giám sát của HĐND, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ cơ sở, hạn chế đơn thư khiếu nại tố cáo. Quan tâm việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân và tiếp dân; giải quyết đúng pháp luật, kịp thời, dứt điểm, không để xảy ra khiếu kiện phức tạp, lâu ngày. Có chính sách phù hợp yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, nhất là công an xã về đãi ngộ ... để đẩy lùi tệ nạn xã hội và tội phạm”. Do vậy, trật tự, an ninh nông thôn đảm bảo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn, giảm đáng kể tệ nạn xã hội. “Đến hết tháng 12-2015 đã có 204/209 xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 (an ninh, trật tự xã hội)” [197, tr.11].

Tiểu kết chương 2

Xây dựng NTM là yêu cầu khách quan trong quá trình phát triển của tỉnh Nam Định nhằm hạn chế các hạn chế trong các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn trước năm 2008. Quán triệt và thực hiện quyết liệt chủ trương của Đảng, từ năm 2008 đến năm 2015, Đảng bộ tỉnh Nam Định đã đề ra chủ trương sát đúng: Nâng cao chất lượng và hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị. Huy

động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, coi trọng nguồn nội lực văn hoá, giáo dục và lợi thế về phát triển công, nông nghiệp, kinh tế biển tạo đà phát triển mới, nhanh, mạnh và vững chắc về kinh tế-xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trọng tâm là CNH, HDH nông nghiệp và xây dựng NTM... Phát triển kinh tế hài hoà với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường. Thực hiện dân chủ, công bằng xã hội. Chăm lo hơn nữa đời sống của người dân gắn với tăng cường tiềm lực quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh của Đảng bộ, nhân dân, chủ động nắm bắt và tạo dựng thời cơ ... và chỉ đạo quyết liệt, kịp thời trên các khía cạnh: tuyên truyền, vận động; xây dựng và thực hiện quy hoạch; xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất; xây dựng đời sống văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống chính trị xã hội ở nông thôn vững mạnh toàn diện.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo sát, đúng của Đảng bộ tỉnh Nam Định trong triển khai chủ trương của Đảng về xây dựng NTM, giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng kinh tế của tỉnh bình quân đạt 12,5%/năm, cao hơn mức bình quân thời kỳ 2006-2010 (10,33%/năm). Trong xây dựng NTM, dần hình thành khu vực sản xuất theo mô hình “cánh đồng mẫu lớn”, một số mô hình “liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị”. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp, tạo việc làm cho hơn 18.000 lao động. Nhiều công trình trọng điểm, huyết mạch được đưa vào sử dụng, tạo xung lực mới phát triển KT-XH. Nam Định được đánh giá là một trong 5 tỉnh dẫn đầu về xây dựng NTM. “Năm 2015, huyện Hải Hậu đạt chuẩn huyện NTM. Xây dựng cán bộ cơ sở có thể đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM. Hoạt động của đoàn thể nhân dân và Mặt trận Tổ quốc chú trọng hướng về cơ sở, có nhiều đổi mới. Lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục đạt được nhiều thành tích đặc biệt (toàn tỉnh có 78% gia đình văn hóa; 1.563 làng văn hóa (đạt 44%); 3 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa; 478 cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa)” [219, tr.3].

Xây dựng NTM là chủ trương mới, quá trình chỉ đạo gặp nhiều khó khăn và vướng mắc, song với sự quyết tâm cao của Đảng bộ, HĐND, UBND, Mặt trận Tổ quốc tỉnh cùng các cấp, ngành, sự đồng thuận của người dân, tỉnh Nam Định thu được nhiều thành tựu, góp phần quan trọng vào thắng lợi trong xây dựng NTM của cả nước, tạo tiền đề quan trọng cho những giai đoạn tiếp theo.

Chương 3

ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1. NHỮNG YÊU CẦU MỚI ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH

3.1.1. Những yếu tố mới tác động đến quá trình thực hiện hiện chủ trương của Đảng về xây dựng nông thôn mới

Tình hình thế giới: Nam Định triển khai Nghị quyết Đại hội XII của Đảng (2016-2021) trong bối cảnh “đất nước đang đứng trước nhiều thách thức và thời cơ đan xen, nhiều vấn đề chiến lược đặt ra cần phải giải quyết, từ tình hình quốc tế, khu vực tiếp tục chuyển động phức tạp, khó lường đến các thách thức mang tính toàn cầu về biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thiên tai và cả những thành tựu to lớn của tiến bộ khoa học, công nghệ đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống KT-XH của đất nước cũng như toàn thế giới. Toàn cầu hóa diễn ra sâu rộng; khoa học và công nghệ phát triển nhanh; kinh tế thế giới phục hồi chậm; tranh chấp biển, đảo, nhất là ở biển Đông gay gắt và diễn biến rất phức tạp, khó lường; vấn đề biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường sinh thái diễn ra ngày càng nặng nề... ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển chung của cả nước”, có những mặt tác động trực tiếp đối với tỉnh Nam Định cả về thuận lợi và khó khăn. Cán bộ, đảng viên và nhân dân mong muốn và đặt nhiều kỳ vọng về những quyết sách đúng đắn của Đảng để khơi thông mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, đẩy mạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN gắn với việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực. Đất nước tiếp tục đà phát triển nhanh và bền vững, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Môi trường quốc tế tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định cho phát triển, đòi hỏi Việt Nam phải khẩn trương tăng cường dự báo, năng lực trong nước để kịp thời, chủ động đối phó với tình huống phức tạp nảy sinh.

Tình hình trong nước: Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo “sau 30 năm giành được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”. Kinh tế vĩ mô dần ổn định, tích lũy được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành phát triển KT-XH, tăng niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội. “Thành tựu đạt được sau 30 năm đổi mới tạo ra thế lực mới, nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới và trong khu vực”. Tác động của khủng hoảng kinh tế đang đặt ra nhu cầu bức thiết phải cơ cấu lại nền kinh tế và tìm ra động lực mới cho sự phát triển. Tinh thần yêu nước, sức sáng tạo của nhân dân được khơi dậy trong thời điểm có nhiều thách thức của đất nước, là nền tảng quan trọng tạo nên sức mạnh của khối đại đoàn kết, đưa nước ta phát triển mạnh trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, nền kinh tế đất nước phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn. Lạm phát tăng mạnh, ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng và ổn định nền kinh tế vĩ mô, đời sống nhân dân. Ảnh hưởng từ bên ngoài mạnh, cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong bối cảnh độ mở của nền kinh tế cao khi sức chống chịu những tác động bên ngoài còn nhiều hạn chế; biến đổi khí hậu, thiên tai, các loại dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình phát triển KT- XH và đời sống nhân dân, khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm; nhu cầu phúc lợi xã hội, bảo đảm an sinh xã hội ngày càng cao. Trước những động thái mới của cấu trúc khu vực châu Á-Thái Bình Dương và tình hình quốc tế, Việt Nam phải “tập trung nguồn lực bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền đất nước”.

Tại Nam Định: Đảng bộ tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ phát triển KT-XH đạt được nhiều thành tựu quan trọng với thuận lợi cơ bản: Tình hình chính trị-xã hội ổn định; Đảng bộ đoàn kết, thống nhất; những thành tựu

đạt được trước đây, đặc biệt việc hoàn thành cơ bản hệ thống giao thông huyết mạch và kết quả xây dựng NTM là nền tảng cho phát triển KT-XH của tỉnh; truyền thống văn hóa, giáo dục, nguồn lực con người tiếp tục là nhân tố quyết định cho sự phát triển; sự quan tâm và chủ trương của Trung ương về xây dựng thành phố Nam Định thành Trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng là cơ hội lớn cho sự phát triển của tỉnh trong tình hình mới. Kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ tăng trưởng khá cao về tốc độ, quy mô. Hạ tầng KT-XH thiết yếu được đầu tư, tạo thuận lợi cho sự phát triển. Môi trường đầu tư và kinh doanh được cải thiện. Công nghiệp phát triển nhanh. Nông nghiệp tạo ra nhiều khu vực hàng hóa nông sản. Có nhiều tiến bộ trên lĩnh vực văn hóa-xã hội. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường. “Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo chính quyền các cấp. Hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội được tăng cường. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy dân chủ cơ sở. Cải thiện đời sống của nhân dân, bộ mặt đô thị và nông thôn”.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi còn nhiều khó khăn: Tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh chậm so với sự phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng. Quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất lao động còn thấp. Một số vấn đề xã hội bức xúc còn chưa được giải quyết. Các thế lực thù địch ráo riết hoạt động chống phá. Trong xây dựng Đảng, hệ thống chính trị còn nhiều hạn chế... là những thách thức lớn cần phải vượt qua. Quá trình xây dựng NTM bộc lộ nhiều khó khăn hạn chế nhất là về quy hoạch. Quy hoạch NTM là vấn đề mới, mang tính chiến lược phát triển KT-XH liên quan nhiều lĩnh vực. Đội ngũ cán bộ khi thực hiện còn lúng túng vì còn hạn chế về năng lực.

Đảng bộ tỉnh xác định phát triển KT-XH là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên, đặc biệt là xây dựng NTM. Do vậy, yêu cầu đối với Đảng bộ tỉnh trong xây dựng NTM từ năm 2015 đến năm 2020 là cùng với đào tạo nâng

cao chất lượng cán bộ, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chủ trương đường lối của Đảng, để mọi người dân đều nhận thức “Xây dựng nông thôn mới là công việc thường xuyên của mỗi người, mỗi nhà, mỗi thôn xóm và từng địa phương; tất cả cùng chung sức dưới sự lãnh đạo của Đảng...”.

3.1.2. Những yêu cầu đặt ra

Trong lãnh đạo cách mạng của Đảng, lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn được coi là vấn đề chiến lược. Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao đời sống của người nông dân trong những năm đổi mới. Qua gần 30 năm đổi mới, “sự nghiệp xây dựng, phát triển nông nghiệp và nông thôn nước ta đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Nông nghiệp phát triển với tốc độ khá cao theo định hướng sản xuất hàng hóa; năng suất, hiệu quả và chất lượng sản xuất nông nghiệp tiếp tục nâng cao; đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; một số ngành hàng nông sản xuất khẩu, như gạo, cà phê, cao su... có vị trí cao trên thị trường quốc tế. Kinh tế nông thôn dịch chuyển theo hướng tăng công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ; tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất. Hạ tầng KT-XH nông thôn tiếp tục được củng cố; diện mạo nhiều khu vực nông thôn đổi thay quan trọng. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện. Xóa đói giảm nghèo đạt kết quả lớn, được cộng đồng thế giới thừa nhận và ngợi ca. Phát huy dân chủ cơ sở. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững”.

Nông nghiệp và nông thôn với phong trào xây dựng NTM, có bước tiến quan trọng góp phần tạo cơ sở đưa nước ta sớm phát triển thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Diện mạo nông thôn thay đổi, nông nghiệp phát triển ngày càng bền vững, từng bước củng cố hệ thống chính trị khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức với nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp, nông thôn nước ta vẫn là khu vực phát triển chậm, “kinh tế nông thôn

còn thấp, chưa được khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai; nguồn nhân lực chất lượng còn thấp, phân hóa giàu nghèo và còn nhiều tệ nạn xã hội; có xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường nông thôn... Người nông dân qua gần ba mươi năm đổi mới chưa nhận được những giá trị vật chất và tinh thần đúng như công sức, năng lực họ đóng góp cho xã hội, cho đất nước”, vẫn gặp nhiều khó khăn. Họ vẫn ở vị trí nghèo nhất, vẫn là lực lượng chịu thua thiệt nhất mặc dù đông nhất và có nguồn tư liệu sản xuất dồi dào nhất. “Nông nghiệp và nông thôn nước ta vẫn chậm phát triển, còn gặp không ít khó khăn như nông, lâm nghiệp, thủy sản chưa được đầu tư tương xứng với vị trí, vai trò của các ngành kinh tế này; cơ cấu kinh tế thuần nông, mô hình tổ chức, quản lý sản xuất vẫn chưa ổn định, công nghiệp và dịch vụ nông thôn chậm phát triển”, nên sức ép về việc làm ở nông thôn rất lớn, thị trường nông thôn yếu kém tác động không nhỏ đến “đầu vào” và “đầu ra” của sản xuất nông nghiệp, một số chính sách của Nhà nước chưa đủ mạnh để phát triển sản xuất nông nghiệp, do đó, năng suất lao động và sức cạnh tranh của hàng nông sản thấp... Những điều đó làm cho nông nghiệp, nông thôn có nguy cơ tụt hậu so với công nghiệp, dịch vụ ở thành thị. Vì vậy, xây dựng NTM sát hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương vừa là đòi hỏi cấp bách của thực tiễn vừa là con đường ngắn nhất để đưa nông nghiệp, nông thôn “thoát khỏi tình trạng khó khăn hiện nay để tăng sản xuất hàng hóa, tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống của người dân nông thôn”.

Thực tiễn đó đòi hỏi xây dựng NTM trong thời gian tiếp theo phải chú ý các nội dung sau:

Một là, xây dựng NTM phải gắn với quá trình tăng năng suất của các ngành kinh tế nông thôn và năng suất lao động ở nông thôn.

Hai là, xây dựng NTM gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo xu hướng gia tăng chất lượng tăng trưởng và tính bền vững của nó.

Ba là, xây dựng NTM phải được hiện diện ở hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các ngành kinh tế ở nông thôn, trước hết và chủ yếu là trong sản xuất nông nghiệp.

Bốn là, xây dựng NTM phải “gắn kết với phát triển công nghiệp, dịch vụ”. Chiến lược phát triển công nghiệp và dịch vụ cần tính toán đến thế mạnh của nông nghiệp, phải phát triển những ngành công nghiệp để chế biến nông sản, những cụm công nghiệp để thúc đẩy kinh tế nông thôn.

Năm là, triển khai Chương trình quốc gia xây dựng NTM, qua đó tạo được sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội.

Tóm lại, trong giai đoạn 2015-2020, Nam Định phải thực hiện xây dựng NTM “theo hệ thống 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 mà Thủ tướng Chính phủ ban hành” (*Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020, ngày 17-10-2016*). Trong 19 tiêu chí, nhóm Quy hoạch có 1 tiêu chí (1- Quy hoạch); trong nhóm Hạ tầng kinh tế - xã hội có 8 tiêu chí (2- Giao thông; 3- Thủy lợi; 4- Điện; 5- Trường học; 6- Cơ sở vật chất văn hóa; 7- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; 8- Thông tin và truyền thông; 9- Nhà ở dân cư); trong nhóm Kinh tế và tổ chức sản xuất có 4 tiêu chí (10- Thu nhập; 11- Hộ nghèo; 12- Lao động có việc làm; 13- Tổ chức sản xuất); trong nhóm Văn hóa - Xã hội - Môi trường có 6 tiêu chí (14- Giáo dục và Đào tạo; 15- Y tế; 16- Văn hóa; 17- Môi trường và an toàn thực phẩm; 18- Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 19- Quốc phòng và an ninh). Với mỗi tiêu chí, Quyết định quy định cụ thể chỉ tiêu vùng Đồng bằng sông Hồng mà Nam Định sẽ thực hiện.

Như vậy, trong giai đoạn 2015-2020, xây dựng NTM có những yêu cầu mới, tập trung tăng cao chất lượng sống cho người dân, kinh tế nông thôn phát

triển bền vững và xây dựng NTM kiểu mẫu. Mục tiêu chính là đưa nông thôn Việt Nam phát triển toàn diện, hiện đại và bền vững.

3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Đại hội XII của Đảng (2016) đề ra mục tiêu và nhiệm vụ xây dựng đất nước đến năm 2020, “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới”.

Đại hội đề ra và triển khai thực hiện 12 nhiệm vụ để huy động mọi nguồn lực, động lực để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh, bền vững đất nước, tiếp tục công cuộc xây dựng NTM trong thời kỳ đổi mới. Đại hội xác định:

“Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách về phát triển giữa đô thị và nông thôn – đô thị, phối hợp các chương trình phát triển nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị” [55, tr.93].

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM mang tính tổng hợp, sâu, rộng, có nội dung toàn diện; bao gồm tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, quốc phòng - an ninh. Mục tiêu của chương trình được Đảng

xác định là: xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ vững an ninh trật tự; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Tiếp tục khẳng định “vai trò, vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông dân và nông thôn đối với sự nghiệp phát triển đất nước, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (2021) nêu rõ: Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM, hướng tới mô hình nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

Ngày 16 - 8 - 2016, Chính phủ ra “*Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*” [166, tr.1] với mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các cách thức tổ chức sản xuất hợp lý, phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp, dịch vụ; phát triển nông thôn gắn với đô thị nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân; xã hội nông thôn bình đẳng, dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái; giữ vững quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội”[166, tr.1]. Cụ thể: “Đến năm 2020 số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50% (trong đó, mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 28,0%; Đồng bằng sông Hồng: 80%; Bắc Trung Bộ: 59%; Duyên hải Nam Trung Bộ: 60%; Tây Nguyên 43%; Đông Nam Bộ: 80%; Đồng bằng sông Cửu Long: 51%); Khuyến khích mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 1 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; Bình quân cả nước đạt 15 tiêu chí/xã (trong đó, mục tiêu phấn đấu của từng vùng, miền là: Miền núi phía Bắc: 13,8; Đồng bằng sông Hồng: 18,0; Bắc Trung Bộ: 16,5; Duyên hải Nam Trung Bộ: 16,5; Tây Nguyên: 15,2; Đông Nam Bộ: 17,5; Đồng bằng sông Cửu Long: 16,6); không còn xã đạt

dưới 5 tiêu chí; Cơ bản hoàn thành công trình thiết yếu: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của dân cư nông thôn; Nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho nhân dân, thu nhập tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015”[166, tr.2]. Ngày 10-11-2017 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1760/QĐ-TTg điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16-8-2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020: Quyết định điều chỉnh mục tiêu trong phát triển hạ tầng KT-XH. Mục tiêu đề ra là từ năm 2016 đến năm 2020, hạ tầng KT-XH phải đạt yêu cầu tiêu chí 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 15 trong “Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới”. Quyết định bổ sung yêu cầu phải đạt tiêu chí 15 về y tế. Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, Quyết định sửa đổi một số nội dung về Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; “về phát triển nghề nông thôn”; về nâng cao chất lượng đào tạo nghề lao động nông thôn. Quyết định số 1760/QĐ-TTg “về phổ cập giáo dục tiểu học”; vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề. Trong các giải pháp thực hiện Chương trình, Quyết định 1760/QĐ-TTg không quy định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu “đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất thu tiền dùng đất” để xây dựng NTM mà quy định: Căn cứ thực tế ở địa phương và yêu cầu bố trí vốn đối ứng của địa phương để thực hiện Chương trình, HĐND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM. “Quyết định 1600/QĐ-TTg quy định để lại 80% cho ngân sách xã”. Về cơ chế hỗ trợ, *Quyết định số 1760/QĐ-TTg điều chỉnh: “Hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước cho các xã để thực hiện: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã... hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm*

văn hóa, thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản, ấp, cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ cho xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển HTX (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15-12-2014 của Thủ tướng Chính phủ), hỗ trợ thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21-3-2016 của Thủ tướng Chính phủ), kinh phí vận hành Quỹ xây dựng nông thôn mới” [167, tr.3].

3.3. ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NAM ĐỊNH

3.3.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Nam Định về xây dựng nông thôn mới

Đảng bộ tỉnh Nam Định đề ra chủ trương mới sát, đúng, hiệu quả để tiếp tục lãnh đạo xây dựng NTM kiểu mẫu và nâng cao để phấn đấu sớm xây dựng NTM thành công. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2015-2020) tiếp tục đặt mục tiêu đẩy mạnh CNH, HĐH, triển khai toàn diện “Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới”, xác định “đây là một định hướng phát triển cơ bản và lâu dài của tỉnh, phấn đấu đến năm 2020” đạt tiêu chí “Tỉnh nông thôn mới” [151, tr.57].

Nhằm đẩy mạnh lãnh đạo triển khai chủ trương của Đảng trong xây dựng NTM, Đại hội định hướng: “Triển khai toàn diện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển bền vững, hiệu quả, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, xác định đây là một định hướng phát triển cơ bản và lâu dài của tỉnh” [151, tr.59].

Duy trì động lực và nâng cao hiệu quả thiết thực của phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”. Thực hiện nhất quán phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”; tạo thuận lợi để người dân thể hiện cao nhất vai trò chủ thể trong xây dựng NTM. “Khuyến khích mô hình người dân tự làm, tự chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở hạ tầng, đời sống văn hóa, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí ở các xã đạt chuẩn; tập trung triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020 đối với các xã còn lại”, phấn đấu đến năm 2020 đạt tiêu chí “Tỉnh nông thôn mới” [151, tr.59].

“Tổ chức sản xuất hàng hóa theo quy hoạch, tích tụ ruộng đất. Phát triển mạnh mô hình “cánh đồng mẫu lớn”, “cánh đồng liên kết”. Tổ chức chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản gắn với quy hoạch, thị trường. Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển công nghiệp chế biến, liên kết các địa phương trong nước để mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản. Tăng cường hợp tác quốc tế trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là tác với Nhật Bản. Xây dựng tỉnh Nam Định thành trung tâm sản xuất một số giống cây trồng chính. Phấn đấu giá trị trên một ha canh tác đến năm 2020 đạt 140 triệu đồng” [151, 59-60].

Đẩy mạnh “chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại, gia trại theo quy hoạch tại các vùng xa dân cư, an toàn dịch bệnh. Xây dựng dây chuyền giết mổ gia súc, gia cầm, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm và môi trường. Khuyến khích nuôi trồng thủy sản dưới hình thức công nghiệp” hiệu quả kinh tế cao. Tạo điều kiện đẩy mạnh đánh bắt, khai thác xa bờ...

Đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi, thủy nông “phù hợp với quy hoạch và định hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất”, có tính tới tác động biến đổi khí hậu. “Tiếp tục đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa đê biển, đê sông, hệ thống hạ tầng cho đồng muối và nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu các giải pháp ngăn chặn sự xâm nhập mặn sâu và độ mặn cao ảnh hưởng đến các diện tích sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản. Có chính sách phát triển các làng nghề truyền thống, mở rộng nghề hiện có, phát triển thêm nghề mới; khuyến khích các doanh nghiệp

phát triển sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp. Phấn đấu hầu hết các xã đều có nghề” [151, tr.60].

Đổi mới quan hệ sản xuất, đẩy mạnh liên kết giữa nông dân với nông dân, nông dân với doanh nghiệp thông qua HTX. “Chuyển đổi, nâng cao chất lượng các HTX hoạt động theo Luật hợp tác xã, giải thể các HTX hoạt động thường xuyên thua lỗ. Khuyến khích thành lập các tổ hợp tác, các hợp tác xã chuyên ngành làm đầu mối, đại diện cho người dân liên kết với doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị và các hợp tác xã dịch vụ khác, phục vụ sản xuất nông nghiệp” [151, tr.60-61].

Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh Nam Định (nhiệm kỳ 2020 - 2025) từ ngày 23 đến ngày 25-9-2020 đề ra mục tiêu: “Tập trung xây dựng chính đôn Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, trong sạch, vững mạnh. Xây dựng tỉnh Nam Định phát triển nhanh và bền vững, tập trung vào nguồn lực con người, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. Tăng cường khai thác thế mạnh vùng kinh tế biển để trở thành vùng kinh tế động lực phía Nam. Xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Phấn đấu đến năm 2030, Nam Định là tỉnh phát triển khá của cả nước. Để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và 3 khâu đột phá, Tỉnh ủy quyết định ban hành 5 Nghị quyết chuyên đề toàn khóa: “về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; về tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định; về xây dựng, phát triển vùng kinh tế ven biển tỉnh Nam Định; về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng...” [153, tr. 34].

Đại hội xác định thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển vùng sản xuất nông nghiệp và xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu. Triển khai thực hiện tốt các Luật về trồng trọt, thủy sản, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền

vững; chú trọng sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và giữ ổn định tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân khoảng 2,0-2,5%/năm. Triển khai quyết liệt, đồng bộ Chương trình “mỗi xã một sản phẩm (OCOP)” với xây dựng thương hiệu, để khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng các sản phẩm đặc trưng của địa phương, tạo điều kiện tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh [153, tr. 39].

Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa kết hợp với phát triển thị trường tiêu thụ các nông sản chủ lực của tỉnh. Tăng cường hợp tác quốc tế trong sản xuất nông nghiệp với các nước nông nghiệp tiên tiến. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến; nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu. Xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định của Chính phủ. Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng hỗ trợ, khuyến khích nông dân và các chủ trang trại thành lập HTX kiểu mới trên nguyên tắc tự chủ, tự nguyện, tự chịu trách nhiệm. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp liên kết với HTX và hộ sản xuất cá thể hình thành các chuỗi khép kín từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, chia sẻ rủi ro. Nhân rộng mô hình cánh đồng liên kết, cánh đồng lớn, tổ chức khép kín từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của ngành trồng trọt. Nghiên cứu để tổ chức và có chính sách khuyến khích khai thác có hiệu quả đất nông nghiệp, khắc phục hiện tượng nông dân bỏ hoang hóa đã và đang diễn ra. Phát triển chăn nuôi với xây dựng trang trại an toàn dịch bệnh theo quy hoạch, hộ chăn nuôi an toàn sinh học. Tổ chức hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, đảm bảo an toàn thực phẩm, môi trường. Nâng cấp hệ thống thủy lợi phù hợp quy hoạch, định hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy

sản. Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp đề ứng phó với hiện tượng xâm nhập mặn sâu ảnh hưởng đến sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản [153, tr. 38-39].

Tiếp tục phát huy thành quả xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 để tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Đẩy mạnh khai thác hiệu quả nguồn lực từ quỹ đất xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH gắn với đẩy mạnh quá trình đô thị hóa ở khu vực NTM hướng thành lập thêm một số đô thị loại V ở địa bàn các huyện. Tập trung phát triển mạnh hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, các kênh bán lẻ tại khu vực nông thôn để tạo việc làm tại chỗ, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn, làm tiền đề cho tập trung, tích tụ ruộng đất phát triển quy mô lớn nông nghiệp hàng hóa...[154, tr. 39].

Quán triệt quan điểm của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, XIII của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định đã ban hành 5 nghị quyết chuyên đề để triển khai xây dựng NTM: “Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20-4-2016 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết chỉ rõ: “Xây dựng nông thôn Nam Định có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, kết nối với hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng; có cơ cấu kinh tế hợp lý; các hình thức tổ chức sản xuất được đổi mới và trở thành động lực phát triển kinh tế nông thôn; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn; gắn phát triển nông thôn với đô thị; bộ mặt nông thôn khang trang, sạch đẹp, văn minh; y tế, văn hóa, giáo dục phát triển toàn diện; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân được nâng cao; xã hội nông thôn đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, bình đẳng, ổn định và mang đậm bản sắc văn hóa vùng đồng bằng sông Hồng; môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp; an ninh, trật tự nông thôn được giữ vững. Phấn đấu năm 2020 Nam Định trở thành “Tỉnh nông thôn mới” [32, tr.2]; Nghị quyết số 05- NQ/TU ngày 9-6-2016 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến, thu hút đầu tư; đồng thời tập trung chỉ đạo tạo môi trường thuận lợi cho

phát triển doanh nghiệp; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 9-6-2016 về tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định, hình thành rõ nét một số chức năng trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 9-6-2016 về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định, xác định mục tiêu: “Phát huy truyền thống văn hiến của quê hương Nam Định, tiếp thu tinh hoa văn hoá của dân tộc và nhân loại, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong từng cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mỗi gia đình, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước” [33, tr.2]; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 20-10-2016 về công tác cán bộ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ năm 2016 đến năm 2020 và những năm tiếp theo, Nghị quyết xác định: “Thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng các khâu của công tác cán bộ, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, có năng lực, trình độ, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, phát triển KT-XH của tỉnh; đáp ứng yêu cầu của một nền hành chính kiến tạo, năng động, hiệu quả để nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư, tạo bước phát triển đột phá về kinh tế” [34, tr.3].

Đồng thời, Tỉnh ủy ban hành 3 văn bản thực hiện Chương trình xây dựng NTM trong những năm 2015-2020. Chỉ riêng năm 2020, Tỉnh ủy đã ra Thông báo số 974-TB/TU ngày 26-3-2020 về chủ trương ban hành quy định cơ chế hỗ trợ xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; Thông báo số 1022-TB/TU ngày 4-6-2020 về chủ trương phân bổ chi tiết vốn đầu tư Dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng các HTX nông nghiệp trong tỉnh; Thông báo số 1023-TB/TU ngày 4-6-2020 về chủ trương phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020. Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp

Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu những năm 2021-2025 [202, tr.1-2]...

3.3.2. Đảng bộ tỉnh Nam Định chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Thực hiện đường lối Đại hội XII của Đảng, chủ trương xây dựng NTM của Đại hội XIX và XX Đảng bộ tỉnh Nam Định, HĐND tỉnh ban hành 16 Nghị quyết liên quan trực tiếp đến xây dựng NTM, có Nghị quyết 16/2016/NQ-HĐND (21-7-2016) “Về quy định mức hỗ trợ vốn đầu tư, mức thưởng từ ngân sách tỉnh đối với các xã, các huyện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”. Năm 2020, HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết: Số 03/2020/NQ-HĐND ngày 17-4-2020 “Về việc quy định cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025”; số 28/2020/NQ-HĐND ngày 10-7-2020 “Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020” [160, tr.219].

UBND tỉnh ban hành 24 Kế hoạch để triển khai các nội dung, nhiệm vụ xây dựng NTM những năm 2015-2020; ban hành 66 Quyết định chỉ đạo, điều hành và quản lý thực hiện Chương trình. Năm 2020, UBND tỉnh ban hành các văn bản số 114/UBND-VP3 (17-2-2020) “Về việc điều chỉnh chỉ tiêu và bổ sung một số nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020”; “Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 30-3-2020 triển khai Chương trình OCOP tỉnh năm 2020”; Kế hoạch số 48/KH-UBND (9-6-2020) “Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND (14-5-2020) quy định mức chi hỗ trợ Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh năm 2020; Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND (23-6-2020) ban hành “Quy định hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh”; Quyết định số 1693/QĐ-UBND (15-7-2020) ban hành “Chương trình công tác năm 2020 của Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh”; các Quyết định phân bổ vốn ngân sách Trung ương

“Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020”; Quyết định số 2081/QĐ-UBND (20-8-2020) ban hành “Đề án quản lý, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025”;...[202, tr.1].

Ban chỉ đạo xây dựng NTM các cấp tỉnh, huyện và xã được kiện toàn đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu, Chương trình OCOP. Các Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh, cấp huyện củng cố, kiện toàn để tham mưu chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu, Chương trình OCOP. Kiện toàn Ban quản lý xây dựng NTM, Ban giám sát cộng đồng các xã. Các thôn, xóm kiện toàn Ban phát triển thôn, xóm, Ban chỉ đạo theo quy định.

“Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh chủ động thực hiện kế hoạch, hướng dẫn, phối hợp với các địa phương. Các huyện, thành phố theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và hướng dẫn của các Sở, ngành ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình trong năm 2020, trọng tâm là xây dựng NTM nâng cao và các mô hình NTM kiểu mẫu. Các xã tập trung đánh giá các kết quả thực hiện, lập và thực hiện kế hoạch xây dựng NTM nâng cao năm 2020, tiếp tục huy động các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao của tỉnh và xây dựng mô hình thôn/xóm NTM kiểu mẫu” [202, tr.2].

Dưới sự lãnh đạo sát sao của Đảng bộ tỉnh, HĐND, UBND và các cơ quan có trách nhiệm ráo riết chỉ đạo xây dựng NTM, thể hiện:

3.3.2.1. Tập trung nguồn lực, đầu tư xây dựng kết hạ tầng kinh tế, xã hội nông nghiệp - nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới

Trong những năm 2015-2020, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục “hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho mỗi xã 8 tỷ đồng” để xây dựng NTM; “mức thưởng với các xã, các huyện đạt chuẩn NTM; cơ chế tăng ngân sách xã từ việc thu tiền dùng đất; quy định khoản tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu đô thị, các thị trấn trung tâm huyện của tỉnh; mức hỗ trợ bảo hiểm y tế từ ngân sách địa phương

cho người thuộc gia đình sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp... có mức sống trung bình trong tỉnh” [154, tr.4-5].

Việc huy động nguồn lực cho phát triển KH- XH chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng xã hội hóa. “Tổng đầu tư toàn xã hội trong 5 năm đạt khoảng 175 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4%/năm (tỷ lệ huy động vốn từ nền kinh tế đạt 33,5% GRDP); trong đó ngân sách nhà nước chiếm 16%, tăng 3,3%/năm; đầu tư của người dân, doanh nghiệp tư nhân chiếm 70%, tăng 23%/năm. Để nâng cao hiệu quả hút vốn đầu tư phát triển, Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU “về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến, thu hút đầu tư”; tập trung chỉ đạo tạo ra môi trường thuận lợi để doanh nghiệp phát triển. Tổng giá trị đăng ký vốn đầu tư giai đoạn 2015-2020 đạt 3,5 tỷ USD vốn FDI (tăng 8 lần so với nhiệm kỳ trước) và hơn 32.000 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước (tăng 2,7 lần so với nhiệm kỳ trước). Tổng dư nợ tín dụng đến năm 2020 đạt khoảng 72.000 tỷ đồng, so với năm 2015 tăng 2,3 lần; bình quân tăng 17,6%/năm. Để tăng nguồn vốn đầu tư công trong điều kiện ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn; Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng, ban hành cơ chế đầu tư các khu đô thị, dân cư tập trung ở nông thôn để đột phá trong huy động nguồn lực từ quỹ đất; góp phần nâng cao tỷ lệ đô thị hóa khu vực nông thôn khi đưa doanh nghiệp về nông thôn tạo ra nguồn tích lũy cho một bộ phận người lao động; góp phần giải quyết được nguồn vốn cho đầu tư phát triển trong điều kiện ngân sách Nhà nước còn nhiều khó khăn. Cả tỉnh triển khai được hơn 70 dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn; số tiền thu được từ đấu giá đất đạt hơn 2.000 tỷ đồng/năm. Nguồn lực đấu giá đất khu đô thị, khu dân cư tập trung được phân cấp cho các huyện, thành phố để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng NTM. Việc huy động hiệu quả nguồn lực từ quỹ đất góp phần nâng tổng thu ngân sách 5 năm (2016-2020) đạt khoảng 24.400 tỷ đồng, gấp 2,1 lần so với những năm 2011-2015, thu ngân sách bình quân đạt 14%/năm” [160, tr.62-63].

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 04 bằng Kế hoạch số 52/KH-UBND (9-6-2016) để chỉ đạo triển khai. Trong chỉ đạo, triển khai, từ kết quả, tiến độ và từ những vấn đề phát sinh, UBND tỉnh kịp thời điều chỉnh bằng Kế hoạch số 32/KH-UBND (7-4-2017) và Kế hoạch số 44/KH-UBND (19-4-2018), bổ sung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, sát với thực tiễn. Ngày 6-6-2018 UBND tỉnh ban hành “Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020”; ngày 4-12-2018 Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của tỉnh ban hành “hướng dẫn triển khai một số tiêu chí NTM kiểu mẫu, làm cơ sở để các xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn thực hiện tiếp tục Chương trình với các yêu cầu cao hơn về chất lượng các tiêu chí” [154, tr.1]. Đến tháng 6-2019, tỉnh thưởng và hỗ trợ từ ngân sách tỉnh tổng số tiền 2.076 tỷ đồng cho các xã và huyện xây dựng NTM. “Qua các Hội nghị sơ kết, tổng kết, UBND tỉnh tặng Bằng khen cho hơn 600 tập thể, cá nhân trong xây dựng NTM có nhiều thành tích xuất sắc. Trong thời điểm đó, Nam Định là tỉnh có mức hỗ trợ và thưởng cao từ ngân sách tỉnh cho những đơn vị xây dựng NTM. Việc ban hành, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ, khen thưởng nên trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phong trào xây dựng NTM khắp trong tỉnh.

Hàng năm, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh với tham mưu của UBND tỉnh, đánh giá thực hiện Nghị quyết số 04, kiểm điểm toàn diện, sâu sắc những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế yếu kém tìm nguyên nhân để khắc phục”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định ưu tiên cấp kinh phí hỗ trợ những xã xây dựng NTM giai đoạn 2015-2020 ở các huyện đã đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2017 để tạo nguồn lực hỗ trợ các địa phương; năm 2018 cấp đủ kinh phí trong số 8 tỷ đồng cho 7 xã chưa đạt chuẩn NTM ở 3 huyện Ý Yên, Nam Trực và Mỹ Lộc. Từ năm 2015 đến năm 2020, ngân sách tỉnh cấp và thưởng 633,243 tỷ đồng cho các xã xây dựng NTM những năm 2015-2020; phân bổ 677,2 tỷ đồng ngân sách của Trung ương hỗ trợ triển khai xây dựng NTM.

Trong thực hiện Nghị quyết, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, điều hành, kiểm tra và đôn đốc nhiệm vụ phát triển KT- XH các địa phương gắn với tiến độ xây dựng NTM. Lãnh đạo UBND tỉnh tổ chức các đoàn công tác với hơn 30 buổi làm việc, chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn cho địa phương; chỉ đạo các Sở, ngành tập trung hướng dẫn các huyện thực hiện các tiêu chí khó, nhất là sản xuất, môi trường và Y tế,...

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sát sao việc tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại ở các cấp, ngành, “nhất là nội dung liên quan đến lĩnh vực đất đai, dồn điền đổi thửa, tạo môi trường ổn định để địa phương huy động nhanh nguồn lực” xây dựng NTM. Chỉ đạo thực hiện nghiêm, chặt chẽ việc thẩm tra, thẩm định tiêu chí các xã, huyện NTM đúng quy định.

Các Sở, ban ngành và Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tổ chức quán triệt “Nghị quyết số 04” và “Kế hoạch xây dựng NTM của tỉnh”. Căn cứ nhiệm vụ UBND tỉnh giao, từ các quy định của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ và các ngành Trung ương “về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2020”, các Sở, Ngành của tỉnh tích cực tham mưu các văn bản chỉ đạo, thực hiện “Chương trình xây dựng nông thôn mới” trong lĩnh vực được phân công.

Ban Xây dựng Đảng; Ủy ban MTTQ tỉnh, các Sở, ban, ngành và đoàn thể của tỉnh lập kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cùng các huyện, thành phố tích cực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM.

Để thực hiện “Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020”, Tỉnh ủy ban hành “Thông báo số 974-TB/TU ngày 26-3-2020 về chủ trương ban hành quy định cơ chế hỗ trợ xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; Thông báo số 1022-TB/TU ngày 4-6-2020 về chủ trương phân bổ chi tiết vốn đầu tư Dự án hỗ trợ phát triển hạ tầng các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 1023-TB/TU ngày 4-6-2020

về chủ trương phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản: Số 114/UBND-VP3 (17-2-2020) “Về điều chỉnh chỉ tiêu, bổ sung một số nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2020”; Kế hoạch số 27/KH-UBND (30-3-2020) “Triển khai Chương trình OCOP tỉnh năm 2020”; Kế hoạch số 48/KH-UBND (9-6-2020) “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND (14-5-2020) “Quy định mức hỗ trợ triển khai, thực hiện Chương trình OCOP trong tỉnh năm 2020”; Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND (23-6-2020) “Ban hành Quy định hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trong tỉnh”; Quyết định số 1693/QĐ-UBND (15-7-2020) “Ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh”; các Quyết định phân bổ vốn ngân sách Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020; Quyết định số 2081/QĐ-UBND (20-8-2020) “Ban hành Đề án quản lý, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 – 2025”;...

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ngành và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh chủ động thực hiện kế hoạch, hướng dẫn, cùng các địa phương triển khai Chương trình. Các huyện, thành phố căn cứ chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và hướng dẫn của các Sở, ngành ra các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình tại địa phương trong năm 2020, trọng tâm là xây dựng NTM nâng cao và các mô hình NTM kiểu mẫu. Các xã tập trung rà soát, lập và thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM nâng cao năm 2020, huy động các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng tiêu chí xã NTM theo Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao của tỉnh, xây dựng mô hình thôn/xóm NTM kiểu mẫu.

Thực hiện “Chương trình xây dựng nông thôn mới”, nhiều địa phương đã đầu tư, nâng cấp cảnh quan môi trường và kết cấu hạ tầng KT- XH, tạo thuận

lợi cho phát triển KT- XH, cải thiện điều kiện sống và làm việc của nông dân ở các lĩnh vực:

Về hạ tầng giao thông, để kết nối hệ thống giao thông của tỉnh với mạng lưới giao thông quốc gia, Nam Định coi trọng cải tạo, đầu tư phát triển hệ thống giao thông của tỉnh đến từng huyện, xã, thôn và xóm. Cùng “Bộ Giao thông vận tải nâng cấp, cải tạo, xây mới với tổng mức đầu tư vào khoảng 18.870 tỷ đồng 437,7 km đường cao tốc, quốc lộ và tỉnh lộ; huy động nguồn lực của tỉnh cải tạo và xây mới 8.422 km đường giao thông nông thôn; cải tạo và xây mới 7.239 cầu, cống dân sinh; ở các huyện lắp đã thêm 10 cụm đèn tín hiệu giao thông. Có 100% số xã đạt Tiêu chí giao thông năm 2018, so với năm 2010 tăng 98,1%, so với năm 2015 tăng 21%”.

Khánh thành, đưa vào sử dụng “một số công trình hạ tầng trọng điểm; tập trung triển khai một số dự án, công trình lớn, có ý nghĩa chiến lược, tạo ra động lực phát triển KT- XH của tỉnh. Trong những năm 2015-2020, hoàn thành, đưa vào sử dụng Quốc lộ 10 nối với Quốc lộ 21 và cầu Tân Phong qua sông Đào với chiều dài 6,5 km; cầu Thịnh Long và đường dẫn qua sông Ninh Cơ; Tỉnh lộ 488 (từ cầu Vòi đến thị trấn Thịnh Long) có chiều dài 47,2 km; Tỉnh lộ 487 với chiều dài 21,3 km; Tỉnh lộ 489 C đoạn từ nút giao Quốc lộ 21 (cầu Lạc Quần) đến phà Sa Cao dài 16,6 km; Dự án cải tạo, nâng cấp một số quần thể lưu niệm Tổng Bí thư Trường Chinh; Nâng cấp hệ thống đê tả, hữu sông Sò; Đầu tư tu bổ, nâng cấp khẩn cấp đê, kè Còn Xanh thuộc đê biển huyện Nghĩa Hưng; Nâng cấp khẩn cấp một số đoạn đê kè xung yếu thuộc đê biển của tỉnh...

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giai đoạn thứ nhất và chuẩn bị thực hiện giai đoạn thứ hai đường trục phát triển kết nối vùng kinh tế biển Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định; Tỉnh lộ 485B, 487B, 488B, 488C; Kênh nối sông Đáy với sông Ninh Cơ; dự án xử lý khẩn cấp đê, kè Quy Phú tương ứng từ K177+900 đến

K180+050 đê hữu sông Hồng, huyện Nam Trực; dự án xử lý cấp bách công trình đê biển của tỉnh bị sụt lở do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017; hệ thống công trình phòng, chống lụt, bão đê hữu sông Hồng và đê tả sông Đào thành phố Nam Định”... Tập trung hoàn thiện thủ tục liên quan một số dự án chiến lược: Khu công nghiệp Mỹ Thuận; Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Hồng Tiến; “Nhà máy nhiệt điện BOT Nam Định I tại huyện Hải Hậu với tổng mức đầu tư 2,072 tỷ USD. Lập thủ tục đầu tư dự án xây dựng Tổng kho và cảng xuất nhập khẩu xăng dầu tại cửa Lạch Giang... Các dự án trọng điểm này khi hoàn thành sẽ làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, thu ngân sách và tạo cơ sở phát triển lâu dài KT-XH của tỉnh” [125, tr.63-64].

Về hạ tầng thủy lợi, “cải tạo, nâng cấp, xây mới 8.535 công trình thủy lợi, 373 km kênh cấp I, II và 27.597 công trình thủy lợi của xã được kiên cố; các công trình thủy lợi với khối lượng 29 triệu m³ được khơi thông dòng chảy. Hệ thống thủy lợi do đó đáp ứng cao nhất yêu cầu sản xuất nông nghiệp và năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, đời sống nhân dân được nâng cao; 100% diện tích đất canh tác chủ động tưới tiêu trong điều kiện bình thường. Có 100% số xã đạt Tiêu chí thủy lợi vào năm 2017, so với năm 2015 tăng 16,3% và so với năm 2010 tăng 99,5%”.

Về hạ tầng lưới điện nông thôn, xác định tầm quan trọng trong phát triển KT- XH của hạ tầng lưới điện nông thôn nên năm 2009 Nam Định tiên phong bàn giao cho Điện lực quản lý lưới điện nông thôn. Ngành Điện lực khi nhận lưới điện nông thôn đã chi 2.882 tỷ đồng cải tạo và xây mới 4.082 km đường dây trung thế và hạ thế; 1.280 trạm biến áp khu vực nông thôn; năm 2018 tiêu thụ điện ở nông thôn là 1,731 tỷ kw/h, mức tăng bình quân đạt gần 16%/năm, so với năm 2011 tăng 2,8 lần. Năm 2016, 100% số xã, thị trấn về đích tiêu chí điện nông thôn, tăng 9,1% so với năm 2010.

Về cơ sở vật chất trường học, so với quy hoạch đã được duyệt, “các địa phương trong tỉnh dành 568.612 m² đất quy hoạch và trong kế hoạch sử dụng

để mở rộng, xây mới trường học các cấp; cải tạo, xây mới 6.964 phòng học từ các tiêu chí trường học (Mầm non: 2.394, Tiểu học: 2.527, Trung học cơ sở :1.903, Trung học phổ thông:140)”. Có 100% xã đạt Tiêu chí trường học năm 2018, so với năm 2010 tăng 80,9%, so với năm 2015 tăng 18,7%.

Về cơ sở vật chất văn hóa và thông tin, 153 khu thể thao và nhà văn hóa xã, 2.662 khu thể thao và nhà văn hóa thôn/xóm trong toàn tỉnh được xây mới, cải tạo, nâng cấp; “quan tâm tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa. 209 bưu điện, đài truyền thanh, điểm văn hóa xã được tu sửa; cải tạo, nâng cấp hệ thống loa đến thôn, xóm thường xuyên. Chất lượng dịch vụ viễn thông, internet được nâng cao; các địa phương sử dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành (80% số cán bộ, công chức xã dùng thư điện tử công vụ để gửi và nhận văn bản điện tử). Năm 2018, 100% số xã đạt Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa, so với năm 2010 tăng 91,9%, so với năm 2015 tăng 32,5%; 100% xã đạt Tiêu chí thông tin, truyền thông”, nếu so với năm 2010 tăng 28,2%.

Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, “83 chợ nông thôn được xây mới, cải tạo, nâng cấp, yêu cầu lưu thông hàng hóa của người dân được đáp ứng tốt hơn và giữ được nét đẹp truyền thống của phiên chợ vùng quê. Có 100% số xã đạt Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn năm 2018, so với năm 2015 tăng 10,5% và so với năm 2010 tăng 74,2%”.

Về cơ sở hạ tầng y tế cấp xã, cải tạo, xây mới, bổ sung dụng cụ, thiết bị y tế cho 166 trạm y tế xã. Năm 2020 “có 100% số xã đạt tiêu chí Y tế, so với năm 2010 tăng 79,4% và so với năm 2015 tăng 25,8%”.

Về hạ tầng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, 58 dự án nước sạch nông thôn được hoàn thành cải tạo, xây dựng mới, mở rộng; 96 lò đốt rác được xây dựng mới; 106 bãi chôn lấp xử lý rác thải sinh hoạt được cải tạo nâng cấp, xây dựng mới, “xây mới hơn 13.000 hầm Biogas để xử lý chất thải chăn nuôi và hơn 24.000 bể đựng bao bì thuốc bảo vệ thực vật ở các cánh đồng” [125, tr.9-11]. Phong trào bảo vệ môi trường và làm đẹp cảnh quan nông thôn

là công việc hằng ngày của cư dân; mô hình “Nhà sạch, vườn xanh, đường, sông không rác”, phong trào trồng hoa ven đường, trồng cây bóng mát do cộng đồng thực hiện, quản lý triển khai khắp tỉnh, trồng được 1.500 km đường hoa. Nông thôn Nam Định ngày càng “Sáng - xanh - sạch - đẹp” và hướng tới mục tiêu “miền quê đáng sống”[125, tr.56-58].

“Tỉnh đã xây dựng được 53 nhà máy nước sạch; 186 công trình xử lý rác thải; trong Khu công nghiệp Hòa Xá tiến hành chuyển đổi mô hình quản lý Trạm xử lý nước thải; hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông với diện tích 520 ha và thành lập mới, mở rộng 10 cụm công nghiệp trong tỉnh với diện tích 280 ha” [125, tr.61-62].

Cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội nông nghiệp-nông thôn được đầu tư đúng hướng, đồng bộ theo tiêu chí NTM, các ngành nông - lâm - thủy sản tăng trưởng khá toàn diện hướng tới sản xuất hàng hóa. “Giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2015-2020 tăng bình quân 2,7%/năm (chỉ tiêu Đại hội: 2,5-3,0%). Ngành nông nghiệp chuyển theo xu hướng tăng chăn nuôi, giảm trồng trọt. Năm 2020, giá trị thu từ một ha đất trồng, nuôi, trồng thủy sản đạt 172 triệu đồng/ha (so với năm 2015 tăng 43 triệu đồng/ha, vượt 140 triệu đồng/ha so với chỉ tiêu đề ra). Việc ứng dụng khoa học công nghệ thay đổi theo hướng tăng cơ giới hóa; chuyển đổi cơ cấu sang các giống cây và con có nhiều giá trị kinh tế, hạn chế dịch bệnh. Hình thành hơn 30 mô hình mới trong liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản hàng hóa theo chuỗi giá trị và theo mô hình “cánh đồng lớn” các vùng sản xuất chuyên canh tập trung. Ngành chăn nuôi phát triển chủ yếu theo mô hình trang trại, gia trại, gắn kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường năng lực chủ động quản lý, kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm để giảm thiệt hại. Toàn tỉnh có hơn 2.300 trang trại, gia trại chăn nuôi. Tổng lượng thịt hơi đã xuất chuồng năm 2020 đạt khoảng 186,5 nghìn tấn, so với năm 2015 tăng 15%. Tập trung chỉ đạo, thực hiện quyết liệt Chương trình sản phẩm OCOP, có hơn 100 sản phẩm được công nhận đạt

3-4 sao đến hết năm 2020”. Tổ chức hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012, kinh tế hợp tác ngày càng ổn định, có bước phát triển: Nhiều HTX chuyên ngành được thành lập, vai trò tổ chức sản xuất ở nông thôn được khẳng định, có nhiều HTX kiểu mới tham gia chuỗi liên kết sản xuất nông sản hàng hóa với các doanh nghiệp [125, tr.58-59].

Trong những năm 2015-2020 “đã lập thủ tục, đầu tư mới và mở rộng các khu, cụm công nghiệp nâng tổng diện tích đất các khu, cụm công nghiệp trong tỉnh lên 1.463 ha. Có 4 khu công nghiệp đang hoạt động, gồm: Bảo Minh, Hòa Xá, Dệt may Rạng Đông, Mỹ Trung với tổng diện tích 1.110 ha; thu hút 178 dự án đầu tư trong nước và 44 dự án đầu tư nước ngoài góp phần giải quyết việc làm cho hơn 45.000 lao động. Thành lập 24 cụm công nghiệp, trong đó có 19 cụm đã hoạt động, thu hút 485 dự án đầu tư, tạo công việc cho 20.260 lao động. Giá trị sản xuất ở các khu, cụm công nghiệp chiếm khoảng 50% giá trị trong sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh. Triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy “Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề ở nông thôn”, tỉnh thu hút được một lượng lớn doanh nghiệp đầu tư về khu vực nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp. Có 142 làng nghề công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh (so với năm 2015 tăng 19 làng nghề, trong đó được công nhận 80 làng nghề) với 18.734 hộ sản xuất kinh doanh với số lao động tham gia sản xuất là 44.743” [125, tr.59-60].

Hoạt động thương mại và dịch vụ tăng trưởng khá toàn diện; có một số lĩnh vực phát triển nhanh. “Giá trị các ngành dịch vụ tăng bình quân 8,1%/năm những năm 2015 - 2020 (chỉ tiêu: 8,0-8,5%/năm). Tổng mức doanh thu dịch vụ và lưu chuyển hàng hóa bình quân tăng 16,2%/năm. Năm 2020 tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 2,1 tỷ USD, tăng bình quân 16,4%/năm, gấp 2,1 lần so với năm 2015; các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh đều tăng trưởng khá. Tổng giá trị hàng nhập khẩu đạt 1,2 tỷ USD, tăng bình quân 9,6%/năm. Cân đối cung - cầu hàng hóa đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sản xuất, đời sống của nhân

dân”. Các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao tăng trưởng nhanh về số lượng và chất lượng trong lĩnh vực ngân hàng, công nghệ thông tin...; dịch vụ ngân hàng và tín dụng phát triển toàn diện với 36 chi nhánh ngân hàng, 112 phòng giao dịch và 42 Quỹ tín dụng nhân dân. “Việc xúc tiến thương mại được đẩy mạnh, nhất là mở rộng thị trường trong nước và quảng bá sản phẩm, xuất khẩu. Trong tỉnh có 18 siêu thị hiện đại và chuỗi bán lẻ với 105 cửa hàng tiện ích, phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của nhân dân. Hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch được thực hiện hiệu quả. Chất lượng dịch vụ được tiếp tục cải tạo, nâng cấp và nâng cao tại các khu du lịch: Đền Trần, Phủ Dầy, Núi Ngăm, các bãi biển Quất Lâm, Thịnh Long... Tổng lượng khách du lịch tăng bình quân 6,5%/năm, doanh thu du lịch tăng bình quân 9%/năm. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng và thực hiện quy hoạch Khu chức năng phía Nam đô thị Rạng Đông để trở thành địa điểm mới về du lịch, dịch vụ gắn với sinh thái biển và phát triển kinh tế” [125, tr.61-62] .

Với chủ trương sát đúng của Đảng bộ tỉnh, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của người dân với hạ tầng kết cấu đồng bộ, Nam Định phấn đấu sớm đạt tất cả các tiêu chí NTM, được công nhận là một trong hai tỉnh về đích tỉnh NTM đầu tiên của cả nước.

3.3.2.2. Chỉ đạo nghiên cứu, ứng dụng khoa học-công nghệ, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao

Hoạt động khoa học - công nghệ

“Chương trình hành động” thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá XI) về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” được chỉ đạo triển khai đồng bộ. “Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH-CN trong sản xuất và đời sống; giai đoạn 2015-2020 đã thực hiện trên 130 đề tài, dự án KH-CN. Công nghệ thông tin sử dụng tại cơ quan Đảng, chính quyền và đoàn thể của tỉnh được đẩy mạnh ứng dụng; góp phần

phục vụ tốt việc xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Nam Định làm chuyển biến mạnh mẽ lối, phương thức, phong cách làm việc của cán bộ và công chức”. Tỉnh xây dựng, đưa vào vận hành hiệu quả “Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến”, “có 1.030 thủ tục mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số 1.716 thủ tục, góp phần hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công” [125, tr.67].

Công nghệ cao là xu thế phát triển và nông nghiệp cũng không nằm ngoài xu thế đó. Ứng dụng KH-CN vào sản xuất nông nghiệp tạo ra những sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao được coi là xu hướng tất yếu giúp sản xuất nông nghiệp phát triển vượt bậc. Nam Định rất quan tâm phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, sự bùng nổ của công nghệ thông tin trong quá trình hội nhập quốc tế đòi hỏi chất lượng nông sản càng cao; cùng với diện tích đất bị thu hẹp do đô thị hóa, do biến đổi khí hậu trong khi dân số tăng nên nhu cầu lương thực không ngừng tăng ... là những thách thức lớn đối với sản xuất kinh tế nông nghiệp.

Trong những năm 2015 - 2020, tỉnh đặt mục tiêu đưa sản phẩm nông nghiệp đã xây dựng thương hiệu tham gia chuỗi cung ứng phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu. Thực hiện mục tiêu đó, tỉnh huy động tập trung các nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế mỗi địa phương, thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác ứng dụng NTM, đặc biệt là công nghệ cao, để đẩy mạnh liên kết phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Năm 2020, có nhiều doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng công nghệ cao trong sản xuất, kinh doanh. Trong đó, có 2 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được công nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ: Công ty trách nhiệm hữu hạn Cường Tân và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nam Định. Đây là các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao để nghiên cứu, chọn tạo ra sản phẩm khoa học - công nghệ là các giống lúa thuần chất lượng cao như: Nam Định 5, LP5, CT16, M1-NĐ...

“Công ty trách nhiệm hữu hạn Thủy sản Lenger Việt Nam”, “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hải sản Hùng Vương”, “Công ty cổ phần Chế biến Hải sản Nam Định”, “Doanh nghiệp tư nhân Cửu Dung và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Minh Dương”... cũng tích cực tham gia vào hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến nông sản, lâm sản và thủy sản. Ngoài ra, tỉnh tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp nhằm xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất sản phẩm có thế mạnh của tỉnh. Đến năm 2020, tỉnh xây dựng 39 chuỗi liên kết giá trị “trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm quy mô liên huyện, liên tỉnh, được Chi cục quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản (Sở Nông nghiệp, Phát triển nông thôn) xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn theo Thông tư số 3075/QĐ-BNN-QLCL (20-7-2016) của Bộ Nông nghiệp, Phát triển nông thôn”. Có được 330 sản phẩm OCOP hạng 3 sao và 4 sao được tỉnh xây dựng và phát triển; 133 cơ sở sử dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP, HACCP). Trong đó, 1 doanh nghiệp được chứng nhận trong quá trình chuyển đổi theo yêu cầu của TCVN 11041-2:20-17 về trồng trọt hữu cơ và 1 vùng nuôi liên kết Lenger Farm 500 ha tại xã Nam Điền - Nghĩa Hưng được chứng nhận nuôi bền vững theo tiêu chuẩn ASC.

Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành liên quan hướng dẫn 150 cơ sở xây dựng phần mềm truy xuất nguồn gốc (QR code), 33 cơ sở lập nhật ký điện tử để theo dõi sản xuất; tư vấn hỗ trợ xây dựng, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm cho hơn 320 cơ sở với khoảng 700 lượt sản phẩm nông nghiệp. Từ đó góp phần khẳng định thương hiệu, tạo môi trường lành mạnh, nâng cao giá trị thương mại và tăng độ tin cậy với các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh cho người tiêu dùng.

Các doanh nghiệp, HTX và nông dân tích cực nhân rộng mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, VietGAP; cơ giới hóa sản xuất; sử dụng công nghệ cao như sử dụng nhà màng, nhà lưới, nhà kính, tưới nước tiết kiệm... nâng cao hiệu quả trồng trọt, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Tỉnh còn chú trọng đưa cơ giới hóa phát triển nhanh nông nghiệp, thủy sản, các ngành nghề ở nông thôn; tỷ lệ dùng máy móc làm đất: 100%, gieo cấy: 45%, thu hoạch: 82%.

Tích cực tuyển chọn bổ sung cơ cấu sản xuất hơn 10 giống cây năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, thích ứng tốt hơn biến đổi khí hậu. Năm 2015 diện tích lúa chất lượng cao từ 60% tăng lên 71,5% năm 2018, hiệu quả sản xuất lúa tăng 7-10%. Thực hiện “Chương trình phát triển giống cây trồng”, các đơn vị, doanh nghiệp của tỉnh chọn tạo một số giống lúa mới có chất lượng, năng suất cao (M1, CS6) và tuyển chọn một số giống khoai tây sạch bệnh (Solara, Sinora,...); duy trì ổn định quy mô sản xuất giống lúa lai F1 khoảng 700ha/năm, số lượng đạt khoảng 2.000 tấn giống/năm. Trung tâm nghiên cứu phát triển lúa lai Syngenta cho ra mắt một số giống lúa lai có triển vọng,...

Các công nghệ và kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến (công nghệ chuồng kín, quy trình chăn nuôi sinh thái, quy trình VietGAHP,...) được áp dụng nhanh trong các trang trại, gia trại. 9 trang trại được tỉnh cấp giấy chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP “6 trang trại chăn nuôi lợn thịt và 3 trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm”. Bước đầu hoàn thiện quy trình, công nghệ nuôi tôm thẻ chân trắng, cá chim biển vây vàng, cá sủi đất, cá lăng chấm,... áp dụng công nghệ nuôi thân thiện môi trường, tạo sản phẩm bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Từ năm 2015-2018, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đã hướng dẫn 13 cơ sở xây dựng và áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, VietGAP, GMP, SSOP); hướng dẫn xây dựng, công bố tiêu chuẩn chất lượng 90 sản phẩm cho 62 cơ sở sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ dán tem truy xuất nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa QRcode cho 130 nông sản, thực phẩm; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng nhãn hiệu tập thể cho Nước mắm Giao Châu và Cá bống bóp Nghĩa Hưng.

Thu nhập của nông dân tăng bình quân năm 2015 từ 35 triệu đồng/người lên đến năm 2018 là hơn 43 triệu đồng/người; giảm từ 5,47% (2015) xuống còn 2,15% (2018) hộ nghèo đa chiều. Có 100% xã đạt tiêu chí thu nhập năm 2018 (tăng 25% so với 2015), đạt tiêu chí lao động có việc làm (tăng 6% so với 2015).

Trong chăn nuôi, công nghệ và kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến như công nghệ chuồng kín, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, quy trình VietGAHP và các công nghệ mới về giống vật nuôi được nhân rộng trong các trang trại. Với thủy sản, tích cực sử dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường trong nuôi thâm canh và nuôi công nghiệp tạo ra các sản phẩm an toàn vệ sinh thực phẩm.

Như vậy, kết quả là bước đầu đạt được, việc đẩy mạnh, nhân rộng những mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp ở Nam Định vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Áp dụng công nghệ cao chưa đồng bộ, toàn diện cả chuỗi giá trị sản phẩm mà chủ yếu mới ở từng khâu sản xuất. Cụ thể, công nghệ cao mới thực hiện ở các khâu như tưới tiết kiệm theo công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun sương; canh tác cây trồng trong nhà màng, nhà lưới... trong trồng trọt. Trong thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản còn thấp do vẫn mang tính thủ công hoặc công nghệ lạc hậu. Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao còn hạn hẹp, không ổn định thị trường sử dụng; khả năng cạnh tranh thấp; chưa có sức kích thích người sản xuất do giá bán chưa tương xứng với mức độ đầu tư. Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp đòi hỏi nguồn lực trí tuệ, kỹ thuật, tài chính quá lớn nhưng năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhiều doanh nghiệp và người dân còn hạn chế.

Một số đề tài, dự án KH-CN chưa ứng dụng thực tiễn cao...Do vậy, tỉnh cần “tiếp tục định hướng khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, sinh thái, hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh (công nghệ số) gắn với phát triển công nghiệp chế biến; Tạo điều kiện cho doanh nghiệp với HTX và nông dân liên kết hình thành các chuỗi khép kín, ứng dụng khoa học công nghệ từ khâu sản xuất giống, canh tác đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông

nghiệp quan trọng của tỉnh”. Thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP với chất lượng cao hơn, quy mô lớn hơn, gắn với hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, thương thiệu nhằm khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế các sản phẩm có giá trị cao.

3.3.2.3. Xây dựng, củng cố quốc phòng-an ninh và trật tự an toàn xã hội

Tâm tư, tình cảm và nguyện vọng chính đáng của nhân dân được các cấp ủy Đảng, chính quyền trên địa bàn thường xuyên quan tâm; tuyên truyền, giáo dục và vận động nhân dân đảm bảo phòng, chống tội phạm, an ninh trật tự và các tai, tệ nạn xã hội. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” triển khai đạt được kết quả tích cực. Trật tự xã hội nông thôn và an ninh chính trị được bảo đảm, các sự kiện chính trị trong tỉnh được đảm bảo an toàn tuyệt đối, không bị bất ngờ. “Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân được giải quyết từ cơ sở, tạo môi trường ổn định phát triển KT-XH. Năm 2019 có 100% xã đạt chuẩn Tiêu chí số 19 (Quốc phòng và An ninh), so với 2016 tăng 1,9%” [153, tr.17-18].

Tăng cường xây dựng dân quân vững mạnh. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được triển khai sâu rộng đạt kết quả tích cực. Các địa phương thực hiện tốt Pháp lệnh Dân chủ cơ sở; vai trò của người dân, cộng đồng dân cư xây dựng nông thôn mới được phát huy. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội nông thôn, các tai, tệ nạn xã hội giảm đáng kể. 100% xã đạt được chuẩn tiêu chí 19 (Quốc phòng - an ninh).

Quán triệt, triển khai nghiêm túc chủ trương và chính sách của Đảng, Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; về “Công tác quốc phòng, quân sự địa phương và xây dựng khu vực phòng thủ”. Xây dựng “đủ số lượng, vững về tư tưởng, chính trị, tổ chức lực lượng bộ đội thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên. Nâng cao khả năng thường trực chiến đấu và sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang địa phương.

Hoàn thành chỉ tiêu diễn tập khu vực phòng thủ các cấp, tích cực thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ”. Bảo vệ vững chắc an ninh, chủ quyền tuyến biển; thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền, giữ vững an ninh trật tự cho phát triển kinh tế - xã hội trên khu vực biên giới biển của tỉnh giai đoạn 2015-2019”. “Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển và gọi công dân nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hằng năm. Tuyên truyền, giáo dục tốt nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới; chủ động phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” và bạo loạn lật đổ của thế lực thù địch, nâng cao ý thức quốc phòng, tinh thần cảnh giác cho cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân trong tỉnh. Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và giải quyết kịp thời chế độ, chính sách sau chiến tranh”.

Tỉnh ra Nghị quyết toàn khóa và hằng năm “Về lãnh đạo công tác an ninh, trật tự”. Các sự kiện chính trị diễn ra trong tỉnh, các chuyến thăm và làm việc tại tỉnh của các lãnh đạo Đảng, Nhà nước được bảo đảm tuyệt đối an toàn. “Triển khai đồng bộ, toàn diện các biện pháp nghiệp vụ trong bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống khủng bố, phá hoại, âm mưu “diễn biến hòa bình”; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; bảo vệ chính trị nội bộ, bí mật nhà nước, không cho hình thành “tổ chức chính trị đối lập”; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn, các phương thức hoạt động của thế lực thù địch, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội” trong tỉnh. “Kết hợp giữa chủ động phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm với kiềm chế và kéo giảm tội phạm. Nâng cao kết quả điều tra khám phá tội phạm. Đẩy mạnh xây dựng “phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” thích hợp với tính chất, đặc điểm địa phương, xây dựng lực lượng nòng cốt vững mạnh. Bảo đảm an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn, chủ động đấu tranh ngăn chặn hoạt động của một số “đạo lạ, tà đạo”. Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị triển khai Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tỉnh gọn,

hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Chú trọng chỉ đạo xây dựng lực lượng Công an tỉnh vững về chính trị, tư tưởng, tổ chức, vững về chuyên môn nghiệp vụ “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. Hoàn thành việc bố trí đội ngũ công an chính quy làm công an xã tại 100% xã, thị trấn” [125, tr.67-69].

3.3.2.4. Phát triển toàn diện văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội

Triển khai sâu rộng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng NTM cùng phong trào xây dựng “làng văn hóa”, “khu dân cư tiên tiến”; “gia đình văn hóa”, “đơn vị, cơ quan có nếp sống văn hóa” được người dân tích cực ủng hộ. Tỉnh đã có 92,7% làng (xóm, thôn, tổ dân phố) năm 2018 được công nhận “Làng văn hoá” và đạt “Gia đình văn hoá” 82,9% hộ gia đình; đạt Tiêu chí văn hóa 100% số xã, so với năm 2010 tăng 81,8% , 29,7% so với năm 2015 [153, tr.15].

Tỉnh chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện Nghị quyết 07-NQ/TU “xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh góp phần thúc đẩy phát triển KT- XH tỉnh Nam Định”. “Hệ thống thiết chế văn hoá được đầu tư xây dựng, mở rộng góp phần tăng cao đời sống tinh thần cho người dân. Năm 2020, toàn tỉnh có hơn 93% (thôn, xóm, tổ dân phố) đạt được danh hiệu văn hóa; đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá 83% số gia đình; cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá là 80% tổng số... đạt được nhiều kết quả tích cực trong nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá. Hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp quần thể Khu lưu niệm và khánh thành tượng đài cố Tổng Bí thư Trường Chinh ở huyện Xuân Trường. Công tác tổ chức, quản lý các lễ hội có chuyển biến tích cực; nhất là các lễ hội có quy mô lớn. Sự nghiệp văn hóa, nghệ thuật và văn học có bước phát triển; các Đoàn nghệ thuật của tỉnh, các đơn vị sự nghiệp văn hóa được hợp nhất theo chủ trương Nghị quyết Trung ương 6 của Đảng (khóa XII). Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được đẩy mạnh gắn với thực hiện các tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới. Bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, loại bỏ dần hủ tục lạc hậu; thực hiện lời

sống văn minh gắn với các nội dung xây dựng làng, khu dân cư và gia đình văn hóa đạt kết quả tích cực”.

Triển khai nhanh hoạt động thể dục, thể thao, đặc biệt là thể thao quần chúng; tỉnh có hơn 35% dân số thường xuyên tập luyện thể dục và thể thao. “Thể thao cao đạt thành tích tốt tại các giải thể thao trong nước và quốc tế. Xã hội hóa thể dục, thể thao có bước tiến bộ, đặc biệt là việc đầu tư và mở rộng các cơ sở phục vụ tập luyện của người dân; Câu lạc bộ Bóng đá Nam Định chuyển sang hình thức doanh nghiệp quản lý”...

“Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát huy năng lực sản xuất, sử dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có, nâng cao chất lượng chương trình phát thanh và truyền hình. Báo Nam Định đổi mới theo hướng báo chí đa phương tiện, mở rộng giới thiệu sản phẩm, tăng kỳ, đáp ứng nhu cầu thông tin của cán bộ, đảng viên và người dân trong tỉnh” [153, tr.64-65].

Ngành giáo dục và đào tạo liên tục trong топ đầu về chất lượng giáo dục cả nước

Đến năm 2019, Giáo dục và Đào tạo phát triển về quy mô, chất lượng đào tạo toàn diện, liên tục đứng đầu cả nước trong nhóm tỉnh. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trường học các cấp; nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục các cấp học, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; phát triển rộng khắp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đạt kết quả tốt đẹp. Năm 2018, công nhận Nam Định đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi, Tiểu học đúng độ tuổi, Tiểu học cấp độ 3, Trung học cơ sở mức độ 2; học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học phổ thông, bổ túc, trung cấp đến năm 2018 đạt hơn 92% [153, tr.15].

Triển khai “tích cực đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục-đào tạo, chuyển từ cung cấp kiến thức, kỹ năng sang phát triển năng lực, phẩm chất người học. Tập trung đổi mới phương pháp dạy - học, phương pháp, hình thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả. Chất lượng giáo dục phổ thông nâng cao, luôn

duy trì ở tốp đầu toàn quốc về chất lượng và tỷ lệ đạt giải”. Năm năm (2015-2020), trong các kỳ thi trung học phổ thông, có 4 năm số điểm trung bình của tỉnh Nam Định đứng đầu toàn quốc, 1 năm đứng thứ hai toàn quốc. Chất lượng dạy, học ngoại ngữ được chú trọng và có bước phát triển. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học đạt kết quả tích cực. “Hệ thống trường học các cấp cơ bản được xây dựng mới, khang trang, sạch đẹp, trang thiết bị dạy học được bổ sung, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Toàn tỉnh đã đạt chuẩn và bền vững nhiều năm phổ cập tiểu học mức độ III và trung học cơ sở mức độ II; có 655/738 trường đạt chuẩn quốc gia”, cơ bản đạt các chỉ tiêu đề ra. “Củng cố, phát triển hệ thống trường đại học, cao đẳng, trung cấp trong tỉnh và tập trung triển khai nghiên cứu, sắp xếp lại phù hợp nhu cầu xã hội. Phát triển sâu rộng xã hội học tập, khuyến học, khuyến tài, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo” [125, tr.65-66].

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân chuyển biến tích cực

Nâng cấp các trạm y tế xã và được bổ sung trang thiết bị khám, chữa bệnh, nhiều trạm đạt được tiêu chí xanh-sạch-đẹp; nâng cao trình độ đội ngũ y, bác sỹ. Thường xuyên truyền thông giáo dục sức khỏe, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh. Năm 2018, người dân có bảo hiểm y tế đạt 85,2%. 100% xã đạt Tiêu chí Y tế năm 2018, tăng 79,4% so với năm 2010, 25,8% so với năm 2015 [153, tr.15]. Ngành y tế được đầu tư, nâng cấp hiện đại trang bị thiết bị y tế; thực hiện tốt việc tiếp nhận, chuyển giao kỹ thuật mới, chuyên sâu giữa các tuyến y tế. “Tăng cường đội ngũ cán bộ y tế, toàn tỉnh trung bình có 9 bác sĩ/1 vạn dân, có 31 giường bệnh/1 vạn dân. Tăng cường quản lý nhà nước về y dược; giám sát, quản lý chặt chẽ chất lượng thuốc trong tỉnh. Chất lượng khám, chữa bệnh chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế năm 2020 là 91% dân số. Triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác y tế dự phòng. Trước diễn biến khó lường của đại dịch Covid-19 lan rộng và bùng phát toàn cầu, tỉnh triển khai quyết liệt,

chủ động, kịp thời, đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch; huy động hệ thống chính trị và toàn thể người dân vào cuộc thực hiện quyết liệt biện pháp phòng, chống, cách ly, không để dịch bệnh lây lan; hạn chế, giảm thiểu dịch bệnh góp phần ổn định đời sống người dân” [125, tr.66].

Chăm lo thực hiện công tác đảm bảo an sinh xã hội, lao động, việc làm

Trong 5 năm (2015-2020) “đem lại việc làm cho hơn 165.000 lượt người (trong đó có 10 nghìn người đi lao động ở nước ngoài), mỗi năm tạo việc làm cho 33 nghìn lượt người. Triển khai kịp thời chế độ, chính sách ưu đãi người có công và thân nhân người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách. Thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững hiệu quả; hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giảm 1%/năm, hết năm 2020 chỉ còn dưới 1% (trừ đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội). Lao động đã đào tạo có việc làm năm 2015 tăng từ 60% lên 72% năm 2020. Thực hiện an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm thất nghiệp hiệu quả. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, hỗ trợ an sinh xã hội, ứng phó với dịch bệnh Covid-19” [125, tr.67].

3.3.2.5. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2015-2020) về xây dựng Đảng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhiệm vụ xây dựng Đảng được đẩy mạnh trên các lĩnh vực phục vụ xây dựng NTM:

“Thực hiện nghiêm các quan điểm, đường lối của Đảng; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng sáng tạo các nghị quyết Trung ương phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh bằng việc xây dựng, ban hành các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chương trình hành động,... để thực hiện. Việc chỉ đạo quán triệt, thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng được truyền hình trực tiếp, trực tuyến, kết hợp với các hình thức truyền thống để đảm bảo

thiết thực, hiệu quả; số cán bộ, đảng viên tham dự học tập cao, bình quân từ 85 đến 90%”.

Bản lĩnh chính trị, trí tuệ, trình độ, tính chiến đấu của Đảng bộ được nâng cao. Phần lớn cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định đường lối đổi mới của Đảng, kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và những nguyên tắc trong xây dựng Đảng; giữ vững, phát huy bản chất của giai cấp công nhân; phát huy vai trò gương mẫu, tiên phong của cán bộ và đảng viên. Phát huy năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy Đảng, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Đặc biệt quan tâm chống các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Thường vụ Tỉnh ủy “lập Ban Chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch” theo Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) (22-10-2018); kiên quyết đấu tranh phê phán, chủ động phòng ngừa, xử lý, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Coi trọng “nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần giải quyết nhanh những vấn đề đột xuất phát sinh và phục vụ hiệu quả việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy. Thường xuyên duy trì hoạt động báo cáo viên, xuất bản Thông tin nội bộ, cung cấp thông tin định kỳ cho sinh hoạt chi bộ. Đổi mới, nâng cao công tác thông tin, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội”, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước và xây dựng NTM.

Coi trọng đào tạo, giáo dục lý luận chính trị. Toàn tỉnh “mở 66 lớp với 5.246 học viên học tập cao cấp, trung cấp lý luận chính trị. Công tác khoa giáo, lịch sử Đảng, giáo dục truyền thống cách mạng được tăng cường. 16/16 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy xuất bản Lịch sử Đảng bộ đến năm 2000 và 2010; MTTQ và các đoàn thể trong tỉnh xuất bản lịch sử truyền thống của ngành mình;

224/226 xã, phường, thị trấn hoàn thành việc xuất bản lịch sử địa phương. Đưa giảng dạy lịch sử đảng bộ vào hệ phổ thông và Trung tâm chính trị huyện đi vào nề nếp”. Tỉnh ủy cùng với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xuất bản Kỷ yếu “Đồng chí Trường Chinh-Nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng, người con ưu tú của quê hương Nam Định” và tổ chức tốt hoạt động kỷ niệm ngày sinh của các lãnh đạo tiền bối của Đảng, các sự kiện quan trọng của tỉnh (đã tổ chức tốt đợt cao điểm tuyên truyền sâu rộng kỷ niệm “70 năm Bác Hồ ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc”; “50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh” và 50 năm Ngày mất của Người; “Lễ kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Tổng Bí thư Trường Chinh”; “100 năm Ngày sinh Thượng tướng Song Hào”; Lễ đón nhận Bằng UNESCO ghi danh “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt”; “Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020...”); tạo “hiệu ứng xã hội sâu rộng, góp phần động viên cán bộ và đảng viên cùng các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia thi đua yêu nước nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX”.

Thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII), Chỉ thị số 05-CT/TW và các quy định về nêu gương đạt nhiều kết quả tích cực. “Phát huy vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, người đứng đầu cấp ủy và các đoàn thể thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Các cấp ủy ban hành kế hoạch và chương trình hành động sau quán triệt Nghị quyết, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, cơ quan, đơn vị để thực hiện. Chỉ đạo mỗi cán bộ, đảng viên có kế hoạch thực hiện cam kết hàng năm về giữ gìn đạo đức, lối sống, phẩm chất chính trị, làm cơ sở đánh giá và xếp loại cuối năm. Chỉ đạo chặt chẽ, có chất lượng việc tự phê bình, phê bình theo quy định của Trung ương và của tỉnh. Việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể và cá

nhân cán bộ lãnh đạo của tỉnh theo hướng lượng hóa các tiêu chí bằng thang điểm góp phần đảm bảo việc đánh giá và xếp loại cán bộ thực chất và hiệu quả”. Sau kiểm điểm, các tập thể, cá nhân chú trọng sửa chữa hạn chế và khuyết điểm, nhất là những việc cần làm ngay. Hầu hết các cấp ủy và tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, giải quyết có hiệu quả các vấn đề nổi cộm, phức tạp tại đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách; duy trì trực tiếp việc đối thoại với nhân dân. “Từ năm 2016 - 2019, Thường vụ Tỉnh ủy, huyện ủy và thành ủy tiến hành kiểm điểm 232 tập thể, cá nhân theo phân cấp quản lý; kết quả sau gọi ý kiểm điểm góp phần nâng cao hiệu quả làm việc của một số tập thể, cơ quan, đơn vị”.

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được thực hiện đồng bộ “với các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, phương châm trách nhiệm càng cao càng phải gương mẫu. Ban hành đầy đủ và kịp thời các văn bản triển khai “Chỉ thị số 05-CT/TW” đã đặt ra yêu cầu đối với cấp ủy, địa phương và đơn vị thực hiện đi vào chiều sâu, ngày càng thiết thực (tỉnh ban hành 22 văn bản; các Đảng bộ huyện, thành phố và trực thuộc tỉnh ban hành 325 văn bản; hệ thống tuyên giáo từ tỉnh đến huyện ban hành 75 văn bản triển khai thực hiện). Nhiều cơ quan và đơn vị xây dựng, thực hiện chuẩn mực đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm tập thể và cá nhân trong điều hành thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao. Duy trì thực hiện nghiêm sinh hoạt Đảng, chế độ giao ban, phối hợp mở rộng dân chủ trong thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo tập thể, trách nhiệm cá nhân. Chỉ đạo chú trọng thực hiện 6 nhóm nội dung của Chỉ thị, trong đó tập trung việc học tập chuyên đề toàn khóa và hằng năm; đưa việc thực hiện Chỉ thị vào chương trình, kế hoạch hành động của cấp ủy gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết nhanh những vấn đề trọng tâm, bức xúc ở các địa phương, đơn vị. Gắn thực hiện Chỉ thị với tổ chức các phong trào thi đua

yêu nước và các cuộc vận động của các cấp, các ngành, tạo hiệu ứng tích cực trong toàn xã hội”. Trong tổ chức thực hiện Chỉ thị xuất hiện những mô hình hay và cách làm thiết thực như: “Phụ nữ Nam Định thực hành tiết kiệm mua bảo hiểm y tế vì sức khỏe gia đình”; “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới”; “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi”, “Mô hình quân dân y kết hợp và hoạt động khám, cấp thuốc miễn phí cho các đối tượng chính sách”....), tập thể, những cá nhân điển hình tiên tiến (toàn tỉnh có 584 tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, phong cách và đạo đức Hồ Chí Minh được các cấp khen thưởng, trong đó có 80 gương được UBND tỉnh tặng bằng khen. Đội mới mạnh mẽ công tác và có nhiều chuyển biến tích cực công tác xây dựng Đảng).

Tỉnh ủy đã chỉ đạo rà soát, nghiên cứu xây dựng và ban hành đồng bộ các văn bản về công tác cán bộ “sửa đổi, bổ sung ban hành Quy định về phân cấp bổ nhiệm, quản lý và giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định và kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ; Quy định tiêu chuẩn cán bộ quản lý, lãnh đạo thuộc diện quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy định và Bộ tiêu chí đánh giá xếp loại mức độ của các địa phương, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị... hoàn thành nhiệm vụ). Đặc biệt, với việc tiếp tục đánh giá công tác cán bộ là then chốt, Tỉnh ủy đã xây dựng, ban hành, tổ chức triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 20-10-2016 về “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ năm 2016 đến năm 2020 và những năm tiếp theo”. Công tác cán bộ đã có nhiều đổi mới: Việc thực hiện quy trình nhân sự có sổ dư; nhân sự báo cáo chương trình hành động trước Ban Thường vụ; tăng cường luân chuyển, điều động cán bộ; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác với cán bộ đã công tác 10 năm liên tục ở một địa phương, cơ quan, đơn vị (trừ chức danh buộc phải luân chuyển và điều động theo quy định)... Sau 5 năm thực hiện, chất lượng cán bộ lãnh đạo và quản lý của tỉnh được nâng lên. Việc

bố trí, sử dụng cán bộ hầu hết phù hợp với trình độ, năng lực và yêu cầu công tác; khắc phục được tình trạng bản vị, khép kín của các địa phương trong công tác cán bộ. Việc luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ được tăng cường; các cấp ủy luân chuyển 385 lượt cán bộ. Trong 5 năm, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ các huyện và thành phố có từ 1 cán bộ nữ; 10/10 huyện và thành phố có từ 1 nữ trong Thường trực Huyện ủy, Thành ủy do cán bộ luân chuyển đến đảm nhận” (có 6/10 huyện, thành phố có Bí thư không phải người tại chỗ).

Quan tâm đào tạo và bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ: “tổ chức tốt 4 lớp bồi dưỡng cho hơn 400 cán bộ đã quy hoạch các chức danh do Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Cử đào tạo chuyên môn và lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức cho hơn 10.200 lượt cán bộ. Quy hoạch ở 3 cấp cơ bản đạt yêu cầu về tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ và cơ cấu cán bộ ở 3 độ tuổi. Từ năm 2015, quy hoạch gần 10.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức được rà soát, bổ sung.

Tập trung chỉ đạo công tác xây dựng, kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 1178-QĐ/TU về đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ để kịp thời chấn chỉnh tổ chức đảng và đảng viên vi phạm các quy định của Đảng; ban hành Bộ tiêu chí đánh giá tổ chức đảng, đảng viên hằng năm góp phần để việc đánh giá phân loại hằng năm ngày càng thực chất. Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 89,4%; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 87,85%. Việc đánh giá và xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý đảm bảo hiệu quả, thực chất gắn với thực hiện nhiệm vụ của địa bàn, cơ quan, đơn vị. Quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; việc thẩm tra, xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị thực hiện tốt, phục vụ công tác cán bộ và phát triển đảng viên để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Trong 5 năm đã kết nạp 11.084 đảng viên mới (trong đó: 6.965 đoàn viên thanh niên; 555 người theo các tôn giáo...).

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy “tập trung lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp bộ máy và cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) của Đảng”. Sau 4 năm triển khai được 54 Đề án tổ chức bộ máy (khối Đảng 7 đề án; khối chính quyền 47 đề án) tinh giản 225 đầu mối cấp phòng (Nghị quyết 18-NQ/TW giảm 28 đầu mối, Nghị quyết 19-NQ/TW giảm 223 đầu mối; tinh giản 1.711 biên chế. “Thực hiện chủ trương Trưởng ban Dân vận kiêm Chủ tịch Ủy ban MTTQ các huyện Vụ Bản, Mỹ Lộc. Thí điểm hợp nhất Văn phòng huyện ủy, Văn phòng HĐND - UBND ở 3 huyện (Nam Trực, Vụ Bản, Giao Thủy); hợp nhất Ban tổ chức Huyện ủy và Phòng nội vụ huyện Vụ Bản. Thực hiện chủ trương Trưởng ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị tại 10/10 huyện, thành phố); giảm 218 cấp trưởng, 62 cấp phó phòng; 26 đơn vị chuyển tự chủ kinh phí; giải thể 8 đơn vị... Vận hành mô hình Văn phòng cấp ủy phục vụ cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức các Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ tỉnh (Ban Tổ chức Tỉnh ủy giảm 1 phòng, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giảm 1 phòng, Tuyên giáo Tỉnh ủy giảm 2 phòng, Ban Dân vận Tỉnh ủy giảm 1 phòng. Chuyển 9 biên chế và trang bị phục vụ khám, chữa bệnh từ Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ tỉnh về Bệnh viện Đa khoa tỉnh). Hợp nhất Đảng bộ khối cơ quan tỉnh với Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh thành Đảng bộ khối các cơ quan, doanh nghiệp tỉnh. Hoàn thành Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2019-2021 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị (giảm 3 đơn vị cấp xã: Huyện Hải Hậu sáp nhập xã Hải Toàn vào Hải An; Huyện Nghĩa Hưng sáp nhập xã Nghĩa Phúc vào xã Nghĩa Thắng; Huyện Ý Yên sáp nhập xã Yên Xá vào thị trấn Lâm). Toàn tỉnh có 226 đơn vị hành chính cấp xã). Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản và cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức; tinh giản 3.968 biên chế (12,61%), (Khối đảng, đoàn thể giảm 127 biên chế (10,47%); khối chính

quyền giảm 3.841 biên chế (12,69%) so với năm 2015) [16, tr.99]. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan, đơn vị, giúp tiết kiệm hàng trăm tỷ đồng”. Do làm tốt công tác tư tưởng nên việc tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế tạo ra không nhiều xáo trộn, tâm tư, ảnh hưởng đến đơn vị. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng được coi trọng, kỷ cương, kỷ luật của Đảng được giữ vững.

Tổ chức “quán triệt, thực hiện kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, chỉ đạo của Trung ương Đảng về kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng”. Ban hành, sửa đổi, bổ sung “Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015-2020”; “Quy định về kiểm tra, giám sát kê khai tài sản cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp triển khai thực hiện nghiêm Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm theo Điều lệ Đảng, theo quy định của Trung ương, sát với thực tế địa phương; tập trung giám sát, kiểm tra những lĩnh vực phức tạp và những vấn đề đang được dư luận quan tâm; chỉ đạo xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo các tổ chức đảng và đảng viên. Thực hiện nghiêm minh, kịp thời việc thi hành kỷ luật Đảng; ban hành Quy định cung cấp thông tin cho báo chí sau các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy góp phần công khai, minh bạch, phòng ngừa, răn đe các tổ chức đảng, đảng viên. Sau 5 năm (2015-2020), các cấp ủy kiểm tra 4.570 tổ chức đảng, 4.577 đảng viên; giám sát chuyên đề 3.990 tổ chức đảng, 3.911 đảng viên; kỷ luật 26 tổ chức đảng (khiển trách 18, cảnh cáo 8), 1.917 đảng viên (khiển trách 1.610, cảnh cáo 245, cách chức 24, khai trừ 38). Ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra khi có biểu hiện vi phạm với 29 tổ chức đảng, 302 đảng viên; giám sát 3.044 tổ chức đảng, 1.496 đảng viên; thi hành kỷ luật 301 đảng viên (khiển trách 56, cảnh cáo 45, khai trừ 200). Công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng và giám sát góp phần chấn chỉnh, uốn nắn, khắc phục, ngăn chặn, phòng ngừa thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm, giữ gìn sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng bộ các cấp” [125, tr.100].

Tích cực “triển khai công tác nội chính, phòng và chống tham nhũng. Tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm quy định của Đảng và Nhà nước về nội chính, phòng chống tham nhũng. Ban hành “Quy định về phối hợp Ban Nội chính” Tỉnh ủy với các huyện ủy, thành ủy trong công tác nội chính, phòng chống tham nhũng”; “Quy chế phối hợp giữa các cơ quan khối nội chính trong phòng, chống tham nhũng” và phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án phức tạp, nghiêm trọng mà dư luận xã hội quan tâm. Thực hiện nghiêm “Quy định số 11-QĐ/TW của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân”; Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 22-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố trên địa bàn”. Chỉ đạo “chú trọng phát hiện, xử lý tình trạng “tham nhũng vặt” theo chỉ đạo của Tổng Bí thư. Đôn đốc, chỉ đạo các cấp, ngành chú trọng giải quyết tố cáo, khiếu nại, phản ánh của Nhân dân; tạo chuyển biến rõ hơn so với nhiệm kỳ trước. Trong 5 năm (2015-2020) phát hiện 35 vụ án tham nhũng với 132 bị can, đã xét xử 26 vụ với 111 bị cáo; thu hồi hơn 11 tỷ đồng” [125, tr.101].

Tiếp tục thực hiện hiệu quả “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị” nhằm “nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố và xét xử, thi hành án, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, quyền và các lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Thường xuyên chỉ đạo nâng cao hiệu quả phòng và chống tội phạm, giải quyết các vụ án trọng điểm. Chỉ đạo các cơ quan tố tụng tập trung giải quyết kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với các vụ án về tham nhũng, kinh tế được phát hiện. Cơ quan thanh tra tiến hành 1.530 cuộc thanh, kiểm tra, tập trung ở các lĩnh vực dễ sinh ra tiêu cực như: Quản lý xây dựng, quản lý đất đai, quản lý tài chính ngân sách”...

Hệ thống “dân vận các cấp được tiếp tục củng cố; bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình; nâng cao vai trò giúp cấp ủy triển khai công tác dân vận, giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp ở cơ sở”. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả “Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”; “Quy chế dân chủ ở cơ sở”. Tổ chức tốt các hoạt động đối thoại với nhân dân; phát huy vai trò của người dân tham gia giám sát các cấp chính quyền. Đẩy mạnh Chương trình Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh. Thường vụ Tỉnh ủy ban hành “Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, gắn với phong trào thi đua yêu nước và xây dựng tiêu biểu “Dân vận khéo”, (toàn tỉnh đã xây dựng được 3.545 mô hình, điển hình “Dân vận khéo” ở lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, trong đó có 2.066 mô hình tập thể, 1.479 điển hình cá nhân).

Tăng cường “hiệu quả quản lý, điều hành, hiệu lực của các cấp chính quyền. Tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021; số cử tri đi bầu cử đạt 98,19%: bầu đủ 9/9 đại biểu Quốc hội, 67/67 đại biểu HĐND tỉnh, 391/394 đại biểu HĐND cấp huyện và 5.954/6.148 đại biểu HĐND cấp xã.

HĐND các cấp có nhiều đổi mới: HĐND chú trọng sử dụng công nghệ thông tin để hoạt động; thảo luận và quyết định dân chủ, công khai nhiều vấn đề quan trọng, ban hành Nghị quyết các kỳ họp phục vụ hiệu quả mục tiêu của địa phương về phát triển kinh tế - xã hội. HĐND tăng cường giám sát tập trung ở những vấn đề cấp bách cử tri và dư luận nêu”. Tiếp xúc cử tri và công tác dân nguyện được Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và HĐND các cấp thực hiện theo luật định; trả lời nghiêm túc các ý kiến và kiến nghị của cử tri trong kỳ họp Hội đồng.

Ủy ban Nhân dân các cấp “chú trọng thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về phát triển KT- XH và quốc phòng, an ninh đảm bảo, xây dựng NTM, văn minh

đô thị. Thực hiện nghiêm Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh kỷ cương và kỷ luật, đạo đức công vụ”.

Tích cực chỉ đạo cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số; minh bạch và công khai về quản lý ngân sách, tài sản công; góp phần ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực.

Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao “Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh” (PCI), “Chỉ số cải cách hành chính” (Par Index), “Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh” (PAPI) và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS).

“Ủy ban nhân dân tỉnh lập tổ công tác soát xét việc giải quyết các khiếu nại và tố cáo phức tạp đông người, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo do Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao”.

Thành lập và thực hiện hiệu quả “Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Nam Định”; khai trương và hoạt động thí điểm “Trung tâm Điều hành đô thị thông minh”, triển khai “thí điểm dịch vụ đô thị thông minh” tỉnh. “Tập trung sắp xếp các cơ sở sự nghiệp công lập, các cơ sở tự chủ đảm bảo một phần và toàn bộ kinh phí hoạt động (đã giảm 3 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; giảm 4 đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện; giảm 199 đơn vị sự nghiệp).

Chỉ đạo đẩy mạnh tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành, cấp huyện theo hướng thực hiện nhiều nhiệm vụ, tránh chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, hoạt động của chính quyền”.

Quản lý nhà nước về tôn giáo và tín ngưỡng được thực hiện theo hướng chủ động; giải quyết nhanh nhu cầu hợp pháp hoạt động tôn giáo trong tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên đổi mới, “nâng tầm chất lượng hoạt động; tích cực giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng và chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước; tổ chức

tốt việc đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện, đoàn kết giúp nhau làm kinh tế... để sự ổn định chính trị cơ sở, an ninh nông thôn được đảm bảo”. Mặt trận Tổ quốc triển khai hiệu quả các giao ước thi đua giữa Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” giai đoạn 2015-2020. Hăng hái vận động ủng hộ xây dựng quỹ “Vì người nghèo”, (trong 5 năm, đã giúp đỡ xây mới và sửa chữa 1.053 nhà cho hộ nghèo trong tỉnh). Phối hợp thực hiện chương trình đánh giá sự hài lòng của Nhân dân với quá trình hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; lấy ý kiến của Nhân dân về kết quả xây dựng NTM tại các huyện, thành phố. “Hình thành rõ cơ chế và phương thức vận hành công tác giám sát, phản biện xã hội. Tăng cường củng cố đoàn kết tôn giáo, tích cực vận động đồng bào các tôn giáo sống tốt đời đẹp đạo, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước.

Quyền và lợi ích chính đáng của người dân lao động được các cấp công đoàn tập trung chăm lo, bảo vệ. Nhân dân lao động và chính quyền, chủ sử dụng lao động được tổ chức đối thoại để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động. Tổ chức hiệu quả Phong trào thi đua lao động giỏi, sáng tạo. Phát triển mới 127 công đoàn cơ sở với 66.287 đoàn viên, nâng tổng số công đoàn cơ sở lên 1.744 với 140.251 đoàn viên, đạt tỷ lệ thu hút 74,8% trong 5 năm”.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp “giúp phụ nữ tham gia giải quyết vấn đề xã hội có liên quan, thúc đẩy bình đẳng giới; đẩy mạnh các hoạt động giúp phụ nữ sáng tạo trong khởi nghiệp, giảm nghèo và quan tâm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tích cực xây dựng NTM (hội phụ nữ các cấp đã xây dựng 389 mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch xây dựng nông thôn mới”; mô hình tuyến đường “xanh - sạch - đẹp” với 1.500 km đường hoa do phụ nữ đảm nhận; giúp 1.300 hộ phụ nữ thoát nghèo theo tiêu chí đa chiều; thành lập 1.553 nhóm “Phụ nữ tiết kiệm mua Bảo hiểm Y tế - Vì sức khỏe gia đình”...). Tập hợp thu hút

được 20.460 hội viên, đưa số hội viên lên 415.947, đạt tỷ lệ thu hút 82,3% trong 5 năm”.

Hội Nông dân các cấp “tích cực vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân tham gia xây dựng NTM; các phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, mô hình chăn nuôi tập trung, các mô hình tổ hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm”. Các cấp Hội Nông dân tổ chức tốt các dịch vụ, tư vấn, dạy nghề và hỗ trợ nông dân đẩy mạnh sản xuất (hàng năm đã thu hút trên 150 nghìn hộ nông dân đăng ký tham gia và có trên 50% số hộ các cấp đăng ký tham gia đạt được danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi ...). “Xây dựng được 135 mô hình Hội nông dân cơ sở tham gia bảo vệ môi trường nông thôn. Phát triển mới 32.785 hội viên, đưa số hội viên của tỉnh lên 321.021 hội viên, đạt tỷ lệ thu hút 75,7%”.

Hội Cựu chiến binh các cấp triển khai hiệu quả phong trào “Cựu chiến binh Nam Định chung sức xây dựng nông thôn mới và khu dân cư văn hóa”. Xây mới 217 nhà nghĩa tình cho hội viên hoàn cảnh khó khăn từ quỹ “Vòng tay đồng đội”. “Kết nạp 22.289 hội viên mới, đưa tổng số hội viên toàn tỉnh lên 112.264 hội viên, đạt tỷ lệ thu hút 97,2% trong 5 năm”.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp “thường xuyên đổi mới phương thức giáo dục, tuyên truyền các giá trị truyền thống, tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc, cho đoàn viên thanh niên lý tưởng cách mạng. Ra sức đoàn kết, tập hợp thanh niên tham gia các phong trào tình nguyện vì cộng đồng và hành động cách mạng (khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho 8.367 người có công, người nghèo; hiến hơn 21.000 đơn vị máu; tư vấn nghề nghiệp cho 58.000 học sinh, tư vấn khởi nghiệp cho gần 4.000 đoàn viên thanh niên). Giới thiệu kết nạp 6.965 đảng viên là đoàn viên ưu tú (chiếm 62,8%/tổng số kết nạp đảng). Phát triển mới 87.222 đoàn viên, đạt tỷ lệ thu hút 75%”.

Các tổ chức xã hội, xã hội và nghề nghiệp hoạt động đúng tôn chỉ mục đích, triển khai tốt các nhiệm vụ chính trị, các chương trình phát triển KT- XH của tỉnh, kịp thời giải quyết nhu cầu của hội viên.

Đảng bộ tỉnh Nam Định quan tâm lãnh đạo đồng bào các vùng Công giáo phát huy sức mạnh của tổ chức tôn giáo, kết hợp xây dựng hài hòa đời sống văn hóa, vật chất, chú trọng phát triển KT-XH gắn kết đặc thù văn hóa địa phương thực hiện chương trình xây dựng NTM. Giao Thủy là nơi dẫn đầu tỉnh về phong trào xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu, thể hiện sự thành công về triển khai chủ trương này trong vùng có đa số đồng bào theo đạo Thiên Chúa. Đảng bộ tỉnh đề ra chủ trương, phương hướng cụ thể để xây dựng NTM ở các vùng đồng bào Công giáo. Tổ chức Giáo hội giữ vai trò quan trọng trong tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng NTM. Các vùng này nhờ phát huy kết hợp tinh thần yêu nước với trách nhiệm công dân của người theo đạo và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước hài hòa nên gặt hái nhiều thành công. Các hoạt động cụ thể như phát triển hạ tầng cơ sở, sửa chữa, nâng cấp công trình công cộng, góp công cải thiện cho Nhân dân về đời sống vật chất. Hỗ trợ người dân phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng và phát triển ngành nghề truyền thống để tăng thu nhập. Chương trình chú trọng “xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, giữ gìn giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống tốt đẹp của cộng đồng”. Hoạt động xây dựng NTM được lồng ghép, gắn kết các hoạt động tôn giáo như các buổi lễ, sinh hoạt cộng đồng, tạo đồng thuận, hưởng ứng tích cực từ người dân. Huyện Giao Thủy là địa phương dẫn đầu tỉnh về xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu. Huyện là một huyện đầu tiên của cả nước được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, thể hiện sự hiệu quả trong lãnh đạo xây dựng NTM vùng đồng bào công giáo của tỉnh. Và như vậy, Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thắng lợi việc thực hiện chủ trương xây dựng NTM trong các vùng Nhân dân theo Công giáo, đóng góp quan trọng cho tỉnh phát triển.

Trong những năm 2015-2020: công tác xây dựng Đảng được nâng cao chất lượng; tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị.

Tỉnh ủy xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện “Nghị quyết số 04-NQ/TU về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020”. “Tháng 10-2019, Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận tỉnh Nam Định đã hoàn thành xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020; Chủ tịch nước tặng tỉnh Huân chương Độc lập hạng Ba trong Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”. Tỉnh Nam Định vinh dự được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn và tiến hành thành công Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”. Với chủ trương đúng đắn, sáng tạo, Đảng bộ tỉnh Nam Định đã lãnh đạo đồng bộ hệ thống chính trị cùng nhân dân trong tỉnh xây dựng NTM hoàn thành sớm hơn 1,5 năm so với kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, sớm hơn 11,5 năm so với yêu cầu, là một trong hai tỉnh trong cả nước hoàn thành xây dựng NTM.

Diện mạo nông thôn có bước thay đổi mạnh mẽ (năm 2020 thu nhập đầu người bình quân khu vực nông thôn đạt 52 triệu đồng/người, gấp 4,1 lần so với trước xây dựng NTM; thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm còn khoảng cách 1,35 lần). Một số công trình hạ tầng trọng điểm, nhiều khu, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại (Khu công nghiệp Hòa Xá, Khu công nghiệp Bảo Minh, Khu công nghiệp Dệt may Rạng Đông, Khu công nghiệp Mỹ Trung với tổng diện tích 1.110 ha; trong nước thu hút 178 dự án đầu tư và 44 nước ngoài có dự án đầu tư, thu hút trên 45.000 lao động. 19/24 cụm công nghiệp “thu hút 485 dự án đầu tư, đem lại việc làm cho 20.260 lao động), đóng góp gần 50% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Nam Định đã thực hiện được mục tiêu giảm nghèo bền vững. Tiếp cận đa chiều thì hộ nghèo theo chuẩn nghèo giảm bình quân 1%/năm, ... đến hết năm 2020 còn dưới 1%

(trừ các đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội). Lao động có việc làm qua đào tạo tăng từ 60% năm 2015 lên 72% năm 2020. Giáo dục đào tạo của tỉnh Nam Định tiếp tục phát huy truyền thống đứng đầu toàn quốc”. Tổ chức hệ thống chính trị và cán bộ được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Tiểu kết chương 3

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định quá trình xây dựng NTM những năm 2015-2020 cho thấy: Cấp ủy đảng và chính quyền trong hệ thống chính trị các cấp đã nhận thức rõ chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM, ban hành kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, “chương trình hành động sát đúng với đặc điểm, điều kiện của địa phương”. Trong chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM, các cấp ủy đảng và chính quyền tỉnh Nam Định đã có nhiều sáng kiến, được đông đảo nhân dân ủng hộ. Các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra trong xây dựng NTM những năm 2015-2020 đã hoàn thành thắng lợi: “Đến tháng 12-2018 toàn tỉnh đã có 100% số xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17-10-2016 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi đạt chuẩn nông thôn mới, các xã triển khai xây dựng nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 của tỉnh để không ngừng củng cố nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới hướng tới xây dựng nông thôn mới bền vững” [204, tr.6]. “Có 13 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019, dự kiến đến hết năm 2020 có thêm ít nhất 51 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Có 6 xã (*Xã Hải Thanh, Hải Quang, Hải Châu – huyện Hải Hậu, Xã Nghĩa Minh – huyện Nghĩa Hưng, xã Giao Phong – huyện Giao Thủy, xã Liên Minh – huyện Vụ Bản*) đã cơ bản hình thành các mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu “*Sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn*”. Có 10 thôn/xóm đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 131 thôn/xóm/tổ dân phố được công nhận cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” [204, tr. 6]. “Tháng 7-2019 toàn tỉnh có 100% số huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây

dựng nông thôn mới. Đến năm 2018, 10/10 huyện, thành phố luôn duy trì đạt chuẩn các tiêu chí theo Quyết định số 558/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong đó 9/9 huyện duy trì có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và 9/9 tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố Nam Định có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, các huyện, thành phố tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương” [204, tr. 6]...

Bên cạnh đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định cũng không tránh khỏi những hạn chế: Kết quả xây dựng NTM chưa đồng đều giữa các địa phương; một số tiêu chí chưa thực sự bền vững. Việc chỉ đạo lồng ghép thực hiện các nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp với xây dựng NTM ở một số địa phương chưa được quan tâm; chưa chú trọng phát triển sản xuất, ngành nghề nông thôn ở một số nơi, tổ chức sản xuất hàng hóa nông nghiệp còn chậm; ... Những khiếm khuyết đó đã ảnh hưởng nhất định đến kết quả, kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng NTM của tỉnh.

Từ thực tiễn thành công và hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM giai đoạn 2015-2020 của Đảng bộ tỉnh Nam Định đúc kết nhiều kinh nghiệm quý để tiếp tục lãnh đạo xây dựng NTM kiểu mẫu và nâng cao trong giai đoạn tiếp theo đạt hiệu quả cao để góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XX (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

4.1.1. Ưu điểm

4.1.1.1. Những ưu điểm trong hoạch định chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng bộ tỉnh Nam Định

Trong quá trình cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí và ý nghĩa rất quan trọng trong hội nhập, phát triển. Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM để nâng cao cuộc sống vật chất, tinh thần cho nông dân là nhiệm vụ chiến lược, nhằm đảm bảo phát triển bền vững đất nước. Xây dựng nông thôn mới là chương trình trọng tâm, toàn diện của Nghị quyết số 26-NQ/TW về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thực hiện đường lối của Đảng về xây dựng NTM dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Nam Định đạt được nhiều thành tựu trong hoạch định chủ trương:

Một là, Đảng bộ tỉnh Nam Định vận dụng đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của Đảng đề ra chủ trương đúng đắn, kịp thời

Quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM những năm 2008 - 2020 của Đảng bộ tỉnh Nam Định cho thấy các Đảng bộ, cấp ủy ở địa phương trong thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức:

Thứ nhất là, Đảng bộ tỉnh nhận thức đúng đắn trong từng lĩnh vực trọng yếu, “lấy xây dựng NTM là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, là cuộc vận động rộng lớn, toàn diện” đáp ứng yêu cầu cấp thiết với sự tham gia của người dân là đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, phù hợp đường lối phát triển của tỉnh. Từ đó, Đảng bộ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng mục tiêu cần đạt được, nội dung cần triển khai trong xây dựng NTM. Trong quá trình ban hành nghị quyết, Đảng bộ chú ý điều tra, khảo sát thực tiễn và xây dựng dự thảo nghị quyết về lĩnh vực nào thì giao cho cán bộ quản lý, lãnh đạo chủ chốt ở lĩnh vực đó chủ trì và xác định rõ các tổ chức, cơ quan phối hợp.

Thứ hai là, bám sát các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, vận dụng sáng tạo, sát hợp thực tiễn địa phương. Trong thực hiện, chú ý nhiệm vụ chính từng giai đoạn, bảo đảm ổn định, tránh chủ quan, nóng vội, đồng thời sớm thay đổi cách nghĩ, cách làm không thích hợp. Bám sát thực tiễn, thường xuyên sơ, tổng kết để điều chỉnh, bổ sung các quy định và chủ động ban hành quy định mới theo thẩm quyền, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đã được đề ra.

Thứ ba là, khi ban hành các quyết định phân định rõ thẩm quyền các cơ quan, tổ chức trong toàn Đảng bộ. Xác định cụ thể vai trò, trách nhiệm người đứng đầu tập thể. Phải phát huy trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và cơ quan, đơn vị, trực tiếp chỉ đạo, thường xuyên giám sát, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện tại địa phương, đơn vị. Bên cạnh đó, cần phát huy tính chủ động,

tích cực, sáng tạo của các cơ quan tham mưu trong đề xuất các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo triển khai phù hợp, hiệu quả.

Thứ tư là, xây dựng cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên vững mạnh; phát huy vai trò gương mẫu của đảng viên, đặc biệt là cán bộ, đảng viên cơ sở. Thường xuyên giáo dục, nâng cao toàn diện trình độ của cán bộ và đảng viên, đặc biệt là đảng viên là cán bộ quản lý và lãnh đạo trong nông nghiệp.

Thứ năm là, Thường xuyên kiểm tra và giám sát việc thực hiện cuộc vận động xây dựng NTM ở các cấp, ngành, các địa phương, đơn vị. Chú ý sơ kết, tổng kết, đúc kết kinh nghiệm; xử lý kịp thời những đơn vị, cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu không thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng quy định; lấy kết quả là một tiêu chí hàng đầu để xếp loại, đánh giá tập thể, cá nhân, địa phương và đơn vị hằng năm.

Trong lãnh đạo triển khai công cuộc đổi mới và xây dựng NTM, Đảng bộ tỉnh Nam Định luôn bắt đầu từ đặc điểm của tỉnh thuần nông, giàu truyền thống, kinh nghiệm canh tác nông nghiệp. Là địa phương có 72,9% số dân sống ở nông thôn, sau “Nghị quyết Trung ương 7 khóa X của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, Đảng bộ tỉnh Nam Định từ đầu nhiệm kỳ đã xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tỉnh. Trong chặng đường 12 năm xây dựng NTM, tỉnh Nam Định gặt hái kết quả quan trọng, đóng góp to lớn vào kinh tế địa phương. Là một trong hai tỉnh dẫn đầu cả nước về đích xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020, Nam Định được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành xây dựng NTM năm 2019, về đích sớm 1,5 năm so với chủ trương Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, sớm hơn 11,5 năm so với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Có kết quả đó, trong 12 năm (2008-2020), Đảng bộ tỉnh Nam Định đã thường xuyên đổi mới cách làm trong lãnh đạo trong xây dựng NTM.

Hai là, thường xuyên đổi mới việc ban hành nghị quyết trong thực hiện xây dựng nông thôn mới

Tỉnh ủy xác định việc xây dựng, ban hành nghị quyết rất cần thiết. Nội dung nghị quyết bảo đảm ngắn gọn, rõ chủ đề với mục tiêu và các nhóm giải pháp hữu hiệu cho việc tổ chức triển khai. Ban Thường vụ Tỉnh ủy vận dụng sáng tạo, linh hoạt chủ trương của Trung ương sát hợp thực tế của tỉnh; xây dựng các chương trình, kế hoạch có trọng tâm, trọng điểm, chỉ ra những nhiệm vụ mang tính đột phá để quyết tâm thực hiện. Trong xây dựng nghị quyết, tỉnh phát huy vai trò triệt để của sở, ngành, từ chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt tích cực, chủ động tham mưu cho Đảng bộ và UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách hướng dẫn thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

Đến hết năm 2015, cả tỉnh có 112 xã (53,6% trong tổng số xã của tỉnh) đã được công nhận đạt chuẩn NTM, và để chuyển sang giai đoạn huy động mọi nguồn lực triển khai toàn diện “Chương trình xây dựng nông thôn mới”, Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh (nhiệm kỳ 2015-2020) đề ra nhiệm vụ “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, triển khai toàn diện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới”,... đến năm 2020 đạt “tỉnh nông thôn mới”. Lắng nghe và tiếp thu ý kiến từ thực tiễn các địa phương và đơn vị trong tỉnh, phát huy tính dân chủ, trí tuệ tập thể, nhận thấy trong quá trình xây dựng NTM của tỉnh còn bộc lộ yếu kém như cơ cấu chuyển dịch nông thôn còn chậm, một số xã vẫn tồn tại ý thức trông chờ, ỷ lại, nợ xây dựng cơ bản của một số xã vượt khả năng thanh toán... Tỉnh ủy chủ động ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU (20-4-2016) “về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”, nhanh chóng “triển khai 8 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; 5 nghị quyết chuyên sâu toàn khóa liên quan tới nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

Trong những năm (2010-2020), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra 18 nghị quyết chuyên sâu và các chỉ thị, kết luận phù hợp, sát thực tình hình cụ thể để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM.

4.1.1.2. Ưu điểm trong quá trình chỉ đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng nông thôn mới của Đảng bộ tỉnh Nam Định

Một là, phát huy vai trò hạt nhân của các chi bộ nông thôn trong thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Nam Định về xây dựng nông thôn mới

Thực tế cho thấy, dù chủ trương, nghị quyết là đúng nhưng do chỉ đạo thực hiện không tốt nên không thể đi vào cuộc sống. Từ nhận thức đó, Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định chú trọng tổ chức quán triệt nghị quyết tập trung, kiên quyết và dứt điểm. Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng đề cương, tài liệu tuyên truyền cụ thể, sát thực, tập trung thực hiện các tiêu chí, đặc biệt là cách thức triển khai xây dựng NTM như dồn điền đổi thửa; hiến đất; đóng góp kinh phí, công sức phát triển giao thông nông thôn; thủy lợi trên hệ thống ruộng đồng; khích lệ các địa phương tích cực học tập những mô hình có hiệu quả và cách làm sáng tạo, thường xuyên sơ, tổng kết thành kinh nghiệm riêng có trên địa bàn tỉnh, như “làm từ đồng ruộng về làng, làm từ hộ gia đình ra thôn, xóm ...; lấy thôn, xóm là cơ sở và hộ gia đình là trung tâm để vận động xây dựng nông thôn mới” đến tận các chi, đảng bộ địa phương nhỏ nhất và sau đó tổng kết thành kinh nghiệm chung.

Tỉnh ủy quyết liệt chỉ đạo cấp ủy và chính quyền các cấp chú trọng cao độ cho nhiệm vụ xây dựng NTM; xác định trách nhiệm của từng tập thể và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy, gắn kết quả thực hiện xây dựng NTM với trách nhiệm cụ thể của từng cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu cấp ủy và chính quyền từng nơi, từng ngành, từng lĩnh vực; quy định chặt chẽ quan hệ giữa cấp ủy và chính quyền, Ủy ban MTTQ và đoàn thể cùng cấp... Những quy định này thực sự mang lại hiệu quả tích cực, nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM, phát huy được vai trò của cấp ủy, cơ sở đảng trong thực hiện xây dựng NTM tại địa phương, cơ quan và đơn vị.

Từng chi bộ ở nông thôn cũng có nhiều cách làm sáng tạo, giải pháp cụ thể phát huy vị trí vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở. Sau khi Đảng ủy phân công

từng thành viên trong Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ cơ sở phụ trách địa bàn dân cư dự họp với chi bộ thôn, xóm hằng tháng để nắm chắc trọng tâm trong xây dựng NTM rồi lựa chọn vấn đề, nội dung đưa vào sinh hoạt chuyên đề thiết thực, xây dựng nghị quyết lãnh đạo phù hợp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức hội, đoàn thể và đảng viên vận động người dân thực hiện. Ngoài ra, nhờ nắm rõ tình hình địa bàn, tâm lý của người dân với phương châm “hiếu dân, lắng nghe ý kiến của dân”, các chi bộ đề ra biện pháp và tổ chức thực hiện hiệu quả như giao nhiệm vụ cho đảng viên nêu gương trước, gương mẫu ủng hộ tài sản, đất đai, công sức. Từ đó, lan tỏa rộng rãi tấm gương, huy động được sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận cao của người dân.

Hai là, nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm tăng cường và phát huy cao nhất quyền của người dân, thực hiện có hiệu quả “Quy chế dân chủ ở cơ sở”; tạo điều kiện tốt nhất cho người dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền và hoàn thiện các chính sách, dự án, kế hoạch thúc đẩy KT- XH của địa phương. Người dân tham gia xây dựng NTM chủ yếu dưới 5 hình thức: tham gia ý kiến vào quy hoạch và đề án xây dựng NTM cấp xã; tham gia lựa chọn những công việc cần làm trước, làm sau, vừa thiết thực với người dân vừa phù hợp với khả năng, điều kiện của từng địa phương; quyết định mức đóng góp xây dựng công trình công cộng của thôn, xã; cử đại diện tham gia quản lý, giám sát các công trình xây dựng; tổ chức quản lý, vận hành và bảo dưỡng các công trình sau khi hoàn thành.

Thường vụ Tỉnh ủy giao cấp ủy viên phụ trách địa bàn, đơn vị thường xuyên tổ chức giám sát và kiểm tra; phân công Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh và các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch và chương trình tổ chức thực hiện; chủ động nắm tình hình để phối hợp giải quyết theo thẩm

quyền hoặc đề xuất, tham mưu Ban Thường vụ, Thường trực cấp ủy trực tiếp chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, bức xúc tại chỗ. Qua những buổi giao ban hằng quý, Ban Thường trực Tỉnh ủy kịp thời cho ý kiến chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc, định hướng những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc thực hiện có hiệu quả.

Ba là, phát huy vai trò của hệ thống chính trị thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong quá trình xây dựng nông thôn mới

Để thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, HĐND tỉnh (khóa XVII và XVIII) chú trọng ra các “nghị quyết về nông nghiệp và nông thôn”, trong đó “có nghị quyết cơ chế, chính sách về xây dựng NTM để UBND tỉnh làm cơ sở xây dựng kế hoạch, huy động nguồn lực thực hiện”. Hội đồng Nhân dân tỉnh chuẩn bị kế hoạch, giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển KT - XH, trong đó có vấn đề “xây dựng nông thôn mới”.

Ủy ban nhân dân tỉnh quán triệt, cụ thể quan điểm và chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Tỉnh ủy, từ đó chuẩn bị kế hoạch điều hành trong từng giai đoạn. Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ kiểm điểm và đánh giá, đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM gắn chặt với phát triển KT - XH; thường xuyên xin ý kiến Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy những biện pháp thúc đẩy chương trình, nhất là những địa phương thực hiện chậm. Các đoàn công tác được tổ chức làm việc trực tiếp với các huyện và thành phố tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn ở địa phương; tổ chức hội nghị, hội thảo, chỉ đạo hướng dẫn các huyện thực hiện những tiêu chí khó, đặc biệt là môi trường, sản xuất và y tế,... UBND tỉnh chủ động, tích cực chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện vai trò quản lý nhà nước trên các lĩnh vực chuyên môn, ra nhiều văn bản hướng dẫn và đôn đốc huyện, xã thực hiện những tiêu chí theo quy định; thẩm định, tham mưu cho UBND tỉnh quyết định công nhận các xã và thị trấn đạt chuẩn NTM. Giai đoạn 2010-2015, HĐND, UBND tỉnh ban hành chính sách, cơ chế hướng dẫn triển khai tiêu chí cơ bản xây dựng NTM, xây dựng thống nhất bộ máy điều hành thực

hiện. Trong giai đoạn 2016- 2020, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục đưa ra các cơ chế giúp đỡ, tháo gỡ vướng mắc của các huyện trong thực hiện tiêu chí khó về bảo vệ môi trường, bảo hiểm y tế...

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hướng về cơ sở đổi mới nội dung và cách thức hoạt động. Phối hợp với sở, ngành, địa phương tiến hành nhiều hoạt động trong đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng NTM. Chú trọng tuyên truyền, vận động dồn điền đổi thửa và chỉnh đốn đồng ruộng, huy động nguồn lực, bảo vệ môi trường nông thôn, đóng góp ngày công xây dựng NTM. Phát động phong trào thi đua triển khai các chủ trương, giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và xây dựng NTM trong các cấp hội, đoàn thể như hoạt động dịch vụ, tư vấn, dạy nghề, hỗ trợ nông dân sản xuất để nâng cao thu nhập và dạy nghề lao động nông thôn... tạo sức lan tỏa, từng bước tăng nhận thức, trách nhiệm, vai trò chủ thể của người dân xây dựng NTM.

Như vậy, quá trình chú trọng đổi mới cách thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Nam Định để xây dựng NTM đã khơi dậy vai trò của Đảng, hạn chế tình trạng bao biện làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo của cấp ủy và tình trạng ỷ lại sự chỉ đạo của cấp ủy với tổ chức các cấp, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần thực hiện thắng lợi công tác xây dựng NTM của tỉnh Nam Định.

Nhận thức rõ nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của tỉnh là xây dựng NTM nên Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định tập trung lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xây dựng NTM từ tỉnh đến cơ sở, thường xuyên được rà soát, bổ sung, kiện toàn để luôn bảo đảm chất lượng, số lượng đáp ứng yêu cầu thực hiện xây dựng NTM.

Từ năm 2008 đến năm 2015, HĐND, UBND tỉnh triển khai hỗ trợ kinh phí của tỉnh cho các địa phương xây dựng NTM, hỗ trợ 8 tỷ đồng mỗi xã, hỗ trợ 10 tỷ đồng cho xã trọng điểm xây dựng NTM; ban hành “Quy định huy

động và quản lý vốn, quản lý xây dựng nông thôn mới, cơ chế hỗ trợ xây dựng các bãi chôn, xử lý rác thải, xây mới, nâng cấp chợ, trạm y tế, hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp”,...

Từ năm 2015 đến năm 2020, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí của tỉnh cho các địa phương xây dựng NTM ở mức như giai đoạn trước và quy định mức thưởng đối với các xã, các huyện sớm về đích NTM; quy định hỗ trợ bảo hiểm y tế cho những người thuộc gia đình sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp đang có sống mức trung bình...

Sau 12 năm triển khai thống nhất các giải pháp, chương trình xây dựng NTM của tỉnh đạt được kết quả to lớn, toàn diện về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Nhờ xây dựng NTM, phát triển KT - XH, diện mạo nông thôn khởi sắc, nông thôn tăng nhanh đô thị hóa; thu hẹp đáng kể khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, cơ hội tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ, phúc lợi xã hội hiện đại của nông dân nâng lên rõ rệt; mở ra những cơ hội khai thác thế mạnh của KT-XH nông thôn.

Về những kết quả cụ thể

Sau 12 năm (2008 - 2020) dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM, Nam Định đạt được nhiều kết quả nổi bật:

Một là, kinh tế nông nghiệp liên tục phát triển, chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, ngành, nghề ở nông thôn tiếp tục phát triển nhanh và đa dạng

Bình quân “giá trị trong 1ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2010 từ 75,6 triệu đồng đến năm 2015 lên 129,5 triệu đồng và năm 2018 là 145,2 triệu đồng. Chuyển dịch tích cực cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản, giảm tỷ trọng trồng trọt. Sản xuất nông nghiệp có bước chuyển mạnh trong những năm đầu xây dựng NTM, chuyển coi trọng số lượng sang chất lượng, từ phục vụ tiêu dùng sang gắn tiêu dùng với sản xuất hàng hóa,

quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi có truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Có 590 đơn vị sản xuất, chế biến nông, lâm và thủy sản toàn tỉnh, so với năm 2010 tăng 238, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ hiện đại”. Quan tâm ở từng phân khúc trong phát triển thị trường để tiêu thụ nông sản, tập trung kinh doanh phân khúc nông sản an toàn có truy xuất nguồn gốc. Xuất khẩu trực tiếp một số sản phẩm nông nghiệp sang châu Âu và Nhật Bản. Thị trường nông sản và công nghiệp chế biến tạo động lực để nông nghiệp hàng hóa phát triển [97, tr. 2-3].

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề ở nông thôn: “Tổng giá trị sản xuất công nghiệp những năm 2010-2016 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 43.230 tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm 2015; năm 2017 đạt 48.633 tỷ đồng, tăng 12,5% so với năm 2016” [204, tr. 2-3]. Toàn tỉnh có hơn 52.000 hộ gia đình sản xuất và kinh doanh, đem lại hơn 130.000 việc làm cho người dân nông thôn; có 130 làng nghề nông thôn với 26.700 cơ sở sản xuất, kinh doanh, đem lại 63.050 việc làm.

Năm 2017 ở nông thôn có 4.500 doanh nghiệp, đem lại hơn 100.000 việc làm cho người lao động. Làm đất đạt 100%, gieo cấy đạt 45% và thu hoạch đạt 82% cơ giới hóa. Đã khảo nghiệm, bổ sung cơ cấu sản xuất hơn 20 giống cây trồng chất lượng, năng suất, chống chịu sâu bệnh, thích hợp biến đổi khí hậu trong năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018. Năm 2015 tỷ lệ diện tích trồng lúa chất lượng cao từ 60% tăng lên 71,5% năm 2017, hiệu quả sản xuất lúa tăng 7-10%. Các đơn vị, doanh nghiệp của tỉnh chọn tạo, tuyển chọn được một số giống mới có chất lượng, năng suất cao (M1, CS6) và một số giống khoai tây sạch bệnh. Tập đoàn Syngenta sản xuất thử một số giống lúa mới có triển vọng [215, tr.6],... Hiệp hội Nông nghiệp sạch tỉnh Nam Định được thành lập với 40 thành viên “để liên kết các đơn vị sản xuất kinh doanh hợp tác nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị của các sản phẩm nông cốt. Bình quân thu nhập đầu người ở nông thôn từ 35 triệu đồng/người năm 2015 tăng lên 40 triệu đồng/người vào

năm 2017; giảm hộ nghèo đa chiều từ 5,47% năm 2015 xuống 2,91% vào năm 2017, ở khu vực nông thôn tỷ lệ hộ nghèo đa chiều năm 2020 còn 0,86%, giảm 0,67%, so với năm 2019” [160, tr. 224]. Đến tháng 6-2018 “đã có 100% xã đạt Tiêu chí thu nhập, tăng 25% so với năm 2015; 99% xã đạt Tiêu chí hộ nghèo, so với năm 2015 tăng 36% và 100% xã đạt được tiêu chí lao động có việc làm, so với năm 2015 tăng 6%” [203, tr.7]. Giai đoạn 2008-2020 đã thu hút hơn 5.000 doanh nghiệp về nông thôn. Thu nhập ngoài nông nghiệp của số hộ ở nông thôn chiếm hơn 80%; năm 2020 thu nhập đầu người bình quân khu vực nông thôn đạt 52 triệu đồng/người, so với trước xây dựng NTM tăng gấp 4,1 lần; thu nhập giữa thành thị và nông thôn cách nhau 1,35 lần; cải thiện đáng kể mức sống của người nông dân, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ đối tượng bảo trợ xã hội) giảm còn dưới 1% [14, tr.58-59]. “Từ khi xây dựng nông thôn mới đến nay, tỉnh Nam Định đã chú trọng đến việc tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn. Địa phương đã đưa và phát triển được trên 5.000 doanh nghiệp về địa bàn nông thôn. Từ năm 2016 đến nay, hằng năm thu ngân sách từ nguồn bán đấu giá đất ở các khu đô thị mới thuộc trung tâm các thị trấn, thị tứ bình quân trên 2.000 tỷ đồng/năm. Đây là một trong những nguồn lực quan trọng cho xây dựng nông thôn mới. Chính vì vậy, đến nay số hộ có thu nhập ngoài nông nghiệp ở nông thôn chiếm tỷ lệ trên 80%; thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn tăng 3,5 lần so với trước khi xây dựng nông thôn mới; khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn chỉ còn 1,35 lần; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 2%” [82].

Đánh giá chung về thực trạng phát triển kinh tế

Trong những năm 2011-2020, KT-XH tỉnh Nam Định phát triển ổn định (GRDP tỉnh tăng bình quân 6,43%/năm), nền kinh tế có quy mô ngày càng mở rộng.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực với xu hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây

dựng. Nội ngành chuyển dịch cơ cấu diễn ra tích cực; đẩy mạnh xây dựng NTM; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh. Chuyển dịch tổng vốn đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nhà nước, tăng tỷ trọng vốn ngoài nhà nước. Cải thiện năng suất lao động. Kinh tế liên tục phát triển nên mức sống dân cư được cải thiện, có điều kiện tiếp cận các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội khác.

Tuy nhiên vẫn còn hạn chế: Vị thế kinh tế của tỉnh Nam Định trong khu vực đồng bằng sông Hồng còn thấp và chưa có nhiều cải thiện. So với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, quy mô kinh tế nhỏ và chậm cải thiện, GRDP bình quân đầu người thấp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn so với mục tiêu đề ra. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm. Hoạt động kinh tế ven biển có hiệu suất kinh tế cao; chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư có vốn lớn, dự án lớn đầu tư vào ven biển. Mật độ kinh tế thấp nhất trong vùng. Doanh nghiệp trong tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Ngành nghề thế mạnh, sản phẩm truyền thống hay lợi thế cạnh tranh khác chưa khai thác đầy đủ. Chưa tận dụng được nhiều thế mạnh từ liên kết kinh tế nội tỉnh với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Chưa phát huy nhiều tác dụng của hạ tầng giao thông liên tỉnh nối Nam Định với những sân bay, cảng biển quốc tế.

Trong tăng trưởng kinh tế chưa có nhân tố đột phá. Các yếu tố: vốn, lao động, công nghệ, kỹ thuật, trình độ nhân lực, đất đai tài nguyên thiên nhiên, cơ hội, môi trường kinh tế - xã hội, hợp tác kinh tế quốc tế, năng lực tiêu dùng chưa được khai thác và phát triển trọng điểm để tạo ra những lợi thế cạnh tranh cho nền kinh tế. Kinh tế Nam Định tương tác với thị trường trong nước và thế giới chưa cao. Trong chuỗi giá trị sản xuất trong nước cũng như cho xuất khẩu những nhóm ngành nghề thế mạnh truyền thống như dệt may, dược phẩm, chế biến gỗ còn mờ nhạt.

Mặc dù có nhiều chính sách lớn trong phát triển kinh tế nhưng vai trò kiến tạo của chính quyền tỉnh còn nhiều hạn chế, chuỗi kinh tế hình thành nhưng

lượng doanh nhân còn ít, số lượng các doanh nghiệp có quy mô lớn, có tầm vóc quốc gia và quốc tế còn ít đầu tư vào Nam Định.

Như vậy, Nam Định còn là một tỉnh chưa giàu, vẫn cần sự hỗ trợ của Trung ương hằng năm để đảm bảo yêu cầu thiết yếu trong quản lý KT-XH nên việc xác định một hướng đi và tầm nhìn phát triển KT-XH cho các giai đoạn tiếp theo là một vấn đề lớn [215, tr. 152-153].

Kết quả triển khai thực hiện chương trình OCOP

Chương trình OCOP được tiếp tục chỉ đạo thực hiện quyết liệt, toàn diện, hiệu quả trong năm 2020. UBND tỉnh ra các văn bản: Kế hoạch số 27/KH-UBND (30-3-2020) triển khai Chương trình OCOP tỉnh năm 2020; Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND (14-5-2020) quy định mức chi hỗ trợ triển khai, Chương trình OCOP ở tỉnh năm 2020; thành lập Hội đồng và Tổ tư vấn giúp việc Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh năm 2020. Các huyện, thành phố thành lập Hội đồng xếp loại, đánh giá sản phẩm OCOP cấp huyện năm 2020; ra kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình OCOP năm 2020; chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tích cực hướng dẫn các xã, phường, thị trấn và các cơ sở tham gia thực hiện Chương trình và hoàn thiện sản phẩm; tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện.

Quan tâm chỉ đạo, thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình OCOP cho các cấp cán bộ quản lý và các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh hiệu quả. Tháng 2-2020, Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh đã họp đánh giá, phân hạng đợt 1 đối với 26 sản phẩm. UBND tỉnh đã quyết định phê duyệt, cấp giấy chứng nhận và công bố kết quả đánh giá 26 sản phẩm OCOP (có 1 sản phẩm đạt 4 sao, 25 sản phẩm đạt 3 sao). Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và đơn vị tư vấn Chương trình OCOP của tỉnh phối hợp sát sao với các huyện và thành phố tổ chức tư vấn, hỗ trợ doanh

nghiệp và các đơn vị sản xuất, kinh doanh đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình OCOP đợt 2 năm 2020.

Ngày 10 và 11 - 9 - 2020, Hội đồng của tỉnh họp đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đợt 2 năm 2020 (cho 86 sản phẩm của 56 cơ sở sản xuất kinh doanh của 10 huyện, thành phố). UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đợt 2-2020 đối với 84 sản phẩm đạt 3 - 4 sao, có 10 sản phẩm đạt 4 sao và 74 sản phẩm đạt 3 sao. Kết quả lũy kế đến năm 2021, toàn tỉnh có 146 sản phẩm OCOP đạt 3 – 4 sao (trong đó có 118 sản phẩm 3 sao và 28 sản phẩm 4 sao), vượt 46% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Ban Chỉ đạo Trung ương đánh giá tỉnh Nam Định là 1 trong 5 tỉnh thực hiện tốt nhất Chương trình OCOP [148, tr. 226-227].

Hai là, kết cấu hạ tầng nông thôn được cải tạo, nâng cấp khá đồng bộ

Hạ tầng nông thôn được tỉnh quan tâm đầu tư cải tạo tạo điều kiện để phát triển KT- XH, cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc của nông dân. Trong đó, nguồn lực đầu tư cải tạo và nâng cấp từ ngân sách nhà nước khoảng 26%; còn lại chủ yếu được huy động trong dân và xã hội hóa. Sau 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, kết cấu hạ tầng KT- XH ở nông thôn phát triển khá, tạo điều kiện thuận lợi phát triển KT- XH và cải thiện tốt hơn điều kiện sống, làm việc của người dân. Có số xã đạt cao trên nhiều tiêu chí như giao thông 77,1%, tiêu chí trường học 61,4%, tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa 59,3%,...[204, tr. 6]. 100% xã trong tỉnh giải quyết xong quy hoạch xây dựng nông thôn mới. 9/9 huyện đã hoàn thành quy hoạch vùng huyện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. 100% số huyện và 100% số xã công bố công khai quy hoạch, có quy chế quản lý quy hoạch và tổ chức cắm mốc giới quy hoạch [204].

Đến năm 2020 nâng cấp gần 20 nghìn công trình thủy lợi; kiên cố hóa gần 1.000 km kênh mương; nâng cấp hàng nghìn kilômét đường giao thông nội đồng. Đến ngày 31-12-2015, nợ đọng xây dựng các công trình của các xã, thị

trần trong tỉnh là 340 tỷ đồng và đến ngày 31-12-2017 là 233 tỷ đồng thì đến ngày 31-12-2018 không còn nợ đọng trong xây dựng NTM. Những kết quả đó khẳng định sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nhân dân tỉnh Nam Định để hoàn thành xây dựng NTM [101, tr.3].

Ba là, lấy dân làm chủ thể, phát huy vai trò của nhân dân, dựa vào sức dân

Người dân đóng góp to lớn vào những kết quả nổi bật trong 12 năm (2008-2020) xây dựng NTM của tỉnh Nam Định. Người nông dân Nam Định có những biến chuyển lớn, sâu sắc cả về nhận thức, tư duy đến trách nhiệm, hành động, góp phần hoàn thành công tác xây dựng NTM sớm hơn kế hoạch và mục tiêu của tỉnh cũng như của cả nước. Người dân được tham gia xây dựng NTM theo 5 hình thức chủ yếu: Tham gia ý kiến vào quy hoạch và đề án xây dựng NTM cấp xã; tham gia lựa chọn những công việc cần làm trước, sau thiết thực với người dân, phù hợp với khả năng, điều kiện của địa phương; quyết định mức đóng góp xây dựng các công trình công cộng của thôn, xã; cử đại diện tham gia quản lý và giám sát các công trình xây dựng; tổ chức quản lý, vận hành và bảo dưỡng các công trình sau khi hoàn thành.

Sự đóng góp to lớn của người dân thể hiện rõ trong kết quả từng nội dung xây dựng NTM: tổng vốn huy động của toàn tỉnh triển khai xây dựng NTM đạt được 21.920 tỷ đồng từ năm 2011 đến tháng 6 - 2019, (chưa tính giá trị giải phóng mặt bằng các công trình người dân tự nguyện tháo dỡ công trình và không nhận tiền đền bù phần đất đã hiến và góp). Các thành phần kinh tế và Nhân dân huy động được gần 86.000 tỷ đồng vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh và giải quyết vấn đề việc làm... Với “dồn điền, đổi thửa” và giải phóng mặt bằng theo cơ chế xây dựng NTM Nam Định để làm đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, công trình phục vụ dân sinh,... người dân đã góp 2.897 ha đất sản xuất nông nghiệp và hiến 206 ha đất ở (trị giá khoảng 7.000 tỷ đồng) [100, tr.3]. Năm 2020, số vốn huy động để thực hiện Chương

trình là 3.690 tỷ đồng: vốn ngân sách 19,8%, tín dụng 62,6%, cộng đồng dân cư 9,9%, lồng ghép 3,8%, doanh nghiệp 3,5% và vốn khác 1,3%. Ngoài ra, vốn tín dụng của các thành phần kinh tế và các hộ dân phục vụ phát triển sản xuất, giải quyết vấn đề việc làm,... đạt hơn 27.700 tỷ đồng.

Tổng số vốn huy động để “thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15.682,2 tỷ đồng, trong đó có vốn: ngân sách là 24,7%, lồng ghép là 4,4%, tín dụng 52,3%, doanh nghiệp 3,9%, huy động trong cộng đồng dân cư 12,8% và vốn khác là 2%. Ngoài ra, các thành phần kinh tế, các hộ dân vay vốn tín dụng để phát triển sản xuất, tạo việc làm,... đạt hơn 106.000 tỷ đồng” [160, tr. 225].

Bốn là, diện mạo nông thôn khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới: tỉnh đã có 100% số xã đạt chuẩn đến tháng 12-2018, 19/19 tiêu chí xã NTM theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17-10-2016 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi đạt chuẩn NTM, các xã triển khai xây dựng NTM nâng cao theo “Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020” của tỉnh để không ngừng củng cố chất lượng các tiêu chí xã NTM để xây dựng NTM bền vững [204, tr.5-6].

Diện mạo NTM của tỉnh khởi sắc rõ nét, nhất từ năm 2015 đến năm 2020, với tiến độ, số lượng các địa phương đã được công nhận đạt NTM tăng mạnh, nhiều mục tiêu chủ chốt xây dựng NTM hoàn thành ngay trong năm 2018. Hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn năm 2020 là 0,86%, giảm 0,67%, so với năm 2019. Chất lượng sống, làm việc của Nhân dân nâng lên rõ rệt, năm 2015 bình quân tăng từ 12,7 triệu đồng/người năm 2010 lên 35 triệu đồng/người và năm 2018 lên 45 triệu đồng/người, năm 2020 đạt 52 triệu đồng/người, phát triển nông thôn theo định hướng sáng - xanh - sạch - đẹp [161, tr. 223]. Tỷ lệ sử dụng nước sạch của hộ dân nông thôn theo chuẩn quốc gia năm 2020 đạt 95%. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải ở nông thôn năm 2020 là 88,5% [160, tr.223].

Nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới: có 546/546 xóm/tổ dân phố (bằng 100%) đạt NTM nâng cao và có 524/546 xóm/tổ dân phố (bằng 96%) duy trì đạt nông thôn mới nâng cao từ 2-4 năm liên tục vào năm 2020. Bình quân các xã, thị trấn trong huyện đạt 17,5/19 tiêu chí xã đạt NTM nâng cao. 13 xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét đạt NTM nâng cao năm 2019. Huyện đạt 9/9 tiêu chí nông thôn mới cấp huyện theo “Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5-4-2016 của Thủ tướng Chính phủ”. Các tiêu chí cấp huyện tiếp tục được củng cố, nâng cao hướng tới xây dựng NTM kiểu mẫu bền vững [160, tr. 227].

Xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu: Có 2 xóm đã được xét công nhận đạt NTM kiểu mẫu, 131 xóm/tổ dân phố được công nhận cơ bản đạt NTM kiểu mẫu. Xây dựng và cơ bản hoàn thành 3 xã NTM kiểu mẫu theo định hướng “sáng, xanh, sạch, đẹp” (Hải Thanh, Hải Quang, Hải Châu). Hình thành cơ bản 4 tuyến đường kiểu mẫu cấp huyện dài 16 km (hệ thống điện chiếu sáng riêng biệt, cột đúc, đèn led, dây điện ngầm, dọc đường có bồn hoa, cây bóng mát đồng chủng loại). Xây dựng được 64 mô hình văn hóa, thể thao kiểu mẫu cấp xóm: Xóm đạt tiêu chuẩn xóm văn hóa; nhà văn hóa xóm có đủ bộ dụng cụ thể thao đơn giản để tập thể dục ngoài trời, có panô, áp phích cổ động trực quan, biển vẫy, bảng tiêu chí xóm nông thôn mới kiểu mẫu. Xã Hải Hà xây dựng mô hình xử lý rác thải thân thiện môi trường. Hoàn thành xây dựng 51 mô hình quản lý, phân loại rác thải tại cấp xóm: Các hộ có thùng rác 2 ngăn để phân loại rác hữu cơ, vô cơ, chôn lấp rác thải hữu cơ tại vườn [160, tr. 228].

Năm 2019 có 13 xã được công nhận đạt NTM nâng cao, hết năm 2020 đã có 51 xã đạt NTM nâng cao. Có 6 xã (Hải Thanh, Hải Quang, Hải Châu - huyện Hải Hậu, xã Nghĩa Minh - huyện Nghĩa Hưng, xã Giao Phong - huyện Giao Thủy, xã Liên Minh - huyện Vụ Bản) cơ bản hình thành mô hình xã NTM kiểu mẫu “sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn”. Có 10 thôn/xóm được công nhận đạt NTM kiểu mẫu, 131 thôn/xóm/tổ dân phố được công nhận cơ bản đạt NTM kiểu mẫu. Tháng 7-2019, toàn tỉnh có 100% số huyện, thành phố đã được công

nhận hoàn thành xây dựng NTM. Đã có 10/10 huyện, thành phố thường xuyên duy trì đạt chuẩn các tiêu chí theo Quyết định số 558/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong đó 9/9 huyện duy trì 100% xã đạt chuẩn NTM và 9/9 huyện đạt chuẩn NTM, thành phố Nam Định có 100% xã đạt chuẩn NTM [217, tr.6]. Sau khi hoàn thành xây dựng NTM, các huyện, thành phố tiếp tục củng cố, nâng cao tiêu chí NTM của Ban Chỉ đạo Trung ương và của các Bộ, ngành Trung ương.

Trong xây dựng NTM “huy động được trên 40.000 tỷ đồng phát triển kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn gắn với cơ sở hạ tầng KT- XH của tỉnh và khu vực: nâng cấp, xây dựng 8.959 km đường (trong đó: 210 km đường cao tốc và quốc lộ, 227 km tỉnh lộ, 8.422 km đường giao thông nông thôn)”; 7.239 cầu cống dân sinh; 1.350 trạm biến áp, 5.872 km đường dây trung áp và hạ thế lưới điện nông thôn; trên 34.000 công trình thủy lợi, kiên cố hóa gần 1.000 km kênh mương; Cải tạo, nâng cấp và xây mới 10.654 trường và lớp học (có 852 trường và 9.802 phòng học); 10 bệnh viện, 10 Trung tâm y tế huyện được nâng cấp, xây mới; 3.752 nhà văn hóa và khu thể thao xã và nhà văn hóa, sân thể thao thôn xóm được nâng cấp, xây dựng (trong đó có 200 nhà văn hóa và khu thể thao xã; 2.194 nhà văn hóa thôn/xóm; 1.331 sân thể thao thôn, xóm); Đầu tư 112 lò đốt, 106 khu xử lý rác thải nông thôn; Triển khai hơn 70 dự án đầu tư khu dân cư tập trung nông thôn, khu đô thị tạo nguồn lực xây dựng NTM ... Trong những năm 2010-2020 thu hút hơn 5.000 doanh nghiệp về nông thôn. Hơn 80% hộ ở nông thôn có thu nhập ngoài nông nghiệp; năm 2020 thu nhập bình quân đầu người ở nông thôn khoảng 52 triệu đồng/người, so với trước xây dựng NTM tăng gấp 4,1 lần; khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn còn 1,35 lần; hộ nghèo đa chiều (trừ đối tượng hưởng bảo trợ xã hội) giảm dưới 1%”.

Việc làm đẹp cảnh quan nông thôn và bảo vệ môi trường trở thành phong trào, là hoạt động hằng ngày của cộng đồng dân cư; hình mẫu “Nhà sạch, vườn

“xanh, đường, sông không rác”, phong trào trồng hoa ven đường, trồng cây bóng mát do dân cư thực hiện và tổ chức quản lý được triển khai toàn tỉnh, trồng được 1.500 km đường hoa. Nông thôn Nam Định ngày càng “Sáng - xanh - sạch - đẹp” và hướng tới mục tiêu là “Miền quê đáng sống” [153, tr. 2-3].

Giáo dục & Đào tạo phát triển đồng bộ quy mô và chất lượng đào tạo. Tính đến tháng 6-2018, “tỷ lệ trẻ em 5 tuổi phổ cập giáo dục mầm non đạt 100%; 100% xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học cấp độ 3; xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%; cấp huyện phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 là 73%; đến hết năm 2017, hơn 87% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học phổ thông, bổ túc, trung cấp; đạt tiêu chí giáo dục & đào tạo 100% số xã, tăng 12% so với năm 2015” [202].

Về Y tế, các trạm y tế xã tiếp tục được nâng cấp, bổ sung trang thiết bị khám và chữa bệnh; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ y, bác sỹ. Truyền thông giáo dục sức khỏe và vệ sinh môi trường, thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch bệnh thường xuyên được triển khai. Năm 2017, 83% người dân tham gia bảo hiểm y tế. Đến tháng 6-2018 có 99,5% xã đạt “Tiêu chí Y tế”, tăng 25,9% so với năm 2015 [202]. Việc chăm sóc sức khỏe, khám và chữa bệnh cho người dân được quan tâm. Bảo hiểm y tế năm 2020 đạt 91,5% người dân tham gia, so với năm 2019 tăng 2,67%.

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Tổ chức rộng khắp các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Thực thi đầy đủ, kịp thời chính sách an sinh xã hội. Phát huy và lan tỏa ý thức cộng đồng, tình nghĩa làng xóm, hoạt động từ thiện, nhân ái. Triển khai sâu rộng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng NTM và phong trào xây dựng “làng văn hóa”, “gia đình văn hóa”, “khu dân cư tiên tiến”; “đơn vị, cơ quan có nếp sống văn hóa” được nhân dân hưởng ứng tích cực. Có 2.845 làng (thôn, xóm, tổ dân phố) toàn tỉnh được công nhận Làng văn hoá đạt 78,2%

và có 82,3% hộ gia đình đạt gia đình văn hóa tính đến tháng 6-2018,; đạt Tiêu chí văn hóa 100% số xã, tăng 30,6% so với năm 2015.

Những thành tựu xây dựng NTM ở tỉnh Nam Định nhận được sự hài lòng cao người dân. Theo giám sát của Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Nam Định cho thấy, người dân được hỏi rất hài lòng với thành quả xây dựng NTM: “Thu nhập của nông dân đã lên tới hàng trăm triệu mỗi năm”, đó là lời khẳng định của anh Lã Văn Thiên, xóm 3, xã Trực Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh Lã Văn Thiên đã sử dụng máy móc toàn bộ các khâu trong sản xuất, chi phí đầu vào giảm được từ 15-20% so với ruộng lẻ, và năng suất mỗi vụ từ 2,7 đến 3 tấn một hecta khi đang canh tác lúa trên cánh đồng diện tích 5 hecta,. Anh Thiên cho thấy: “Mỗi năm hiện tại tôi thu nhập hơn 200 triệu đồng một hecta. Sản xuất bây giờ sử dụng một máy nhỏ thôi là đã bằng mười mấy người làm lao động thủ công rồi. Áp dụng khoa học kỹ thuật giúp mình sản xuất được trên một diện tích lớn hơn” [81]. “Ông Đỗ Văn Mãi, nông dân xã Trực Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định cũng cho biết, từ nhiều năm nay, ông vẫn ra ruộng nhưng không còn nghĩ mình là nông dân, vì hàng ngày đều làm việc theo quy trình. Ruộng lớn được ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại nên nông dân như ông vừa nhàn, mà thu nhập lại cao: “Tôi sản xuất về giống lúa cho công ty. Sản xuất không có gì khó khăn, tất cả đi vào công nghệ, nhàn lắm. Thứ nhất là thu nhập đều hàng năm, thứ hai là xã hội phát triển lên. Tôi cảm thấy như thế này tôi rất sướng, quy hoạch, quy mô, làm nông dân giờ rất thích!” [81]. Ông Đỗ Hải Điền, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu cho biết: “Để nâng cao thu nhập của người dân ở một huyện nông nghiệp như Hải Hậu, gốc rễ là phải phát triển được sản xuất. *Thứ nhất là* các nội dung tái cơ cấu, có kế hoạch, theo lộ trình cụ thể. Trong các nội dung thực hiện tái cơ cấu, xây dựng mô hình liên kết chuỗi sản xuất hàng hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn, liên kết với nông dân là nút thắt của phát triển sản xuất. *Thứ hai là* phát triển các làng nghề, tập trung xây dựng mỗi làng phải

có một nghề, các làng nghề truyền thống đang mai một phải khôi phục, các nghề đang phát triển cần tập trung đầu tư, gắn với đó là bảo vệ môi trường vì đây cũng là một trong những tiêu chí xây dựng nông thôn mới” [81].

“Xây dựng NTM ở tỉnh Nam Định trở thành một chương trình của chính người dân, vì người dân nông thôn. Người dân vừa là chủ thể, vừa là động lực, nguồn lực sáng tạo trong tổ chức, xây dựng đời sống, thụ hưởng thành quả xây dựng NTM” [101, tr. 4-5].

An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn được giữ vững, tạo môi trường ổn định phát triển kinh tế, xã hội. Nông thôn giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho các sự kiện của tỉnh, của Đảng, Nhà nước; tạo ổn định cho các nhà đầu tư, nhân dân phát triển sản xuất.

Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí huyện nông thôn mới: “Có 5 huyện được công nhận đạt NTM, huyện Hải Hậu đạt NTM năm 2015, 4 huyện (Nghĩa Hưng, Trực Ninh, Xuân Trường và Giao Thủy) đạt chuẩn NTM năm 2017 (Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt NTM năm 2017 đối với huyện Nghĩa Hưng ngày 24-11-2017, huyện Trực Ninh và Xuân Trường ngày 9-2-2018, huyện Giao Thủy ngày 16-4-2018). Trong năm 2018, thành phố Nam Định đề nghị thẩm định để công nhận thành phố xây dựng xong NTM. Huyện Vụ Bản tự đánh giá đạt 5/9 tiêu chí; còn 4 tiêu chí chưa đạt là: Tiêu chí số 2 (Giao thông), số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục), số 6 (Sản xuất), số 7 (Môi trường). Huyện Ý Yên tự đánh giá đạt 5/9 tiêu chí; còn 4 tiêu chí chưa đạt là: số 2 (Giao thông), số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục), số 6 (Sản xuất), số 7 (Môi trường). Huyện Mỹ Lộc tự đánh giá đạt 5/9 tiêu chí; còn 4 Tiêu chí chưa đạt là: số 2 (Giao thông), số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục), số 6 (Sản xuất), số 7 (Môi trường). Huyện Nam Trực tự đánh giá đạt 4/9 tiêu chí; còn 5 tiêu chí chưa đạt là: số 2 (Giao thông), số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục), số 6 (Sản xuất), số 7 (Môi trường), số 8 (An ninh, trật tự xã hội)” [202]. Đến tháng 10-2019, các huyện trong tỉnh đều đạt

tiêu chí về xây dựng NTM, Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh Nam Định hoàn thành xây dựng NTM.

Năm là, tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn

Các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy và Ủy ban MTTQ tỉnh, các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh có chương trình hành động cụ thể và kế hoạch để tuyên truyền và vận động các thành viên và người dân tích cực xây dựng NTM; phối hợp với các huyện và thành phố triển khai hiệu quả việc xây dựng NTM.

Kiến toàn hoạt động hệ thống chính trị các cấp, chất lượng ngày càng tăng. Thực hiện thực chất hơn pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở có đủ quyết tâm cao, năng lực trong thực hiện xây dựng NTM và nhiệm vụ phát triển KT- XH ở địa phương. Các cấp quan tâm nâng cao năng lực của cán bộ thực hiện xây dựng NTM. Tỉnh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 27.282 lượt cán bộ, công chức xã trong những năm 2011-2020; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức xây dựng NTM hơn 400 lớp cho hơn 33.000 lượt cán bộ thực hiện xây dựng NTM [97, tr. 5].

Giữ vững Quốc phòng-An ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; công tác tiếp dân và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân được chỉ đạo quyết liệt; an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, phòng, chống tệ nạn xã hội và tội phạm có hiệu quả. Đạt kết quả tích cực phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” bảo đảm an toàn các sự kiện chính trị tổ chức trong tỉnh [2, tr. 5].

Sáu là, thực hiện thành công nhiều đột phá xây dựng nông thôn mới

Về “đồn điền, đổi thửa”, Nam Định đã vận động hiệu quả các hộ gia đình nông dân đồng thuận triển khai “đồn điền, đổi thửa”. Để cơ cấu lại nền nông nghiệp và xây dựng NTM, tỉnh Nam Định nhận thấy “đồn điền, đổi thửa” là việc khó, phức tạp, nhưng là khâu quyết định thành công. Ngay từ đầu thời kỳ xây dựng NTM (năm 2011), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị “đồn điền, đổi thửa” để lãnh đạo, chỉ đạo tập trung lĩnh vực này. Hết năm 2015, đã có

2.976/2.986 thôn, đội giải quyết xong “dồn điền, đổi thửa”, đạt tỷ lệ 99,7%. Sau “dồn điền, đổi thửa”, hiệu quả to lớn được tạo ra. Các địa phương triển khai quy hoạch xây dựng NTM, hình thành các cánh đồng mẫu lớn. Với “dồn điền, đổi thửa”, các cấp ủy, chính quyền vận động hộ gia đình, người dân tự nguyện hiến, góp hàng nghìn héc ta đất để nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng và xây dựng các công trình phúc lợi. Việc tạo thuận lợi để sản xuất của người dân, doanh nghiệp thì “dồn điền, đổi thửa” là bước mở đầu quan trọng cho xây dựng NTM trong toàn tỉnh [101, tr. 6].

Vận động nhân dân hiến, góp đất, tự tháo dỡ công trình để xây dựng kết cấu hạ tầng. Nam Định vận động được hàng nghìn hộ dân tự hiến đất, góp đất, tháo dỡ công trình, bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công công trình nâng cấp cơ sở hạ tầng. Bài học này bắt đầu từ cách làm của huyện Nghĩa Hưng vào năm 2012, khi được giao nhiệm vụ làm sạch mặt bằng để nâng cấp, xây dựng mới công trình giao thông. Lãnh đạo các cấp huyện Nghĩa Hưng có cách làm sáng tạo là vận động 100% số hộ dân hiến đất, góp đất, bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công. Cách làm này mang lại nhiều lợi ích, vừa tiết kiệm chi phí giải phóng mặt bằng, giảm giá thành, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, đặc biệt là không có khiếu kiện của người dân. Thấy được kết quả tích cực từ cách làm của huyện Nghĩa Hưng, Nam Định áp dụng mô hình này ra toàn tỉnh. Từ đó, hầu hết các công trình nâng cấp cơ sở hạ tầng không phải bỏ chi phí giải phóng mặt bằng (Nam Định gọi đây là giải phóng mặt bằng theo cơ chế xây dựng NTM). Nhờ đó, đến năm 2020 toàn bộ các đường giao thông và giao thông nông thôn hoàn thành nâng cấp. Bộ mặt nông thôn được biến đổi rõ rệt [101, tr. 6].

Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới. Nam Định là tỉnh có nguồn thu ngân sách không lớn. Đây là bài toán khó khi tỉnh bắt đầu thực hiện xây dựng NTM. Nam Định sớm nhận thấy: Xây dựng NTM cần xuất phát từ nội lực, từ người dân với chủ trương “Người dân là chủ thể

xây dựng nông thôn mới; nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”. Sau khi thông qua quan điểm này đã nhận được sự ủng hộ to lớn của người dân và con em quê hương để xây dựng NTM. Tính đến tháng 7-2019, nguồn vốn đã huy động để xây dựng NTM của tỉnh đạt gần 22.000 tỷ đồng, ngân sách Nhà nước chỉ chiếm khoảng 26%, còn lại là nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các nguồn vốn hợp pháp khác [101, tr. 6-7].

Xây dựng hệ môi trường sinh thái nông thôn. Xuất phát từ cách làm của Hải Hậu - huyện được công nhận đạt NTM đầu tiên trong cả nước là xây dựng mô hình “nhà có số, phố có tên; đường có điện, có hoa; sông không rác; cán bộ chuyên cần; nhân dân đồng thuận”, đến năm 2020 Nam Định phát triển hình mẫu này thành phong trào rộng khắp ở nông thôn của tỉnh. Hầu hết các con đường được cấp hội, đoàn thể, nhân dân trồng hoa ven đường. Các đường giao thông nông thôn được người dân đóng góp xây dựng hệ thống đèn đường chiếu sáng; 100% số xã, thị trấn có chủ đầu tư xây dựng nhà máy nước; 100% số xã, thị trấn có lò đốt rác sinh hoạt. Các dòng sông, kênh mương được thường xuyên dọn rác thải, đảm bảo dòng chảy và chất lượng nước. Nam Định chủ động vận động các chức sắc, chức việc, các tôn giáo cùng với các tín đồ và người dân thực hiện “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường”. Tiêu biểu là Giám mục Bùi Chu với hàng trăm linh mục, chức sắc, chức việc cùng hàng nghìn giáo dân tổ chức các đợt làm sạch môi trường tại các khu dân cư. Sau đó, phong trào này đã lan sang các chức sắc, tín đồ tôn giáo khác [101, tr. 7].

Chú trọng tăng thu nhập từ tạo việc làm cho nông dân. Vận động nhân dân hiến, góp đất xây dựng hạ tầng cơ sở, Nam Định tạo ra sự đồng tình của người dân trong dành quỹ đất kiến tạo các khu đô thị trung tâm, các thị trấn, phát triển lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho người nông dân trên mảnh đất quê hương, theo xu hướng “ly nông, bất ly hương”. Từ khi bắt đầu xây dựng NTM đến cuối năm

2020, Nam Định đã đưa và phát triển được hơn 5.000 doanh nghiệp về nông thôn. Từ năm 2016 đến năm 2020, hằng năm, thu ngân sách từ bán đấu giá đất ở các khu đô thị mới thuộc trung tâm các thị trấn, thị tứ bình quân hơn 2.000 tỷ đồng/năm [101, tr.8].

Nguyên nhân của ưu điểm

Có những thành công đó đầu tiên là do sự chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên “của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự giúp đỡ của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; sự hợp tác của các tỉnh, thành phố trong cả nước”.

Sự đoàn kết, chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả của Tỉnh ủy tạo ra sự lan tỏa rộng rãi trong Đảng bộ về ý chí quyết thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng NTM. “Tập trung huy động sức mạnh của hệ thống chính trị, sự đồng thuận của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, sự nỗ lực của các cấp, ngành trong việc đẩy mạnh thi đua yêu nước để phấn đấu vượt mức mục tiêu và nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XIX đề ra”.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định các nhiệm kỳ trước năm 2010, nhất là trong hai nhiệm kỳ 2010-2015 và 2015-2020 đã bám sát “Quy chế làm việc của Tỉnh ủy và quy định của Đảng, Nhà nước”; tích cực và chủ động huy động, tạo ra nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng KT- XH để xây dựng NTM; tập trung thực hiện đồng bộ và toàn diện với những trọng tâm, trọng điểm: xây dựng Đảng, phát triển KT- XH, đảm bảo quốc phòng-an ninh.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “kế thừa kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy thành tích, kết quả các nhiệm kỳ trước, đưa ra những chủ trương, cơ chế, biện pháp phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo kết hợp lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư hợp lý nên tạo ra động lực phát triển”.

“Hệ thống chính trị cả tỉnh” đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, sự đồng thuận của người dân trong xây dựng nông thôn mới khi xác định xây dựng NTM là cuộc vận động lớn, toàn diện với sự tích cực tham gia của Nhân dân.

“Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh” tích cực cùng một số cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền thường xuyên Chương trình. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Nam Định phát hành nhiều chuyên mục thông tin, phổ biến kinh nghiệm hay và cách làm hiệu quả, điển hình trong xây dựng NTM.

Vì có nhận thức đúng đắn từ Đảng bộ tỉnh và của hệ thống chính trị về xây dựng NTM, đặc biệt là chủ trương “Dân cần-dân biết-dân bàn-dân làm-dân giám sát-dân hưởng thụ” đã đi vào lòng dân, vì dân nên “ý Đảng hợp lòng dân”, nên xây dựng NTM thành công trước thời hạn theo chủ trương của Đảng bộ tỉnh đề ra.

4.1.2. Hạn chế

Một là, nhận thức về nông nghiệp, nông dân và nông thôn cùng Chương trình xây dựng NTM của một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ. Ngay sau khi Nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Chương trình xây dựng NTM được triển khai, Đảng bộ tỉnh Nam Định xác định xây dựng NTM là công việc chủ chốt để sản xuất phát triển theo hướng hiện đại, từng bước nâng cao đời sống người dân. Tuy nhiên, việc triển khai xây dựng NTM chưa đều giữa các huyện, xã, tiến độ thực hiện ở một số nơi còn chậm; chất lượng thực hiện một số tiêu chí NTM chưa cao, chưa bền vững. Trong 96 xã xây dựng NTM những năm 2010 - 2015 vẫn còn 10 xã chưa đạt chuẩn; quá trình chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu lao động còn chậm. Trong chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn tập trung trồng lúa; tuy đã thực hiện cơ giới hóa sản xuất nhưng chỉ đạt mức độ nhất định.

Hai là, ở một số nơi pháp lệnh dân chủ ở cơ sở trong xây dựng NTM thực hiện còn hạn chế. Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo, chỉ đạo đồn điền, đổi thửa thu nhiều kết quả quan trọng, nhưng một số xã chưa thực hiện đúng quy chế dân chủ, vi phạm nguyên tắc tự nguyện đồn điền, đổi thửa, còn nóng vội nên phát sinh khiếu nại, tố cáo; chưa gắn đồn điền, đổi thửa với quy hoạch lại

đồng ruộng, tỷ lệ cứng hóa kênh mương, cứng hóa giao thông nội đồng còn thấp, số thửa bình quân/hộ còn cao.

Cùng với đó, do chưa thực hiện đúng pháp lệnh dân chủ cơ sở trong huy động, sử dụng nguồn lực ở một số xã nên phát sinh thắc mắc trong một số cán bộ, đảng viên, nhân dân trong xây dựng NTM.

Ba là, việc vận động quần chúng tham gia xây dựng NTM còn bộc lộ những hạn chế. Công tác vận động quần chúng được thực hiện rộng rãi nhưng chủ yếu là họp xã viên thông báo chủ trương mới, do đó chưa vận động được nhiều người dân tham gia; việc tuyên truyền của các đảng bộ xã chưa làm cho người dân nắm rõ nội dung, ý nghĩa công cuộc xây dựng NTM; nội dung và phương thức vận động nông dân chưa thiết thực, cụ thể; sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đối tượng làm công việc vận động nông dân có lúc chưa sâu sát; các đảng bộ xã chưa quan tâm lãnh đạo quyết liệt nên chậm và khó thực hiện một số tiêu chí NTM; hoạt động các bộ phận trong hệ thống chính trị chưa đồng bộ trong phối, kết hợp.

Bốn là, hiệu quả của việc tổ chức khắc phục những hạn chế còn thấp. “Cải cách hành chính, triển khai các giải pháp xúc tiến, thu hút đầu tư tuy đã được quan tâm chỉ đạo nhưng việc tổ chức thực hiện ở một số ngành, địa phương chưa ráo riết, kết quả còn hạn hẹp; ý thức kỷ luật, năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu, còn biểu hiện thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, nhũng nhiễu nhà đầu tư, doanh nghiệp. Việc xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh của tỉnh còn hạn chế”.

Sau khi được công nhận hoàn thành xây dựng NTM, phong trào xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu chưa được một số địa phương hưởng ứng tích cực nên hạn chế kết quả.

Số lượng sản phẩm OCOP chưa đáp ứng tiềm năng và không đều trong các địa phương. Sản phẩm tập trung chủ yếu ở huyện Hải Hậu, Ý Yên và thành

phố Nam Định; các huyện khác còn ít sản phẩm. Việc cải tiến, nâng cấp sản phẩm chậm, một số sản phẩm chất lượng chưa cao, sản phẩm mới còn ít.

Tiến độ xây dựng công trình nước sạch một số địa phương còn chậm. Một số xã có hệ thống cấp nước sạch nhưng số người dân sử dụng chưa cao. Ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn của người dân một số nơi còn thấp. Việc huy động các nguồn lực xây dựng NTM gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong đầu tư cải tạo nâng cao chất lượng trường học.

Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, còn một số chế độ chính sách, văn bản pháp quy của Bộ, ngành Trung ương còn chưa đồng bộ, thống nhất; việc phân cấp giữa Trung ương với địa phương và trong chính quyền địa phương triển khai chậm, chưa quyết liệt; vẫn còn những việc trùng lặp, chồng chéo, thiếu cụ thể, chưa rõ trách nhiệm thể, cá nhân, giữa cấp trên và cấp dưới nên khó khăn trong tổ chức thực hiện. Ngân sách Trung ương phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là “Chương trình xây dựng nông thôn mới” thấp hơn thực tế, trong khi ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp. Việc vay vốn phát triển sản xuất của các hộ dân còn nhiều khó khăn, người dân khó tiếp cận nguồn vốn. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu, chưa tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM. Luật Đất đai và một số văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa khuyến khích người dân tập trung ruộng đất, chưa giải quyết được vướng mắc trong giải phóng mặt bằng.

Công tác kiểm tra và giám sát, theo dõi thực hiện “trong thực thi nhiệm vụ một số cơ quan và đơn vị chưa nghiêm; còn một bộ phận cán bộ và đảng viên suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống, thiếu gương mẫu, bị kỷ luật do vi phạm quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước”.

Thứ hai, cấp ủy và chính quyền một số nơi chưa tập trung cao trong quán triệt, triển khai Chương trình. Lãnh đạo một số huyện, xã chưa sát cơ sở, chưa chú trọng kiểm tra để giải quyết khó khăn, chưa khơi dậy, phát huy vai trò tích

cực của người dân, chỉ đạo triển khai chưa hiệu quả Pháp lệnh dân chủ cơ sở trong huy động vốn đóng góp của người dân xây dựng NTM; chưa thực sự năng động, chưa phát huy tốt lợi thế của cơ sở trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Nhiều địa phương chưa có giải pháp tích cực kêu gọi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Một số sở, ngành phối hợp có lúc chưa chặt chẽ, kịp thời với các huyện, thành phố. Một số đoàn thể cơ sở hoạt động thiếu chiều sâu.

Ở một số địa phương cấp ủy, chính quyền trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu có biểu hiện chủ quan, thiếu năng động, ngủ yên với kết quả đạt được; còn ỷ lại vào đầu tư của cấp trên. Một số địa phương triển khai Chương trình OCOP chưa quyết liệt, đồng bộ. Việc vận động hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp,... tham gia Chương trình OCOP ở một số nơi chưa sâu sát. Các đơn vị sản xuất kinh doanh sản phẩm OCOP quy mô vừa và nhỏ nên năng lực đầu tư nâng cấp hạn chế. Vận động người dân bảo vệ môi trường, sử dụng nước sạch còn hạn chế ở một số nơi.

Cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị một số nơi “còn né tránh, đùn đẩy, buông lỏng quản lý. Một số vi phạm về đất đai, môi trường, khiếu nại, tố cáo từ cơ sở chưa giải quyết kịp thời; một số địa phương chưa lắng nghe ý kiến đề giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo của người dân”.

Ý thức thượng tôn pháp luật của một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa tốt; nhất là trong giải phóng mặt bằng nên chậm tiến độ các công trình dự án, mất nhiều thời gian, công sức các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước, ảnh hưởng môi trường đầu tư của tỉnh.

Một số Sở, ngành và địa phương thiếu chủ động, chưa quyết liệt trong triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh. Sự phối hợp giữa ngành với cấp trong một số việc chưa chặt chẽ, còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Một bộ phận cán bộ và công chức năng lực, trình độ kỹ năng quản lý nhà nước của chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ ba, đội ngũ cán bộ tuyên truyền chưa làm tròn vai trò, trách nhiệm nên tuyên truyền xây dựng NTM ở một số nơi chưa liên tục, sâu rộng. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chương trình xây dựng NTM chưa đầy đủ và toàn diện, vẫn còn tư tưởng trông chờ sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước. Ý thức bảo vệ môi trường của người dân trong một số làng nghề, một số khu chăn nuôi, nuôi thủy sản còn hạn chế. Nhiều hộ nông dân dù không có nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp nhưng vẫn giữ ruộng làm cản trở quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất, liên kết sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ lại đối mặt với những tác động tiêu cực sau suy thoái kinh tế, lạm phát... ảnh hưởng đến sản xuất và cuộc sống nhân dân. Ngoài ra, do đại dịch COVID-19 cùng với biến động của kinh tế thế giới làm cho sản xuất và cuộc sống nông dân gặp khó khăn lớn; ảnh hưởng nhiều đến tiến độ, kết quả triển khai, đặc biệt là trong huy động nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng NTM năm 2020. Những năm gần đây thời tiết diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, tình hình dịch bệnh tăng cao, sự suy giảm kinh tế thế giới, vật tư nông nghiệp, nông sản, thực phẩm diễn biến phức tạp, giá cả các mặt hàng thiết thực phục vụ người dân nông thôn tăng cao ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất và cuộc sống của Nhân dân.

4.2. KINH NGHIỆM CHỦ YẾU

Xây dựng NTM được Đảng bộ tỉnh đánh giá là nhiệm vụ chủ chốt, trọng tâm nên các cấp, các ngành tập trung thực hiện. Từ quá trình triển khai xây dựng NTM những năm 2008 – 2020 ở Nam Định, có thể đúc kết một số kinh nghiệm:

4.2.1. Vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước sát hợp thực tiễn xây dựng nông thôn mới của tỉnh

Trong tiến trình vận động cách mạng của tỉnh, nhất là từ khi đổi mới (năm 1986 đến nay), Đảng bộ tỉnh Nam Định luôn kiên định, sáng tạo trong vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện linh hoạt

đường lối đổi mới của Đảng sát điều kiện thực tế của tỉnh. Nhận thức rõ vấn đề trọng tâm, cơ bản trong các giai đoạn lịch sử, Đảng bộ đề ra nhiều chủ trương sát thực tiễn, tập trung chỉ đạo thực hiện, giành thắng lợi to lớn.

Kế thừa thành tựu, kinh nghiệm và cả hạn chế trong lãnh đạo và chỉ đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn trước năm 2008, Đảng bộ tỉnh lãnh đạo lựa chọn bước đi với cách làm phù hợp. Trong đó, đề ra và thực hiện các đề án, kế hoạch xây dựng NTM cụ thể, chi tiết, chỉ rõ nguồn lực, bảo đảm hiệu quả. Trong xây dựng NTM coi trọng tổng kết thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để phát triển như lựa chọn nội dung, các tiêu chí thuận lợi, cần ít vốn sẽ thực hiện trước; khuyến khích các cách làm sáng tạo ở các địa phương như phát hiện đòn điền đổi thửa là khâu đột phá trong xây dựng NTM; thu hút đầu tư xây dựng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn để tăng thu nhập và việc làm; giải phóng mặt bằng theo cơ chế vận động người dân tự nguyện hiến đất, góp đất, tự tháo dỡ công trình; làm từ dưới lên, từ hộ gia đình đến huyện, trong đó thôn, xóm là cơ sở, hộ gia đình là hạt nhân trong xây dựng NTM; chọn những ngành, nghề, sản phẩm có thế mạnh của địa phương để khuyến khích phát triển, tăng thu nhập, tạo việc làm cho nông dân với phương châm “ly nông bất ly hương”.

Trong xây dựng hạ tầng KT- XH nông thôn, ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển kinh tế như giao thông, thủy lợi, công trình phúc lợi xã hội. Không chạy theo thành tích, không ỷ lại trong xây dựng NTM.

So với một số tỉnh lân cận, đặc biệt tỉnh Ninh Bình (cũ) việc xây dựng NTM ở Nam Định có điểm chung như chú trọng huy động sức mạnh tổng hợp, người dân giữ vai trò chủ thể, Nhà nước hỗ trợ và doanh nghiệp đồng hành, tạo nên quá trình phát triển nông nghiệp bền vững và toàn diện. Ở Nam Định bài học lớn nhất trong xây dựng NTM là huy động sức dân (sức mạnh của chủ thể), sự đồng thuận, biến chương trình từ “của Nhà nước” thành “của dân”, chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, xây dựng mô hình

NTM kiểu mẫu hiệu quả, tạo ra diện mạo, nhận thức về quê hương đáng sống, phát triển hài hòa, bền vững nhưng có những khác biệt dựa trên đặc điểm riêng có của địa phương. Ở Nam Định, đặc điểm riêng có trong xây dựng NTM là sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của người dân, lấy “dân làm gốc”, sáng tạo huy động nguồn lực (cả nhà nước và sức dân), chú trọng phát triển môi trường sống xanh-sạch-đẹp (đường hoa, phân loại rác), kết hợp phát triển kinh tế (OCOP, làng nghề, du lịch), chuyển dịch cơ cấu lao động (ly nông không ly hương), tạo nên diện mạo NTM nâng cao, kiểu mẫu khác biệt, bền vững và trở thành miền quê “đáng sống”. Nam Định có bước phát triển mạnh về KT-XH, đời sống người dân được nâng cao, tạo nền tảng vững chắc cho tỉnh NTM phát triển bền vững, là miền quê đáng sống.

Đặc điểm nổi bật trong xây dựng NTM ở tỉnh Ninh Bình là kết hợp hài hòa phát triển KT-XH với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, cảnh quan, du lịch địa phương, biến nông thôn thành “hòn cốt” của đô thị di sản. Nhận thức rõ tiềm năng và lợi thế khác biệt, riêng có, tỉnh xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, lãnh đạo và chỉ đạo phát triển “xanh, hài hòa và bền vững”, phụng dưỡng thiên nhiên, phục dựng các di tích, bảo tồn, phục hồi, phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa. Lấy di sản làm nền tảng, động lực phát triển KT-XH, chăm lo đời sống người dân.

4.2.2. Lấy dân làm gốc, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng nông thôn mới

Muốn “lấy dân làm gốc” phải thực hiện quyền làm chủ của người dân, nhân dân phải hiểu đúng, đủ các quyền tự do dân chủ cơ sở. “Đó là quyền được biết những việc mà chính quyền phải công khai, quyền được bàn, quyết định trực tiếp, biểu quyết đề cập trên quyết định những việc liên quan lợi ích của nhân dân, quyền giám sát công việc của chính quyền... Chú trọng nâng cao nhận thức của người dân về việc thực thi dân chủ cơ sở, để từ hiểu rõ ý nghĩa, vai trò, người dân sẽ chủ động, tích cực thực thi, sử dụng quyền dân chủ, đấu

tranh bảo vệ quyền dân chủ; học dân chủ, nâng cao trình độ hiểu biết về dân chủ, phấn đấu, rèn luyện phương pháp thực hành dân chủ, có bản lĩnh thực hành dân chủ”. Như vậy, nhân dân mới thực hiện được quyền làm chủ thực sự, tránh tình trạng dân chủ chung chung, hình thức, đó chính là từ “pháp luật trên giấy tờ” trở thành “pháp luật trong hành động”. Chỉ khi người dân biết sử dụng, phát huy quyền dân chủ thì mới bảo đảm được lợi ích chung, quyền và lợi ích của người dân. Đó là tiêu chí hàng đầu đánh giá hiệu quả thực thi dân chủ cơ sở.

Đảng bộ tỉnh Nam Định coi trọng việc tuyên truyền và giáo dục để tập hợp công nhân, nông dân và nhân dân vào tổ chức đoàn thể phù hợp từ thấp đến cao, từng bước tổ chức, hướng dẫn nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng. Trong đổi mới, Đảng bộ tiếp tục phát huy bài học “lấy dân làm gốc” không ngừng củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ, các đoàn thể nhân dân để thực hiện xây dựng NTM. Phát huy trách nhiệm của cán bộ ở cơ sở, chức sắc các tổ chức tôn giáo và người có uy tín trong dân cư để thực hiện xây dựng NTM. Giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội nông thôn là cơ sở phát triển KT- XH. Động viên, khen thưởng kịp thời tạo lực đẩy phong trào thi đua, huy động mọi nguồn lực xã hội để thực hiện xây dựng NTM.

Trong xây dựng NTM, Đảng bộ tỉnh luôn biết khơi dậy và phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, công khai, minh bạch trong thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở theo phương châm: Xây dựng NTM cho người dân, vì nông dân; cộng đồng cư dân là nguồn lực, đồng thời là chủ thể và là người được hưởng thụ khi xây dựng NTM với yêu cầu “Dân cần - dân biết - dân bàn - dân làm - dân giám sát - dân hưởng thụ”; phát động mạnh mẽ cuộc vận động “Chung sức xây dựng nông thôn mới” và “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Việc lập quy hoạch, đề án và tổ chức thực hiện xây dựng NTM phải hết sức công khai, dân chủ, xin ý kiến đóng góp rộng rãi của tất cả các đối

tượng tham gia xây dựng NTM . Phát huy trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của “Ban giám sát cộng đồng”.

Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng và triển khai cơ chế khuyến khích, động viên khen thưởng phù hợp, kịp thời. Thường xuyên tuyên truyền, biểu dương khen thưởng những cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình có nhiều đóng góp trên các phương tiện thông tin của công chúng, nhất là trên hệ thống phát thanh của xã và các diễn đàn xây dựng NTM tại địa phương để khích lệ, động viên, tạo phong trào thi đua thường xuyên, liên tục, hiệu quả.

Thực hiện hiệu quả “Pháp lệnh Dân chủ cơ sở”, công khai, minh bạch trong triển khai việc phát triển nông thôn. Đồng thời có cơ chế động viên khen thưởng kịp thời, phù hợp tạo ra động lực cho phong trào thi đua, huy động nguồn lực xã hội phục vụ xây dựng NTM.

4.2.3. Kết hợp tranh thủ sự đầu tư, giúp đỡ của Trung ương với phát huy nội lực là chính, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với công bằng xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Từ khi đổi mới đến năm 2020, cùng với cả nước, Đảng bộ tỉnh Nam Định gặt hái nhiều thành tựu to lớn về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở được Trung ương tạo điều kiện, địa phương đề ra cơ chế sát hợp, cải tạo môi trường kinh doanh, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển nhằm tranh thủ nguồn lực để đầu tư phát triển.

Trong xây dựng NTM, khuyến khích địa phương xã hội hóa nguồn lực; vận động những người con quê hương Nam Định sinh sống và làm việc trong nước và ngoài nước góp sức xây dựng NTM. Với phương thức vừa học, vừa làm, vừa tổng kết thực tiễn, vừa đúc rút kinh nghiệm, tỉnh Nam Định sớm nhận rõ: Xây dựng NTM trước hết từ việc phát huy nội lực cộng đồng dân cư trong tỉnh với phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”; người dân nông thôn trong các thôn, xóm, xã, thị trấn phải chủ động, sáng tạo thực hiện xây dựng nông thôn mới; tránh tâm lý ỷ lại, trông chờ Nhà nước hỗ trợ.

Quán triệt chủ trương của Đảng: trọng tâm là đổi mới kinh tế, then chốt là xây dựng Đảng, trong tiến trình đổi mới, Đảng bộ luôn chú trọng kết hợp chặt chẽ sự tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Nhiều chính sách xã hội và vấn đề xã hội đặt ra và thực hiện có hiệu quả, vì cuộc sống tốt đẹp của con người, phát huy nhân tố con người. Vấn đề bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội, cứu trợ xã hội được triển khai đồng bộ và kịp thời. Đồng thời, Đảng bộ đặc biệt chú trọng chăm lo phát triển văn hoá, coi đó là động lực và là mục tiêu phát triển kinh tế để ổn định xã hội.

Qua quá trình tổng kết và đúc kết kinh nghiệm, Nam Định nhận thấy có 2 yếu tố then chốt mang lại thắng lợi trong xây dựng NTM. Đó là sự sáng tạo và vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và làm thật tốt việc định hướng, tuyên truyền, vận động người dân đồng thuận tham gia Chương trình xây dựng NTM theo quan điểm “Xây dựng nông thôn mới là làm cho người dân và vì người dân nông thôn”. Người dân “vừa là chủ thể, vừa là nguồn lực, vừa là đối tượng thụ hưởng khi xây dựng nông thôn mới” được bổ sung hai yếu tố đầu và cuối trong phương châm chỉ đạo, đó là “Dân cần ... dân hưởng thụ”.

Điểm đặc sắc trong tổng kết cả về lý luận và thực tiễn của Nam Định là từ câu “Dân biết - dân bàn - dân làm - dân kiểm tra” trong phương châm chỉ đạo, Nam Định đã đưa thêm 2 cụm từ “Dân cần” và “Dân hưởng thụ” ở đầu và cuối câu. Từ đó, cấp ủy, chính quyền các cấp tỉnh Nam Định cho rằng: Tiến độ xây dựng NTM chỉ được đẩy nhanh, đẩy mạnh khi tư tưởng, nhận thức của người dân được thông suốt, rằng xây dựng NTM chính là vì họ và gia đình, miền quê đáng sống của chính họ nên mới nhiệt tình hưởng ứng và hăng hái tham gia.

4.2.4. Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để Đảng bộ thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào xây dựng nông thôn mới

Đảng bộ tỉnh Nam Định luôn tự nâng cao trình độ lý luận, bồi dưỡng phẩm chất chính trị và tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. “Đảng bộ luôn chăm lo, giáo dục quan điểm lập trường vững vàng với bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng để đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, trình độ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ được phân công”. Từ khi đổi mới đến năm 2020, Đảng bộ luôn coi trọng xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh là nền tảng chính trị, là hạt nhân lãnh đạo cơ sở của Đảng. Chú trọng đổi mới, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, coi trọng công tác cán bộ, đảng viên. Học tập, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Có sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình xây dựng NTM do Đảng, Chính phủ và lãnh đạo tỉnh đề ra. Quyết tâm cao của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh tới cơ sở thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị, phát huy cao độ vai trò của MTTQ, các ngành, đoàn thể, xác định đúng vai trò chủ thể của người dân và sức mạnh của cộng đồng được phát huy trong xây dựng NTM. Thông qua lãnh đạo và chỉ đạo, điều hành để làm cho dân hiểu, tin, từ đó chủ động, tích cực tham gia. Phân công rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, vai trò làm gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên và của những người có ảnh hưởng trong cộng đồng. Thường xuyên giám sát, kiểm tra Chương trình, tuyên dương kịp thời những đơn vị, cá nhân làm tốt, tìm giải pháp giải quyết những khó khăn, hạn chế ở cơ sở.

Tạo sự thay đổi mang tính đột phá trong nhận thức, cách làm của hệ thống chính trị và nhân dân trong xây dựng NTM. Trong điều kiện một tỉnh chưa tự cân đối ngân sách, để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, huy động mọi nguồn lực xây dựng NTM, toàn hệ thống chính trị, cấp ủy đảng, chính

quyền, đoàn thể chính trị- xã hội từ trên xuống dưới chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo, tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và thực hiện của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đó là sự chuyển biến nhận thức, tư tưởng từ việc coi xây dựng NTM chủ yếu dựa vào nguồn ngoại lực, chờ đợi hỗ trợ từ ngân sách, sự đầu tư của cấp trên thành phong trào cộng đồng dân cư chủ động huy động nguồn lực triển khai thực hiện Chương trình. Người dân nông thôn xác định ngày càng rõ: Xây dựng NTM là việc của mình, để cho cuộc sống của gia đình mình, con cháu mình, quê hương, Tổ quốc mình ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Tiểu kết chương 4

Là một tỉnh thuần nông, Nam Định thấu suốt chủ trương của Đảng, phát huy kết quả, thành tựu, vận dụng hiệu quả những kinh nghiệm và cách làm trong xây dựng NTM những năm 2008 - 2020, thường xuyên đẩy mạnh toàn diện, sâu rộng cuộc vận động “Chung sức xây dựng nông thôn mới”, tỉnh Nam Định đạt chuẩn NTM với những thành tích rất đáng tự hào: đến tháng 10-2019, tỉnh Nam Định được Thủ tướng Chính phủ ghi nhận hoàn thành xây dựng NTM, là 1 trong 2 tỉnh dẫn đầu cả nước trong xây dựng NTM, được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba về thành tích xây dựng NTM. Công cuộc xây dựng NTM ở tỉnh Nam Định đã để lại những kinh nghiệm quý. Sau khi các địa phương trong tỉnh đạt chuẩn NTM và tỉnh hoàn thành xây dựng NTM, Nam Định tập trung xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu để tiếp tục xây dựng tỉnh Nam Định giàu đẹp, văn minh, nông thôn Nam Định phồn vinh, phát triển bền vững.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH
ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Minh (2019), “ Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định (2008- 2018)”, *Tạp chí Lịch sử đảng*, (344), tr.98-102.
2. Nguyễn Thị Minh (2021), “Xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu ở Nam Định (2016-2020)”, *Tạp chí Lịch sử đảng*, (366), tr.97-103.
3. Nguyễn Thị Minh (2023), “Xây dựng văn hóa nông thôn mới ở tỉnh Nam Định (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử đảng*, (389), tr.102-106.
4. Nguyễn Thị Minh (2024), “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở tỉnh Nam Định (2011-2020)”, *Tạp chí Lịch sử đảng*, (400), tr.95-100.
5. Nguyễn Thị Minh (2024), “Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo xây dựng nông thôn mới (2010-2020)- Kết quả và kinh nghiệm”, *Tạp chí Lịch sử đảng*, (408), tr.102-107

KẾT LUẬN

Trong những năm 2008-2020, thế giới trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, đan xen thách thức và cơ hội, trong đó thách thức lớn hơn cơ hội. Sự phát triển mạnh mẽ của KH,CN và việc ứng dụng vào thực tiễn sản xuất đã góp phần tạo ra năng suất lao động cao trong các ngành, lĩnh vực. Trong xu thế đó, Việt Nam đứng trước những cơ hội lớn để phát triển kinh tế, thu hẹp khoảng cách với các nước trong khu vực và thế giới, đồng thời cũng đứng trước những thách thức vô cùng to lớn nếu không bắt kịp xu thế thời đại. Với những thành tựu bước đầu sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra chủ trương đẩy mạnh CNH,HDH đất nước. Để thực hiện mục tiêu trên, Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) “về nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đề ra mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường”[52, tr.126]. Các Đại hội XI và XII của Đảng tiếp tục ban hành các chủ trương và chính sách xây dựng NTM phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

Nam Định là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội thuận lợi cho phát triển nông nghiệp toàn diện. Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là từ năm 2008 đến năm 2020, chú trọng vận dụng chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo tranh thủ lợi thế, khắc phục khó khăn, dựa vào sức dân, sáng tạo thực hiện nên đạt được kết quả nổi bật trong xây dựng NTM: Nâng cao nhận thức cho Đảng bộ, chính quyền các cấp, toàn xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc xây

dựng NTM; huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của các tổ chức, cá nhân và các nguồn lực khác cho công tác này. Tuy nhiên, trong xây dựng NTM Nam Định vẫn bộc lộ nhiều hạn chế: Nhận thức và chủ trương của một số cấp ủy, chính quyền chưa đầy đủ, toàn diện. Triển khai Chương trình xây dựng NTM chưa đều giữa các huyện và các xã, tiến độ thực hiện một số địa phương còn chậm; chất lượng thực hiện một số tiêu chí NTM chưa cao, chưa thật sự bền vững, chưa thực hiện hiệu quả pháp lệnh dân chủ cơ sở trong huy động và sử dụng nguồn lực xây dựng NTM ở một số xã nên phát sinh thắc mắc trong cán bộ và nhân dân...

Căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh, bối cảnh lịch sử của từng giai đoạn, vận dụng sáng tạo đường lối xây dựng NTM của Đảng, Đảng bộ tỉnh Nam Định đề ra chủ trương và lãnh đạo thực hiện xây dựng NTM đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Từ năm 2008 đến năm 2015, thực hiện chủ trương của Đảng, với cơ cấu kinh tế phổ biến là nông nghiệp, Nam Định tích cực chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5-8-2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Quyết định 800/QĐ-TTg “Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy đề ra nhiều Chỉ thị, Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các Chỉ thị, Nghị quyết chuyên đề: Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015”, Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25-7-2011 về “Nâng cao chất lượng cán bộ xã, phường, thị trấn từ năm 2011- 2015 và những năm tiếp theo”; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 25-7-2011 “Về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề ở nông thôn”; Nghị quyết số 07-NQ/TU, (25-7-2011) “Về phát triển kinh tế trang trại, gia trại xa khu dân cư tập trung”; Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 25-7-2011 “Về phát triển giao thông nông thôn”. Ngày 22-9- 2011, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kết luận

số 15-KL/TU của về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVII “Về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý từ năm 2007 đến năm 2015 và những năm tiếp theo”, cùng nhiều nghị quyết, chỉ thị, thông báo... của HĐND, UBND tỉnh. Dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ban ngành Trung ương; sự chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự cố gắng của các cấp, các ngành, sự đồng thuận của nhân dân nhất là nông dân, công cuộc xây dựng NTM của tỉnh được tiến hành đồng bộ, đạt được kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực.

Giai đoạn 2015-2020, quán triệt quan điểm xây dựng NTM tại Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết XIX, XX của Đảng bộ tỉnh Nam Định, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, đặc biệt 5 nghị quyết chuyên đề triển khai xây dựng NTM: “Nghị quyết số 04-NQ/TU (20-4-2016) về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”; “Nghị quyết số 05-NQ/TU (9-6-2016) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến, thu hút đầu tư; tập trung chỉ đạo tạo môi trường thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp”; “Nghị quyết số 06-NQ/TU (9-6-2016) về tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định”; “Nghị quyết số 07-NQ/TU (9-6-2016) về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định”; “Nghị quyết số 09-NQ/TU (20-10-2016) về công tác cán bộ nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ năm 2016 đến năm 2020 và những năm tiếp theo” cùng nhiều nghị quyết, chỉ thị, thông báo... của HĐND, UBND tỉnh phục vụ công tác xây dựng NTM, nhất là xây dựng NTM nâng cao và kiểu mẫu.

12 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Nam Định đã hình thành được hệ thống chỉ đạo, quản lý, hoàn thiện cơ chế, chính sách xây dựng NTM. Trong đó việc nâng cao nhận thức về công tác này cho hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân là một trong những thành công cơ bản, là cơ sở để Đảng

bộ tỉnh Nam Định tiếp tục thực hiện công tác xây dựng NTM trong giai đoạn tiếp theo.

Quá trình lãnh đạo công xây dựng NTM của Đảng bộ tỉnh Nam Định còn có những hạn chế như: Kết quả xây dựng NTM chưa đồng đều giữa các địa phương; một số tiêu chí chưa thực sự bền vững. Việc chỉ đạo lồng ghép thực hiện các nội dung cơ cấu lại ngành nông nghiệp với xây dựng NTM ở một số địa phương chưa được quan tâm; chưa chú trọng phát triển sản xuất, ngành nghề nông thôn ở một số nơi, tổ chức sản xuất hàng hóa nông nghiệp còn chậm; ... Những khiếm khuyết đó đã ảnh hưởng đến kết quả, tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng NTM của tỉnh.

Từ quá trình Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng NTM trong những năm 2008-2020 có thể đúc kết một số kinh nghiệm:

Một là, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước phù hợp với thực tiễn xây dựng nông thôn mới của tỉnh; Hai là, lấy dân làm gốc, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng nông thôn mới; Ba là, kết hợp tranh thủ sự đầu tư, giúp đỡ của Trung ương với phát huy nội lực là chính, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với công bằng xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Bốn là, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để Đảng bộ thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào xây dựng nông thôn mới.

Với những kết quả đạt được, những kinh nghiệm đúc kết từ quá trình lãnh đạo xây dựng NTM những năm 2008-2020 là cơ sở và tiền đề để Đảng bộ tỉnh Nam Định thực hiện thành công công tác xây dựng NTM, thiết thực phục vụ công tác xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu trong những năm tiếp theo.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (2010), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu trình Đại hội đại biểu lần thứ XXV (nhiệm kỳ 2010-2015)*, Nam Định.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (2010), *Đề án đào tạo nghề, truyền nghề, giải quyết việc làm trong nông thôn huyện Hải Hậu*, Quyết định số 38-QĐ/HU ngày 22 - 11 - 2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu, Nam Định.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (2013), *về tập trung lãnh đạo xây dựng nông thôn mới*, Nghị quyết số 14-NQ/HU, ngày 3 - 7-2013, Nam Định.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (2015), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu trình Đại hội đại biểu lần thứ XXVI (nhiệm kỳ 2015-2020)*, Nam Định.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định (2015), *Đảng bộ tỉnh Nam Định những thành tựu nổi bật trong 5 năm 2011- 2015*, Nam Định.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998), *Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*, số 06-NQ/TW, ngày 10-11-1998.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2002), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010*, số 15-NQ/TW, ngày 18-3-2002, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nghị quyết số 26- NQ/TW, ngày 5-8-2008, Hà Nội.
9. Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nam Định (2007), *Báo cáo sơ kết thực hiện chương trình phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2006-2010 tỉnh Nam Định*, số 470/BC-TS, ngày 1-12-2007, Nam Định.

10. Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nam Định (2008), *Báo cáo sơ kết thực hiện chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nam Định (giai đoạn 2006-2010)*, Nam Định tháng 6-2008.
11. Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nam Định (2008), *Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện chương trình phát triển CN-TTCN, làng nghề tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2010*, tháng 7-2008, Nam Định.
12. Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển kinh tế Nông nghiệp-Nông thôn (2008), *Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp-nông thôn giai đoạn 2006-2010 tỉnh Nam Định*, số 139/BC-BCN, ngày 18-8-2008, Nam Định.
13. Ban Nông nghiệp Trung ương (1991), *Kinh tế-xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay*, Nxb Tư tưởng Văn hóa, Hà Nội.
14. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2017), *70 năm tác phẩm Đời sống mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giá trị lý luận và thực tiễn trong phong trào xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2002), *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Bích (2007), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới - Quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2004), *Báo cáo đánh giá công tác quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn và kế hoạch phát triển nông nghiệp thời kỳ đổi mới*, Hà Nội.

18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Thông tư hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*, Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT, ngày 21-8-2009, Hà Nội.
19. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011), *Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*, Quyết định số 1003/QĐ-BNN-PTNT, Hà Nội.
20. Chính phủ (2010), *Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*, Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 4-6-2010, Hà Nội.
21. *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020* (2011), <http://baotintuc.vn/>, ngày 22-3-2011.
22. Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung (2012), *Chương trình Nông thôn mới ở Việt Nam-Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị*, Tham luận hội thảo khoa học, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội.
23. Trần Văn Chung (2014), *Giao đất sản xuất ở Nam Định sau gần 20 năm nhìn lại*, Nam Định ngày 1-6-2014.
24. Võ Chí Công (1987), *Những vấn đề cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
25. Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản-Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2004), *Phát triển bền vững, định nghĩa, đánh giá, định tính và định lượng*, Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 4-6-2010, <http://www.cucktbvnltts.gov.vn>.
26. Lê Thế Cương (2013), *Thực tiễn hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam*, Học viện Kinh tế chính trị, Trường Đại học Nhân dân Trung Quốc, ngày 11-3-2013, <http://www.tapchicongsan.org.vn/>.
27. Nguyễn Xuân Cường (2010), *Quá trình phát triển kinh tế- xã hội nông thôn ở Trung Quốc (1978-2008)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

28. Nguyễn Tấn Dũng (2010), *Phát triển nhanh và bền vững là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước ta*, <http://www.dangcongsan.vn>.
29. Phạm Ngọc Dũng (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), (1994), *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Phạm Quốc Doanh (2003), “Chính sách đất đai và vấn đề nông dân không đất để thực hiện công nghiệp hóa nông thôn”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, (13), tr.17-18.
32. Đảng bộ tỉnh Nam Định (2016), *Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*, ngày 20-4-2016.
33. Đảng bộ tỉnh Nam Định (2016), *Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định*, ngày 9-6-2016.
34. Đảng bộ tỉnh Nam Định (2016), *Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp từ năm 2016 đến năm 2020 và những năm tiếp theo*, ngày 20-10-2016.
35. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Giao Thủy (2007), *Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXIII về đẩy mạnh phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn giai đoạn 2007-2010 và những năm tiếp theo*, số 05-NQ/HU, ngày 19-10-2007, Giao Thủy.
36. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Giao Thủy (2011), *v/v tiếp tục chỉ đạo công tác dồn điền đổi thửa*, số 148-CV/HU, ngày 26-9-2011, Giao Thủy.

37. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Hải Hậu (2013), *Báo cáo tóm tắt kết quả chủ yếu 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, ngày 13-7-2013, Hải Hậu.
- 38.Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Mỹ Lộc (2004), *Chỉ thị v/v tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 21-8-2002 của Ban Chấp hành Đảng bộ về dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp*, số 13-CT/HU, ngày 26-7-2004, Mỹ Lộc.
39. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Hải Hậu (2014), *Báo cáo v/v thực hiện xây dựng nông thôn mới huyện Hải Hậu năm 2014*, số 164-BC/HU, ngày 4-8-2014, Hải Hậu.
40. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Nam Trực (2002), “v/v tập trung sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng thực hiện cuộc vận động dồn điền, đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết số 02 của tỉnh ủy Nam Định”, số 07/CT-HU, Chỉ thị ngày 30-10-2002, Nam Trực.
41. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Nghĩa Hưng (2013), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, ngày 15-5-2013, Nghĩa Hưng.
42. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Trực Ninh (2011), *Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục triển khai dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện trực Ninh*, số 72-TB/HU, ngày 9-9-2011, Trực Ninh.
43. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Ý Yên (2008), *Kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình 05-CTr/TU về phát triển CN-TTCN, làng nghề tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2010 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII*, số 34-KH/HU, ngày 1-3-2008, Ý Yên.
44. Đảng bộ tỉnh Nam Định, Huyện ủy Vụ Bản (2011), *Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp*,

số 05-CT/HU, ngày 28-9-2011, Vụ Bản.

45. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2010*, tháng 9-2006, Nam Định.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 10 tháng năm 2012; công tác xây dựng Đảng; xây dựng nông thôn mới huyện Hải Hậu-tỉnh Nam Định*, Hải Hậu, 11-2012.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.I, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần*

- thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, t.II, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc (2009), *Kết quả hội thảo lần thứ tư: Vấn đề nông nghiệp nông dân nông thôn kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 59. Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Nam Định (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XVII*, Nam Định.
 60. Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Nam Định (2013), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Nam Định tháng 7-2013.
 61. Nguyễn Điền (1997), *Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 62. Frans Elltis (1994), *Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
 63. Nguyễn Ngọc Hà (2012), *Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 64. Nguyễn Ngọc Hà (2022), “Vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ phát triển mới của đất nước”, *Tạp chí Cộng sản số Chuyên đề (4-2022)*.
 65. Lại Ngọc Hải (2008), *Vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn-nhìn từ góc độ giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa*, <http://www.tapchicongsan.org.vn/>.
 66. Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (Đề án 1677), (2014), “Giáo trình đào tạo trình độ thạc sĩ” (tập 2) với chuyên đề: “Đảng Cộng sản Việt Nam với việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn”.
 67. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Cách mạng công nghiệp*

lần thứ tư: thời cơ và thách thức đối với Việt Nam, Hà Nội.

68. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Những điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới*, Hà Nội.
69. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng lý luận Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (2021), *Đưa Nghị quyết XIII của Đảng vào cuộc sống-Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới*, (kỷ yếu Hội thảo cấp quốc gia), Hà Nội.
70. Hoàng Ngọc Hòa (2008), “Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập quốc tế”, Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Chính sách của Nhà nước đối với nông dân trong việc thực hiện các cam kết của WTO*, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực I đồng tổ chức.
71. Hội nông dân Việt Nam, Ban Chấp hành tỉnh hội Nam Định (1999): *Chương trình hành động của Hội Nông dân tỉnh Nam Định thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VI và NQ 06 của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn*, số 17 CV/HND, ngày 1-4-1999.
72. Hội đồng lý luận Trung ương (2022), *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
73. Đoàn Minh Huân (2022), “Đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn - Nhìn từ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò của hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn”. *Tạp chí Cộng sản*, số 986 (3-2022).
74. Hồ Đức Hùng (2007), *Kinh tế Việt Nam hội nhập phát triển bền vững*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
75. Nguyễn Mạnh Hùng (2004), *Kinh tế-xã hội Việt Nam hướng tới chất lượng tăng trưởng, hội nhập-phát triển bền vững*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
76. Hồ Xuân Hùng (2011), *Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng*

lâu dài của Đảng và nhân dân ta, <http://www.vca.org.vn>.

77. Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND huyện Hải Hậu (1994), *Hải Hậu mảnh đất- con người truyền thống-đổi mới*, Nam Định.
78. Benedict J. tria Kerrkvliet, Jamesscott (2000), *Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam*, Nguyễn Ngọc và Đỗ Đức Định sưu tầm và giới thiệu, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
79. Vũ Trọng Khải (2004), *Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
80. Nguyễn Đình Kháng (2008), *Cơ sở lý luận và thực tiễn tiếp tục hoàn thiện chính sách đất đai ở Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
81. Hoàng Long (2023), “Nam Định: Giải pháp hiệu quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu”. Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động, 12/11/2023 10:12.
82. Lê Văn Lợi (2022), “Một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta hiện nay”. Tạp chí Khoa học chính trị, số 3-2022.
83. Từ Lương (2009), *Phát triển bền vững là nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu*, www.chinhphu.vn.
84. Lê Quốc Lý (2012), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn - Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Quang Minh (2013), “Xây dựng Nông thôn mới ở các tỉnh miền núi phía Bắc: Kết quả bước đầu và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Cộng sản*, (13), tr.27-29.
89. *Mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với Việt Nam* (2006), <http://www.hoi.nongdanhungyen.org.vn>, ngày 8-9-2006.

90. Phạm Xuân Nam (1997), *Phát triển nông thôn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
91. Vũ Văn Năm (2009), *Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
92. Ngân hàng Thế giới (2003), *Báo cáo phát triển Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
93. Trần Ngọc Ngoạn (2008), *Phát triển nông thôn bền vững Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
94. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (1997), *Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, Hà Nội.
95. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2009), *Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Hà Nội.
96. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - sự thật (2011), *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Hà Nội.
97. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (2011), *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011)*, Hà Nội.
98. Nhà xuất bản Nông nghiệp (2001), *Công nghiệp hóa từ nông nghiệp-Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, Hà Nội.
99. Đặng Kim Oanh (2022), “Quá trình phát triển tư duy của Đảng về nông nghiệp, nông dân. nông thôn qua 35 năm thực hiện đổi mới (1986-2021)”. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 379 (6-2022).
100. Vũ Văn Phúc (2012), *Xây dựng nông thôn mới những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Đoàn Hồng Phong (2023), “Nam Định-Điểm sáng trong xây dựng nông thôn mới”, thứ bảy ngày 19-8-2023, *Tạp chí Cộng sản*, 00:29.
102. Phòng Nông nghiệp huyện Hải Hậu (2015), *Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện Hải Hậu*, Nam Định.

103. *Quan điểm của Đảng về xây dựng nông thôn mới* (2012), <http://htu.edu.vn>, Đại học Hà Tĩnh.
104. Chu Hữu Quý (1996), *Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn, nông nghiệp Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Nguyễn Thị Tố Quyên (2012), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011-2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Đỗ Tiến Sâm (2008), *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc thực trạng và giải pháp*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
107. Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nam Định (2002), *Báo cáo tóm tắt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ đến năm 2010 tỉnh Nam Định*, Nam Định ngày 28-10-2002.
108. Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định (2015), *Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của tỉnh Nam Định*, Nam Định.
109. Đặng Kim Sơn (2001), *Công nghiệp hóa từ nông nghiệp - Lý luận, thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
110. Đặng Kim Sơn (2008), *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
111. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. Đặng Kim Sơn (2009), *Kinh tế nông thôn và sứ mệnh giải cứu*, <http://www.tuanvietnam.net>.
113. Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh (2009), *Xây dựng mô hình nông thôn mới ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
114. Tạp chí Cộng sản-Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn-Tỉnh ủy Nam Định (2011), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Xây dựng nông thôn mới- những vấn đề lý luận và thực tiễn”*, ngày 9-12-2011, Nam Định.

115. Tạp chí Cộng sản-Tỉnh ủy Hà Nam (2015), “Công nghiệp hóa-Hiện đại hóa-đột phá phát triển nông nghiệp bền vững và xây dựng nông thôn mới, gắn với nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị-nhìn từ thực tiễn Hà Nam”, Hà Nam.
116. Trần Thị Thái (2014), *Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ năm 1997 đến năm 2005*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đại học Khoa học xã hội nhân văn, Hà Nội.
117. Hà Văn Thư-Trần Hồng Đức (1996), *Tóm tắt niên biểu Lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
118. Trương Thị Tiến (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
119. Trần Đức Tính (2001), *Đảng bộ tỉnh Nam Định lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2012*, Nam Định.
120. *Tiếp tục phát huy nội lực để xây dựng nông thôn mới ở Ninh Bình* (2013), <http://www.nhandan.com.vn/>, ngày 21-3-2013.
121. Phạm Tất Thắng (2015), “Xây dựng nông thôn mới: một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Cộng sản*, (12), tr.26-29.
122. Trần Văn Thọ (2008), *Điều kiện để Việt Nam Phát triển bền vững*, <http://www.tiasang.com.vn>.
123. Thông tấn xã Việt Nam (2009), *Luôn coi trọng tính bền vững của sự phát triển*, <http://www.vnchannel.net>.
124. Đoàn Phạm Hà Trang (2012), *Xây dựng nông thôn mới: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính*, <http://www.tapchicongsan.org.vn>.
125. Hoàng Đình Trung, Vũ Ngọc Hoàng, Hoàng thị Châu Yên (đồng chủ biên) (2021), *Thành tựu và kinh nghiệm 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) tại tỉnh Nam Định*, Nam Định.

126. Trung tâm Phát triển nông thôn, Dự án MISPA (2006), *Lý luận và thực tiễn xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa*, dịch giả Cù Ngọc Hương, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
127. Trung tâm Phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam (2008), *Báo cáo thường niên nông nghiệp năm 2008 và triển vọng 2009*, Hà Nội.
128. Đào Thế Tuấn (2005), *Chính sách nông thôn, nông dân và nông nghiệp mới ở Trung Quốc*, socencoop.org.vn.
129. Phạm Gia Túc (2023), “Dấu ấn nổi bật trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Nam Định: Kết quả, bài học và định hướng cho giai đoạn mới”, Tạp chí Cộng sản, 1.007 (2-2023).
130. Tỉnh ủy Nam Định (2001), *Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (Dự thảo)*, tháng 1-2001, Nam Định.
131. Tỉnh ủy Nam Định (2001), *Chương trình phát triển kinh tế nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn mới thời kỳ 2001-2005 tỉnh Nam Định*, ngày 25-6-2001, Nam Định.
132. Tỉnh ủy Nam Định (2001), *Chương trình một số vấn đề phát triển nông lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới thời kỳ 2001-2005 tỉnh Nam Định*, tháng 7-2001, Nam Định.
133. Tỉnh ủy Nam Định (2002), *Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc dồn điền, đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp*, số 02-NQ/TW, ngày 6-8-2002, Nam Định.
134. Tỉnh ủy Nam Định (2003), *Nghị quyết về việc tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã*, số 04-NQ/TU, ngày 16-4-2003, Nam Định.
135. Tỉnh ủy Nam Định (2004), *Thông báo kết luận của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả 3 năm thực hiện chương trình “Một số vấn đề phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới thời kỳ 2001-2005”*, số 239-TB/TU, ngày 24-6-2004, Nam Định.

136. Tỉnh ủy Nam Định (2005), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*, ngày 22-3-2005, Nam Định.
137. Tỉnh ủy Nam Định (2005), *Báo cáo thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về phát triển kinh tế tập thể, đẩy nhanh CNH-HĐH nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2001-2010 và sắp xếp đổi mới phát triển nông, lâm trường quốc doanh (theo đề cương của Ban kinh tế Trung ương)*, ngày 3-6-2005, Nam Định.
138. Tỉnh ủy Nam Định (2005), *Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-TW về đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010*, số VP-TU, ngày 22-3-2005, Nam Định.
139. Tỉnh ủy Nam Định (2006), *Chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2010*, số 07-CTr/TU, ngày 1-12-2006, Nam Định.
140. Tỉnh ủy Nam Định (2006), *Chương trình phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2010*, số 05-CTr/TU, ngày 1-12-2006, Nam Định.
141. Tỉnh ủy Nam Định (2008), *Quyết định về việc kiện toàn Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nam Định (giai đoạn 2006-2010)*, số 494-QĐ/TU, ngày 22-8-2008, Nam Định.
142. Tỉnh ủy Nam Định (2008), *Về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Chương trình hành động số 23-CTr/TU, ngày 30-9-2008, Nam Định.
143. Tỉnh ủy Nam Định (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XVIII*, Nam Định.

144. Tỉnh ủy Nam Định (2010), *Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015*, số 01-CT/TU, ngày 8-11-2010, Nam Định.
145. Tỉnh ủy Nam Định (2011), *Kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy về một số nhiệm vụ cần tập trung thực hiện trong chương trình xây dựng nông thôn mới*, số 11-KL/TU, ngày 22-8-2011, Nam Định.
146. Tỉnh ủy Nam Định (2011), *Chỉ thị của ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp*, số 07/CT/TU, ngày 19-8-2011, Nam Định.
147. Tỉnh ủy Nam Định (2011), *Kế hoạch sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, số 62-KH/TU, ngày 29-3-2013, Nam Định.
148. Tỉnh ủy Nam Định (2014), *Thông báo kết luận kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy Vụ Bản trong việc lãnh đạo và thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015”*, số 593-TB/TU, ngày 24-11-2014, Nam Định.
149. Tỉnh ủy Nam Định (2014), *Thông báo kết luận kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy Mỹ Lộc trong việc tiếp tục lãnh đạo và thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015”*, số 593-TB/TU, ngày 24-11-2014, Nam Định.
150. Tỉnh ủy Nam Định (2014), *Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường lãnh đạo việc thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp Nam Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020*, số 27-NQ/TU, ngày 17-7-2014, Nam Định.
151. Tỉnh ủy Nam Định (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015-2020*, Nam Định.

152. Tỉnh ủy Nam Định (2016), *Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*, số 04/NQ-TU, ngày 20-4-2016, Nam Định.
153. Tỉnh ủy Nam Định (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025*, Nam Định.
154. Tỉnh ủy Nam Định, Ban cán sự Đảng Sở Thủy sản (2001), *Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*, Nam Định ngày 5-11-2001.
155. Tỉnh ủy Nam Định, Ban chủ nhiệm chương trình (2006), *Chương trình trọng điểm phát triển kinh tế nông nghiệp – nông thôn giai đoạn 2006-2010 tỉnh Nam Định*, ngày 26-9-2006, Nam Định.
156. Tỉnh ủy Nam Định, Ban Chỉ đạo sơ kết Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) (2013), *Báo cáo tiến độ, kết quả triển khai Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết TƯ 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, ngày 3-7-2013, Nam Định.
157. Tỉnh ủy Nam Định, Đoàn kiểm tra (2014), *Báo cáo kết quả kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy Vụ Bản trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015”*, ngày 16-10-2014, Nam Định.
158. Tỉnh ủy Nam Định, Đoàn kiểm tra (2014), *Báo cáo kết quả kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy Mỹ Lộc trong việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015”*, ngày 16-10-2014, Nam Định.
159. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2003), *Địa chí Nam Định*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

160. Tỉnh ủy Nam Định, Trường Chính trị Trường Chính tỉnh Nam Định (2021), *Chương trình Trung cấp Lý luận chính trị*, Nam Định.
161. Thủ tướng Chính phủ (2004), *V/v ban hành định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)*, Quyết định 153/2004/QĐ-TTg ngày 17-8-2004, <http://chinhphu.vn>.
162. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*, Quyết định 491/QĐ-TTg, ngày 16-4-2009, Hà Nội.
163. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Công văn số 1447/TTg-KTN ngày 13-5-2010 huy động vốn đóng góp của dân để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*, Hà Nội.
164. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định 800/QĐ-TTg, ngày 4-6-2010, Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*, Hà Nội.
165. Thủ tướng chính phủ (2011), *Quyết định số 1620/QĐ-TTg, ngày 20-9-2011, tổ chức phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”*, Hà Nội.
166. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, số: 1600/QĐ-TTg, ngày 16 - 8 - 2016*.
167. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1760/QĐ-TTg điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16-8-2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, ngày 10-11-2017*.
168. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn lao động tỉnh Nam Định (2013), *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn, số 21/BC-LĐLĐ, ngày 13-6-2013*, Nam Định.

169. Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu (2010), *Triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Hải Hậu giai đoạn 2010 - 2015*, Kế hoạch số 42/KH-UBND, ngày 16-12-2010, Nam Định.
170. Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới huyện Hải Hậu*, số 88/BV-UBND, Hải Hậu ngày 12-8-2014.
171. Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Hải Hậu giai đoạn 2010- 2015*, Nam Định.
172. Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng (2002), *Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCHTW Đảng khóa IX (về tiếp tục phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; đổi mới cơ chế chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010)*.
173. Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng (2003), *Báo cáo tổng kết công tác dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp huyện Nghĩa Hưng*, ngày 25-5-2003, Nghĩa Hưng.
174. Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản (2011), *Kế hoạch dồn điền đổi thửa*, số 60/KH-UBND, ngày 28-9-2011, Vụ Bản.
175. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2002), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Kinh tế-Xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng cuối năm 2002*, ngày 26-6-2002, Nam Định.
176. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2002), *Đề án đổi ruộng, dồn thửa từ nhiều ô thửa nhỏ thành những ô thửa lớn trên địa bàn tỉnh Nam Định*, ngày 27-6-2002, Nam Định.
177. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2002), *Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng khu công nghiệp tập trung của tỉnh tại thành phố Nam Định và các cụm công nghiệp, làng nghề tại các huyện*, số 20/BC-UB, ngày 7-10-2002, Nam Định.

178. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2002), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 3 tháng cuối năm*, (Dự thảo), ngày 9-10-2002, Nam Định.
179. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2006), *Kế hoạch tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy về đổi mới hợp tác xã và tổ chức Đại hội xã viên hợp tác xã nông nghiệp nhiệm kỳ 2006-2009*, số 49/UBND-VP3, ngày 7-4-2006, Nam Định.
180. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2007), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2007 ngành thủy sản Nam Định*, số 277/BC-TS, ngày 1-7-2007, Nam Định.
181. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2007), *Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2006-2010 tỉnh Nam Định*, số 70/KH-UBND, ngày 25-4-2007, Nam Định.
182. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2007), *Kế hoạch thực hiện chương trình trọng điểm phát triển kinh tế nông nghiệp-nông thôn giai đoạn 2006-2010 tỉnh Nam Định*, số 78/KH-UBND, ngày 10-5-2007, Nam Định.
183. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2008), *Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp và một số giải pháp chủ yếu trong thời gian tới*, ngày 20-2-2008, Nam Định.
184. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2008), *Báo cáo tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Nam Định, những mục tiêu và giải pháp đến năm 2020*, ngày 5-4-2008, Nam Định.
185. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2008), *Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông tỉnh Nam Định giai đoạn 2008-2015, định hướng đến năm 2020*, Quyết định số 2148/QĐ-UBND, ngày 22-10-2008.
186. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2010), *Về bổ sung kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố để hỗ trợ các xã, thị trấn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 triển khai thực hiện rà soát, lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới đến năm 2020*, Quyết định số 2376-QĐ/UBND ngày 11-11-2010.

187. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2010), *Triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định giai đoạn 2010-2015*, Kế hoạch số 36/KH-UBND, ngày 12-11-2010.
188. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2011), *Về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Nam Định*, Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 16-2-2011.
189. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2011), *Báo cáo công tác dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định*, số 79/BC-UBND, ngày 10-8-2011, Nam Định.
190. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2011), *Về dồn điền, đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh*, Kế hoạch số 45-KH/UBND ngày 30-8-2011.
191. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2012), *Về hỗ trợ kinh phí xây dựng nâng cấp chợ, trụ sở làm việc của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nam Định*, Quyết định số 08A/QĐ-UBND ngày 24-5-2012.
192. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2012), *Báo cáo sơ kết một năm tổ chức thực hiện công tác dồn điền đổi thửa đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định*, số 93/BC-UBND, ngày 13-8-2012, Nam Định.
193. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2012), *Báo cáo sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015*, số 146/BC-UBND, ngày 6-12-2012, Nam Định.
194. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2014), *Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 01-CT/TU ngày 8-11-2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015*, tháng 2-2014, Nam Định.
195. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2014), *Quyết định phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Nam Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2014-2020*, số 1346/QĐ-UBND, ngày 30-7-2014, Nam Định.

196. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2014), *v/v tham gia ý kiến về thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của huyện Hải Hậu*, ngày 11-8-2014, Nam Định.
197. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2016), *Tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020*, Báo cáo số 338/BC-UBND ngày 6-3-2016.
198. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2016), *Báo cáo Tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020*, Số: 63/BC-UBND, ngày 9 - 6 – 2016, Nam Định.
199. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2017), *Kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định năm 2017*, Số 581/ KH-UBND, ngày 17-4-2017, Nam Định.
200. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2018), *Kế hoạch xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020*, số 52/KH-UBND, ngày 9-6-2016, Nam Định.
201. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2018), *Kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Nam Định năm 2018 và định hướng năm 2019*, tháng 4-2018, Nam Định.
202. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2018), *Báo cáo Sơ kết 3 năm (2016-2018) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia*, Số: 205/BC-UBND, ngày 30-8-2018, Nam Định.
203. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2019), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*, ngày 6-9-2019, Nam Định.
204. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (2020), *Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2020, dự kiến kế hoạch giai đoạn năm 2021-2025*, ngày 30-11-2020, Nam Định.

205. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Ban chỉ đạo (2004), *Báo cáo kết quả 3 năm triển khai thực hiện chương trình một số vấn đề phát triển nông lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới thời kỳ 2001-2005*, ngày 30-7-2004, Nam Định.
206. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Ban Chỉ đạo chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (2016), *Báo cáo kết quả hơn 1 năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới*, số 38/BC-BCĐ, ngày 8-9-2016, Nam Định.
207. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM (2019), *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020*, ngày 10 - 6 – 2019, Nam Định.
208. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng NTM (2020), *Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM năm 2020, dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025*, ngày 30-11-2020, Nam Định.
209. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Ban Chỉ đạo dồn điền đổi thửa (2011), *Thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo dồn điền, đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Nam Định*, số 45/TB-BCĐ, ngày 31-10-2011, Nam Định.
210. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Sở Công nghiệp (2008), *Báo cáo đánh giá 2 năm thực hiện “Chương trình phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tỉnh Nam Định giai đoạn 2006-2010”*, tháng 1-2008, Nam Định.
211. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, sở Công thương (2012), *v/v Báo cáo tình hình thực hiện tiêu chí số 4 và số 7 về xây dựng nông thôn mới huyện Hải Hậu*, số 367/SCT-QLTM, ngày 12-8-2014, Nam Định.

212. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, sở công thương (2014), *v/v thực hiện tiêu chí số 4 và số 7 về xây dựng nông thôn mới huyện Hải Hậu*, số 414/SCT-QLTM, ngày 3-9-2014, Nam Định.
213. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Sở Địa chính (2003), *Báo cáo sơ kết công tác dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp-tỉnh Nam Định*, số 138/BC-ĐC, ngày 23-4-2003, Nam Định.
214. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, sở Giao thông vận tải (2012), *v/v chuẩn bị báo cáo thường trực Tỉnh ủy*, số 1409/SGTVT-QLGT, ngày 12-8-2014, Nam Định.
215. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Sở Kế hoạch và đầu tư (2023), *Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Nam Định.
216. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, sở Nông nghiệp và PTNT (2014), *Báo cáo tổng kết sản xuất vụ Xuân 2014; phương hướng, nhiệm vụ sản xuất vụ Xuân 2015*, ngày 12-11-2014, Nam Định.
217. Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên & Môi trường (2003), *Thông báo tiến độ thực hiện công tác dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Nam Định*, số 02/TB-TNMT, ngày 6-6-2003, Nam Định.
218. Văn phòng Trung ương Đảng (2000), *Một số vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn nước ta*, Hà Nội.
219. Nguyễn Thanh Vân (2015), *Đảng bộ huyện Hải Hậu (tỉnh Nam Định) lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ năm 2001 đến năm 2011*, Nam Định.
220. Viện Lịch sử Đảng-Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), “Tác phẩm đời sống mới của chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh hiện nay”, Tạp chí Lịch sử Đảng, (319), tr.27-32.
221. Viện Môi trường và phát triển bền vững, Hội Liên hiệp các Hội Khoa học

kỹ thuật Việt Nam (2003), *Nghiên cứu xây dựng tiêu chí phát triển bền vững cấp quốc gia ở Việt Nam giai đoạn I*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

222. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

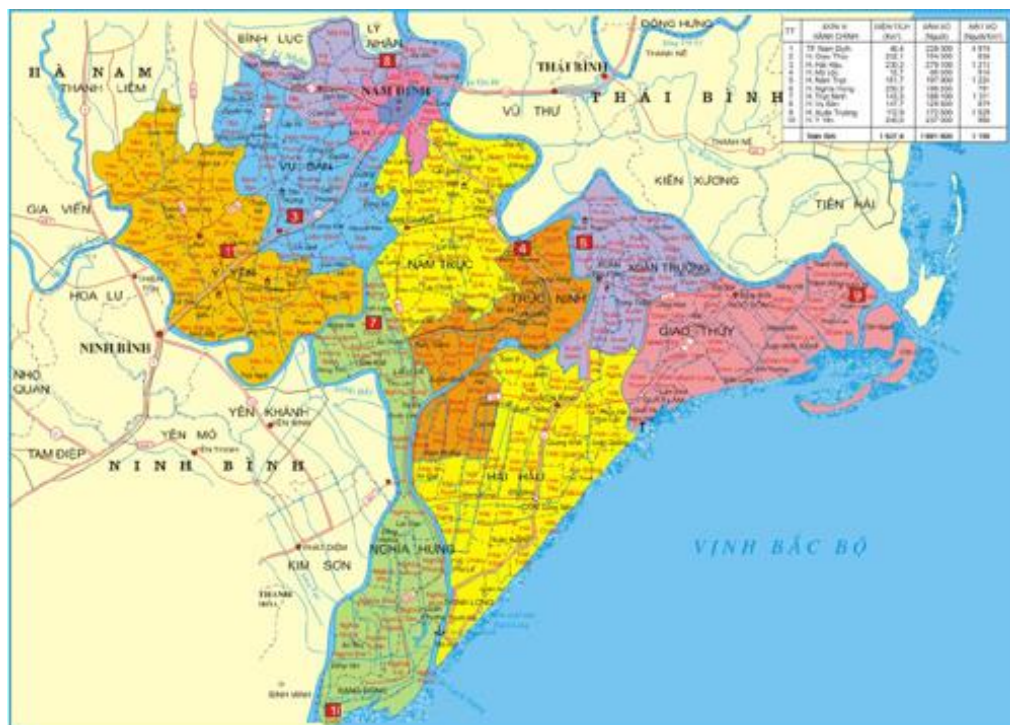
223. VTC new 5-7-2021.

224. Trần Minh Yên (Chủ biên) (2012), *Xây dựng nông thôn mới - Khảo sát và đánh giá*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Phụ lục 01: BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH NAM ĐỊNH



Nam Định bao gồm 1 thành phố, 9 huyện với tổng 229 đơn vị hành chính cấp xã (trong đó có 194 xã, 20 phường và 15 thị trấn):

Thành phố Nam Định: 20 phường và 5 xã; Huyện Mỹ Lộc: 1 thị trấn, 9 xã; Huyện Nam Trực: 1 thị trấn, 19 xã; Huyện Trực Ninh: 2 thị trấn, 19 xã; Huyện Xuân Trường: 1 thị trấn, 19 xã; Huyện Giao Thủy: 2 thị trấn, 20 xã; Huyện Hải Hậu: 3 thị trấn, 32 xã; Huyện Nghĩa Hưng: 3 thị trấn, 22 xã; Huyện Ý Yên: 1 thị trấn, 31 xã; Huyện Vụ Bản: 1 thị trấn, 17 xã

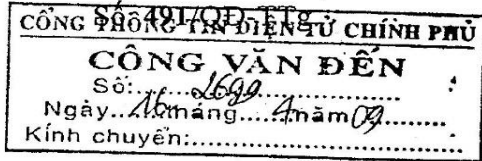
(Nguồn Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định, tháng 3-2016)

Giai đoạn 2019-2021 theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Nam Định giảm 3 đơn vị cấp xã (Huyện Hải Hậu sáp nhập xã Hải Toàn vào Hải An; Huyện Nghĩa Hưng sáp nhập xã Nghĩa Phúc vào xã Nghĩa Thắng; Huyện Ý Yên sáp nhập xã Yên Xá vào thị trấn Lâm).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Bộ tiêu chí là căn cứ để xây dựng nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; kiểm tra, đánh giá công nhận xã, huyện, tỉnh đạt nông thôn mới.

Bộ tiêu chí sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước và từng thời kỳ.

Điều 2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định việc xét công nhận và công bố địa phương (xã, huyện, tỉnh) đạt tiêu chuẩn "nông thôn mới".

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). **230**



Nguyễn Sinh Hùng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 491/QĐ-TTg
ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

I. QUY HOẠCH

[illegible]

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	70%	50%	100%	70%	70%	70%	100%	50%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	100%	100% (50% cứng hóa)	100% cứng hóa	100% (70% cứng hóa)	100% (70% cứng hóa)	100% (50% cứng hóa)	100% cứng hóa	100% (30% cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.	65%	50%	100%	70%	70%	70%	100%	50%
3	Thủy lợi	3.1. Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	65%	50%	85%	85%	70%	45%	85%	45%

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	98%	95%	99%	98%	98%	98%	99%	98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80%	70%	100%	80%	80%	70%	100%	70%
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.2. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Bưu điện	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Có Internet đến thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	80%	75%	90%	80%	80%	75%	90%	70%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh	1,4 lần	1,2 lần	1,5 lần	1,4 lần	1,4 lần	1,3 lần	1,5 lần	1,3 lần
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	<6%	10%	3%	5%	5%	7%	3%	7%
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	<30%	45%	25%	35%	35%	40%	20%	35%
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có

IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải nam TB	Tây Nguyên	Đông nam bộ	ĐB Sông Cửu Long
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục trung học.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	85%	70%	90%	85%	85%	70%	90%	80%
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	>35%	>20%	>40%	>35%	>35%	>20%	>40%	>20%

15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	30%	20%	40%	30%	30%	20%	40%	20%
		15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hoá theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	85%	70%	90%	85%	85%	85%	90%	75%
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.3. Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

B. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI: có 75% số xã trong huyện đạt nông thôn mới

C. TỈNH NÔNG THÔN MỚI: có 80% số huyện trong tỉnh đạt nông thôn mới



Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphe@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 13.11.2017 16:12:37 +07:00

17/11

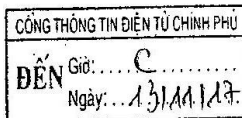
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1760 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình công tác năm 2017 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Mục III các nội dung thành phần của Chương trình, cụ thể như sau:

a) Khoản 2, Điểm a, Mục tiêu:

Đạt yêu cầu tiêu chí số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 15 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Khoản 3, Điểm b, Nội dung số 02:

“Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học, công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2012); tăng cường công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp”.

c) Khoản 3, Điểm b, Nội dung số 05:

“- Nội dung số 05: Phát triển ngành nghề nông thôn bao gồm: Xây dựng và phát triển mỗi xã một sản phẩm; bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích phát triển mỗi làng một nghề; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm cho sản phẩm làng nghề”.

d) Khoản 3, Điểm b, Nội dung số 06, dấu “+” đầu tiên:

“+ Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm; rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu đào tạo nghề; phát triển chương trình đào tạo; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phương tiện cho trung tâm dịch vụ việc làm thanh niên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, các trường trung cấp thủ công mỹ nghệ, trường công lập ở những huyện chưa có trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp ở trong và ngoài nước, giáo viên giảng dạy kiến thức kinh doanh khởi sự doanh nghiệp cho lao động nông thôn”.

đ) Khoản 5, Điểm b, Nội dung số 03:

“Phổ cập giáo dục tiểu học. Đến năm 2020, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học trên 63/63 đơn vị cấp tỉnh, trong đó ít nhất 40% số tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; huy động được 99,7% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1, tỉ lệ lưu ban và bỏ học ở tiểu học dưới 0,5%. 100% đơn vị cấp tỉnh, 100% đơn vị cấp huyện và 99,5% đơn vị cấp xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi theo quy định của Chính phủ”.

e) Khoản 8, Điểm b, Nội dung số 03:

“Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng”.

g) Khoản 9, Điểm b, Nội dung số 02:

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới theo cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

h) Khoản 11, Điểm b, Nội dung số 03:

Tổ chức triển khai công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng và triển khai hiệu quả hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin.

2. Điều chỉnh, bổ sung Mục V các giải pháp thực hiện Chương trình, cụ thể như sau:

a) Khoản 3, gạch đầu dòng thứ 2:

“ - Huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai Chương trình. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương và yêu cầu bố trí tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ phân cấp nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới”

b) Khoản 5, Điểm b:

“ b) Hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước cho các xã để thực hiện: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng, hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa, thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản, ấp, cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ cho xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ), hỗ trợ thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ), kinh phí vận hành Quỹ xây dựng nông thôn mới.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định này vẫn được giữ nguyên và tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các thành viên BCĐ các Chương trình MTQG;
- Các văn phòng: Điều phối NTM TW, Quốc gia giảm nghèo, Điều phối CT 135;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ: CN, KTTT, NC, KGVX, TCCV, QHĐP, TKBT, PL, TH, KSTT;
- Lưu: Văn thư, NN (03). *Thịnh*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vương Đình Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 12/2018/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 06 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao
trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận địa phương đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh về việc Quy định một số tiêu chí xã NTM thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 153/TTr-SNN ngày 01/6/2018 và Báo cáo thẩm định số 82/BC-STP ngày 28/5/2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Tiêu chí xã NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Điều kiện công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao:

1. Xã có đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao.
2. Xã có 19/19 tiêu chí NTM đạt chuẩn theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Nam Định.
3. Xã đạt chuẩn 19 nội dung trong Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2018-2020 được quy định tại Quyết định này.
4. Xã không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM tại thời điểm xét công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp & PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/6/2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Chánh Văn phòng Điều phối NTM của Tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TT BCĐ TW các Chương trình MTQG;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Công báo tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Website tỉnh, website VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Đình Nghị



ĐOÀN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

I. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Nội dung yêu cầu
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo các yêu cầu phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể như sau: 1.1. Hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn đạt chuẩn theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh và quy định cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương. 1.2. Riêng đối một số tiêu chí phải đảm bảo thêm các yêu cầu sau: a) <i>Hệ thống thủy lợi</i>: Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu ứng phó hiệu quả với mức độ rủi ro thiên tai cấp độ 3 (bão, lũ, lụt). b) <i>Trường học</i>: - Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia và đạt chuẩn “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”. - Trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt chuẩn “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”. - Trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia và đạt chuẩn “Xanh - sạch - đẹp - an toàn”. c) <i>Trạm y tế xã</i>: Đạt yêu cầu “Xanh - sạch - đẹp”.
2	Có phương án/kế hoạch và bố trí nguồn vốn để thường xuyên duy tu, bảo trì, nâng cấp các công trình hạ tầng kinh tế xã hội. Quản lý, sử dụng hiệu quả các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư.

II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

TT	Nội dung yêu cầu
3	Có quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của xã (ít nhất đối với 01 sản phẩm nông nghiệp chủ lực); thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành hàng, sản phẩm chủ lực của xã và các nội dung tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp.
4	4.1. Có vùng hoặc mô hình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững. 4.2. Có ít nhất 01 vùng cánh đồng lớn đạt Tiêu chí cánh đồng lớn. 4.3. Có ít nhất 01 chuỗi liên kết bền vững từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản hàng hóa của xã. 4.4. Có HTX hoạt động hiệu quả theo Luật HTX năm 2012.
5	Có ít nhất một trong các mô hình: Nông nghiệp an toàn, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ hoặc nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

TT	Nội dung yêu cầu
6	6.1. Giải quyết thêm việc làm mới thường xuyên cho từ 100 lao động nông thôn trở lên thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. 6.2. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên $\geq 95\%$.
7	7.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm: Năm 2018 $\geq 44,4$ triệu đồng, năm 2019 $\geq 49,2$ triệu đồng; năm 2020 $\geq 54,6$ triệu đồng. 7.2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều không thuộc đối tượng bảo trợ xã hội $\leq 1\%$.

III. GIÁO DỤC - Y TẾ - VĂN HÓA

TT	Nội dung yêu cầu
8	8.1. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 trở lên. 8.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 65\%$.
9	Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động (thường trú ở địa phương) có khả năng tham gia lao động được phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh.
10	10.1. Đảm bảo chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân. 10.2. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch. 10.3. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.
11	11.1. Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại Trung tâm văn hóa – thể thao của xã, thu hút đông đảo người dân tham gia. 11.2. Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp được phát huy thông qua các hoạt động sinh hoạt văn hóa của địa phương. 11.3. Cộng đồng dân cư trong xã đoàn kết, đồng thuận, dân chủ có nhiều hoạt động tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau và hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, nhân đạo, từ thiện. 11.4. Đảm bảo bình đẳng giới, không để xảy ra vụ việc nghiêm trọng về bạo lực gia đình và xâm hại trẻ em.

IV. CẢNH QUAN – MÔI TRƯỜNG

TT	Nội dung yêu cầu
12	12.1. Có 100% số hộ dân trên địa bàn xã được cung cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung. 12.2. Cảnh quan môi trường nông thôn thường xuyên sáng – xanh – sạch – đẹp: Các khu công cộng, đường giao thông, sông, kênh mương không có rác, thường xuyên sạch sẽ; đường trục xã, liên xã có dải cây xanh; đường trong khu dân cư có cây xanh, có điện chiếu sáng; có tuyến đường hoa. 12.3. Có mô hình quy mô từ thôn/xóm trở lên về phân loại rác thải tại nguồn.

TT	Nội dung yêu cầu
	12.4. Các khu dân cư tập trung có hệ thống thu gom nước thải, tiêu thoát nước mưa; nước thải đã qua xử lý trước khi đổ ra kênh mương. 12.5. Các hộ gia đình đảm bảo “3 sạch”.
13	Xã có hoạt động xử lý rác thải thân thiện với môi trường.
14	Duy trì thường xuyên hoạt động thu gom, vận chuyển xử lý rác thải của xã; tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn xã đạt từ 90% trở lên.

V. AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG

TT	Nội dung yêu cầu
15	15.1. An ninh trật tự được bảo đảm; không có khiếu kiện đông người; không để xảy ra trọng án; các loại tội phạm và tai tệ nạn xã hội giảm so với năm trước. 15.2. Xã thường xuyên tổ chức hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, được đông đảo người dân hưởng ứng tham gia. 15.3. Có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.
16	16.1. Thực hiện tốt cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính. 16.2. Giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng hạn, đúng quy định.
17	17.1. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. 17.2. 100% số thôn/xóm có hương ước, quy ước được phê duyệt và tổ chức thực hiện tốt các hương ước, quy ước. 17.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt “trong sạch, vững mạnh”.

VI. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

TT	Nội dung yêu cầu
18	Các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có kế hoạch, chương trình hành động cụ thể tích cực tham gia hiệu quả phong trào thi đua “Chung sức xây dựng NTM”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua yêu nước khác tại địa phương

VII. SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

TT	Nội dung yêu cầu
19	Có $\geq 90\%$ số hộ dân hài lòng đối với kết quả thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao (Trong tổng số $\geq 60\%$ hộ dân được hỏi ý kiến)

Các chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội 5 năm (2015 - 2020)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện giai đoạn 2010-2015	Chỉ tiêu Đại hội XIX	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1. Tốc độ tăng bình quân hằng năm Tổng sản phẩm trong tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	%	6,2	7,5-8	7,9	Đạt chỉ tiêu
2. Cơ cấu kinh tế đến năm 2020					Vượt chỉ tiêu
- Nông, lâm, thủy sản	%	24,0	18,0	17,9	
- Công nghiệp, xây dựng và dịch vụ	%	76,0	82,0	82,1	
3. Tốc độ tăng bình quân Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (giá so sánh 2010)	%	2,9	2,5-3,0	2,7	Đạt chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện giai đoạn 2010-2015	Chỉ tiêu Đại hội XIX	Kết quả thực hiện	Ghi chú
4. Tốc độ tăng bình quân Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	%	11,3	13-14	13,7	Đạt chỉ tiêu
5. Tốc độ tăng bình quân Giá trị các ngành dịch vụ (giá so sánh 2010)	%	6,1	8-8,5	8,1	Đạt chỉ tiêu
6. Tổng giá trị hàng xuất khẩu đến năm 2020	Tỷ USD	0,98	1,8-2,0	2,1	Vượt chỉ tiêu
7. Tốc độ tăng hằng năm vốn đầu tư toàn xã hội	%	15,0	15-16	17,4	Vượt chỉ tiêu
8. Thu ngân sách trên địa bàn năm 2020	Tỷ đồng		5.500-6.000	6.000	Đạt chỉ tiêu
9. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2020	%		80	91	Vượt chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện giai đoạn 2010-2015	Chỉ tiêu Đại hội XIX	Kết quả thực hiện	Ghi chú
10. Tỷ lệ giảm sinh hàng năm	%	0,2	0,1-0,15	0,1	Đạt chỉ tiêu
11. Tỷ lệ hộ nghèo giảm hằng năm	%	0,9	1-1,5	1,0	Đạt chỉ tiêu
12. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020	%	60,0	70-75	72,0	Đạt chỉ tiêu
13. Mục tiêu xây dựng NTM đến năm 2020	%		Tỉnh đạt chuẩn NTM	Hoàn thành trước 1,5 năm	Vượt chỉ tiêu
14. Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh đạt từ 99,9% (Trong đó được sử dụng nước sạch đạt từ 95% trở lên)	%		95,0	95,0	Đạt chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện giai đoạn 2010-2015	Chỉ tiêu Đại hội XIX	Kết quả thực hiện	Ghi chú
15. Xây dựng hệ thống chính trị					
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ	%		80%	89,4	Vượt chỉ tiêu
- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	%		80%	87,85	Vượt chỉ tiêu
- Tỷ lệ chính quyền cơ sở đạt vững mạnh	%		80%	81,8	Vượt chỉ tiêu

[Nguồn Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XX nhiệm kỳ 2020–2025]

Phụ lục 2

Một số hình ảnh nông thôn mới tỉnh Nam Định



[Nguồn: thoidai.com.vn]

Hình 1: Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được tập trung đầu tư, nâng cấp đồng bộ



[Nguồn: qdnd.vn]

Hình 2: Con đường hoa đủ màu sắc ở Hải Hậu, Nam Định trở thành một phong trào kiểu mẫu được nhiều địa phương tới học tập



[Nguồn: namdinh.gov.vn]

Hình 3: Sản xuất nông nghiệp những năm qua có bước chuyển mạnh từ coi trọng sản lượng sang chất lượng, từ chủ yếu phục vụ tiêu dùng sang kết hợp giữa tiêu dùng với sản xuất hàng hóa



[Nguồn: VOV tiếng nói Việt Nam, 3-8-2023 07:03:11]

Hình 4: Công tác giữ gìn, bảo vệ môi trường và làm đẹp cảnh quan nông thôn đã trở thành hoạt động thường xuyên của mỗi người dân Nam Định



[Nguồn: VOV tiếng nói Việt Nam, 3-8-2023 07:03:11]

Hình 5: Con đường bích họa tại xã nông thôn mới kiểu mẫu Hải An, Hải Hậu, Nam Định



[Nguồn: Cổng Thông tin điện tử huyện Giao Thủy, 17-12-2022]

Hình 6: Xã Giao Phong, huyện Giao Thủy là xã đầu tiên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Nam Định